CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:325/BC-VNDIRECT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102065366
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.17 18:31:57+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.2.1

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Thư gửi cổ đông

Kính gửi Quý vị cổ đông,

Năm 2025 khép lại, đánh dấu một năm với nhiều biến động về kinh tế, chính trị và môi trường kinh doanh của rất nhiều doanh nghiệp. Thế giới bước vào một giai đoạn tái định hình sâu sắc — từ những dịch chuyển địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, đến sự trỗi dậy mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo đang viết lại cách con người làm việc, ra quyết định và tạo ra giá trị. Trong cơn sóng đó, ngành dịch vụ tài chính là một trong những ngành chịu tác động lớn nhất. Dữ liệu, thuật toán và hành vi của nhà đầu tư đang định hình lại toàn bộ logic vận hành — nơi lợi thế cạnh tranh không còn đến từ quy mô hay tốc độ đơn thuần, mà đến từ khả năng hiểu khách hàng, quản trị rủi ro và tạo ra giải pháp thực sự phù hợp với từng người.

Ở trong nước, bức tranh cạnh tranh cũng thay đổi theo hướng khác biệt. Các ngân hàng và định chế tài chính lớn đang đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái khép kín, tận dụng quy mô và mạng lưới khách hàng sẵn có để mở rộng ảnh hưởng sang mảng chứng khoán và quản lý tài sản. Cuộc chơi không còn là giữa các công ty chứng khoán với nhau, mà là giữa các hệ sinh thái tài chính.

Trước một bối cảnh như vậy, VNDIRECT chọn quay vào nội lực để bắt đầu cho một hành trình mới. Chúng tôi gọi hành trình này là **VNDNEXT**.

2025 - cấy nền cho một hướng đi mới VNDNEXT

Nhìn lại hành trình gần hai thập kỷ, mỗi giai đoạn biến động mà VNDIRECT đi qua đều để lại

những lớp năng lực khác nhau. Từ bài học quản trị rủi ro sau khủng hoảng 2008, khả năng chống chịu trong giai đoạn thanh khoản suy giảm 2022–2023, đến sự cố an ninh mạng năm 2024 — tất cả đã hình thành nên một nền tảng tổ chức có khả năng học hỏi và tự điều chỉnh qua từng chu kỳ. Năm 2025, VNDIRECT lựa chọn việc tái tạo tổ chức từ bên trong, sẵn sàng cho một chu kỳ mới dự báo với rất nhiều thách thức từ những thay đổi lớn từ bên ngoài.

Quá trình "cấy nền" được triển khai trên ba trục. **Về mô hình kinh doanh**, VNDIRECT từng bước chuyển từ công ty cung cấp dịch vụ giao dịch sang định chế tài chính trung gian, cung cấp các giải pháp đầu tư toàn diện được thiết kế dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về từng khách hàng. **Về công nghệ**, trọng tâm không còn là số hóa quy trình mà là xây dựng một hạ tầng dữ liệu và trí tuệ, nơi trí tuệ nhân tạo được tích hợp vào các lớp vận hành — từ phân tích, tư vấn đến quản trị rủi ro. **Về con người**, tổ chức chuyển từ cấu trúc vận hành theo chức năng sang một hệ thống các chuyên gia có khả năng làm việc cùng công nghệ, sử dụng dữ liệu như một phần mở rộng của năng lực cá nhân.

Bên cạnh đó, VNDIRECT cũng được tích hợp trong hệ sinh thái IPA living của IPAG, nơi nếp sống tài chính VNDGO được kết nối tự nhiên với nếp sống sức khỏe thuận tự nhiên Anvie và nếp sống bảo an tương hỗ - PTI care. Sự tích hợp này cho phép chúng tôi có nhiều hơn các điểm chạm tới khách hàng, để thực sự hiểu, đồng hành và có những giải pháp phù hợp để gắn kết khách hàng trên hành trình hướng tới sức khoẻ tài chính và bảo an thịnh vượng của mọi khách hàng.

Trong mảng Khách hàng doanh nghiệp, VNDIRECT cũng được tích hợp cùng IPAG để đồng hành cùng các Khách hàng, đối tác trên nền tảng tư vấn quản trị, cung cấp giải pháp chuyển đổi số. Đây là năng lực cốt lõi quan trọng của các doanh nghiệp Việt Nam trong thời đại của kinh tế xanh và kinh tế số và cũng là tiền đề quan trọng của các doanh nghiệp để nâng cao năng lực huy động vốn trên thị trường trong tương lai.

Kết quả năm 2025 — nền tảng được củng cố

Trong bối cảnh chuyển dịch, chúng tôi đặt mục tiêu trước hết là giữ vững kỷ luật vận hành và củng cố nền tảng khách hàng. Nhìn lại một năm đã qua, mặc dù phải đồng thời duy trì vị thế cạnh tranh và bắt đầu hành trình tái tạo bên trong tổ chức nhưng công ty vẫn đã gặt hái được những thành quả đáng ghi nhận.

Mảng **khách hàng Cá nhân** tiếp tục mở rộng với 65 nghìn tài khoản khách hàng mở mới, giúp công ty đạt quy mô hơn 1 triệu khách hàng, với tổng NAV đạt 126.177 tỷ đồng (tăng 13%). Trong hoạt động Dịch vụ chứng khoán, mặc dù công ty bị sụt giảm về thị phần do sự cạnh tranh từ thị trường nhưng vẫn duy trì được quy mô doanh thu môi giới chứng khoán đạt 972 tỷ đồng, doanh thu cho vay đạt 1.394 tỷ đồng. Mảng **khách hàng Doanh nghiệp** ghi nhận vị trí dẫn đầu thị phần

tư vấn phát hành trái phiếu với hơn 94.000 tỷ đồng (tăng 32%), đồng thời khẳng định cam kết với tài chính bền vững qua 03 thương vụ Trái phiếu Xanh chiếm hơn 35% tổng giá trị phát hành trên thị trường. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục đồng hành cùng các khách hàng, đối tác chiến lược để tái cấu trúc tài chính, chuẩn bị lại nền móng cho chu kỳ tăng trưởng mới. Mảng **khách hàng Định chế Tài chính** tiếp tục được các đối tác tin tưởng với tổng hạn mức tín dụng đạt 60.330 tỷ đồng (tăng 20%), trong đó tỷ trọng tín chấp tăng đáng kể — phản ánh mức độ tin cậy ngày càng cao từ hệ thống ngân hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt, mảng **khách hàng Tổ chức** đạt kết quả kinh doanh tốt nhất từ trước đến nay với doanh thu phí môi giới tăng 43% so với cùng kỳ, hoàn thành 123% kế hoạch năm. Đây là kết quả dựa trên chiến lược mở rộng thị trường dựa trên nền tảng lõi là công nghệ, sẵn sàng đón đầu cho cơ hội nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

Những con số đó mặc dù vẫn còn khiêm tốn nhưng là minh chứng cho thấy giữa một năm tập trung vào chuyển dịch nội tại, VNDIRECT vẫn duy trì được nhịp kinh doanh ổn định và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Định hướng năm 2026 — tiếp tục kiên định

Bước vào năm 2026, thị trường tài chính Việt Nam đang mở ra những cơ hội lịch sử — từ việc được FTSE Russell nâng hạng lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp, dòng vốn quốc tế quay trở lại, đến sự gia tăng nhu cầu đối với các giải pháp đầu tư minh bạch và cá nhân hóa. Trong nước, chúng tôi cũng kỳ vọng sự thay đổi mạnh mẽ từ chính sách, hành lang pháp lý để khơi thông dòng vốn cho một chu kỳ kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ của đất nước.

Mặc dù vậy, vẫn còn đó những rủi ro hiện hữu, đặc biệt từ các xung đột kinh tế, chính trị giữa các cường quốc trên thế giới, tạo ra rất nhiều rủi ro biến động khó lường cho các thị trường tài chính.

Trong chu kỳ tiếp theo, VNDIRECT sẽ tiếp tục kiên định với định hướng đã lựa chọn — hướng tới hành trình chuyển hóa sâu sắc từ bên trong tổ chức để tạo ra những giá trị mới cho khách hàng, cho cổ đông. Với khách hàng cá nhân, chúng tôi tiếp tục chuyển dịch sang mô hình phục vụ tài chính toàn diện, kết hợp giữa nền tảng giao dịch thông minh và nền tảng tư vấn quản lý đa kênh tài sản. Với khách hàng doanh nghiệp, chúng tôi giữ vai trò đối tác đồng hành dài hạn trong tái cấu trúc tài chính và các chiến lược phát triển, đồng thời phát huy lợi thế tích hợp hệ sinh thái IPA để mang đến những giải pháp đồng bộ vượt ra ngoài phạm vi tài chính truyền thống. Với khách hàng định chế và tổ chức, chúng tôi tiếp tục mở rộng chiều sâu hợp tác và chuẩn bị cho các dòng vốn cơ cấu tiềm năng sau nâng hạng.

Đây sẽ là một hành trình đòi hỏi kỷ luật, sự kiên nhẫn và khả năng thích ứng liên tục. Trong đó, việc xây dựng một đội ngũ làm nghề có năng lực làm chủ công việc và sẵn sàng vận dụng hiệu quả các công nghệ mới — đặc biệt là trí tuệ nhân tạo — sẽ là một trong những yếu tố then chốt

quyết định sự thành công của hành trình phía trước.

Chúng tôi tin rằng niềm tin của Quý Cổ đông được vun trồng không chỉ từ những kết quả ngắn hạn mà còn là sự kiên định, nhất quán trong định hướng và khả năng liên tục tạo ra giá trị mới, dài hạn và bền vững hơn qua từng thời kỳ. VNDNEXT không phải là một đích đến — đó là cách Công ty chủ động xây dựng lại nền tảng của mình để sẵn sàng cho những cơ hội, thách thức lớn hơn trong tương lai.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý Cổ đông, quý Khách hàng, quý Đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã luôn đồng hành và tin tưởng VNDIRECT trong suốt hành trình đã qua.

1.2. Những điểm nhấn của VNDIRECT trong năm 2025

Kết quả kinh doanh 2025

- Tổng tài sản: **51.629** tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu: **20.903** tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: **2.508** tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: **2.022** tỷ đồng
- ROAA (TTM): **4,2%**
- ROAE (TTM): **10,0%**

Vị thế Kinh doanh: Khẳng định vị thế định chế tài chính hàng đầu

Năm 2025, VNDIRECT tiếp tục xác lập vị thế vững chắc trong nhóm dẫn đầu thị trường khi vinh dự góp mặt trong Bảng xếp hạng PROFIT500 và Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam. Với vị trí thứ 32 toàn ngành về lợi nhuận và Top 1 thị phần tư vấn phát hành trái phiếu, VNDIRECT đã chứng minh năng lực tài chính vượt trội và khả năng thích ứng linh hoạt trước mọi biến động. Thành tựu này không chỉ là những con số, mà còn là bảo chứng cho niềm tin tuyệt đối của cổ đông và khách hàng vào một thương hiệu tài chính uy tín, bền vững.

Vị thế Công nghệ: Tiên phong chuyển đổi số và Bảo mật

VNDIRECT khẳng định sức mạnh công nghệ qua việc trở thành công ty chứng khoán đầu tiên tích hợp chữ ký số từ xa qua ứng dụng VNeID, mang lại trải nghiệm giao dịch trực tuyến an toàn và thuận tiện. Đặc biệt, chức Vô địch cuộc thi Cyber Defense 2025 là minh chứng đắt giá cho năng lực phòng thủ không gian mạng ưu việt của đội ngũ chuyên gia công ty. Sự kết hợp giữa tính tiện ích và an toàn tuyệt đối đã kiến tạo nên một nền tảng tài chính số chuẩn mực, bảo vệ tối đa quyền lợi khách hàng trong kỷ nguyên số.

Phát triển Nội lực: Nâng tầm tri thức và Chất lượng dịch vụ chuyên gia

Sức mạnh nội tại của VNDIRECT được bồi đắp thông qua đội ngũ hơn 600 chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, phục vụ thành công hơn 1 triệu tài khoản khách hàng. Năm 2025, việc vinh danh trong Top 10 Bảng xếp hạng "Dịch vụ bán lẻ tốt nhất thị trường chứng khoán" là sự ghi nhận cho nỗ lực nâng cao năng lực chuyên môn và văn hóa tận tâm phục vụ. VNDIRECT không ngừng kiện toàn bộ máy vận hành, biến tri thức thành giá trị gia tăng thực tế, giúp khách hàng đưa ra những quyết định đầu tư sáng suốt nhất.

Trách nhiệm Xã hội: Kiến tạo giá trị bền vững và Tài chính xanh

VNDIRECT xác định trách nhiệm xã hội gắn liền với mục tiêu kinh doanh bền vững thông qua việc tiên phong thúc đẩy dòng vốn vào các lĩnh vực ESG. Trong năm 2025, công ty đã tư vấn phát hành thành công 03 thương vụ Trái Phiếu Xanh với tổng giá trị 1.200 tỷ đồng, góp phần trực tiếp vào sự phát triển của kinh tế xanh quốc gia. Bên cạnh đó, các chương trình chia sẻ kiến thức tài chính và các hoạt động kết nối thị trường đã khẳng định tâm huyết của công ty trong việc xây dựng một cộng đồng đầu tư văn minh và thịnh vượng.

Kết nối Chiến lược: Lan tỏa tri thức và Nâng tầm vị thế thị trường

Thông qua chuỗi chương trình "Dinsight - La bàn đầu tư" hợp tác cùng các quỹ lớn như VinaCapital, VCBF, VNDIRECT đã trở thành cầu nối tri thức quan trọng, cùng với tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc đón tiếp các đoàn nhà đầu tư quốc tế và duy trì minh bạch thông tin đã giúp công ty lọt vào Top 10 doanh nghiệp có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao nhận diện thương hiệu mà còn khẳng định vai trò của VNDIRECT như một đại sứ uy tín của thị trường vốn Việt Nam trên trường quốc tế.

II. THÔNG TIN CHUNG

2.1. Thông tin khái quát

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Tên viết tắt:	VNDIRECT
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Mã cổ phiếu:	VND
Sàn Niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Giấy chứng nhận ĐKDN (mã số doanh nghiệp):	Số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 07/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 29/08/2025.
Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán:	22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ:	15.222.999.080.000 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng)*
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	15.222.828.001.540 đồng *(Bằng chữ: Mười lăm nghìn, hai trăm hai mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, không trăm linh một nghìn, năm trăm bốn mươi đồng)*
Trụ sở chính:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	+ (84 24) 3972 4568
Số fax:	+ (84 24) 3972 4600
Website:	www.VNDIRECT.com.vn
Logo:	VNDIRECT
Đại diện theo pháp luật:	Bà Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc Ông Điêu Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị

2.2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2006	VNDIRECT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2006, mã số doanh nghiệp số 0102065366 và Giấy phép hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.
Năm 2007	Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng. Là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam cung cấp giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến toàn diện. Thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.
Năm 2008	VNDIRECT đầu tư nền tảng công nghệ riêng, tự phát triển hệ thống Core system và tạo tiền đề đầu tiên cho nền tảng số của VNDIRECT. Đây cũng là năm công ty hạch toán lỗ hoạt động vì các rủi ro của hoạt động tự doanh và công ty thay đổi nền tảng hoạt động hướng tới tập trung vào mảng dịch vụ giao dịch và khách hàng cá nhân.
Năm 2009	VNDIRECT đi đầu trong việc tạo ra các sản phẩm đột phá mới trên thị trường, tiền đề đầu tiên cho các sản phẩm tương lai và quyền chọn, hoạt động cho vay margin, và các công cụ tài chính hỗ trợ cho giao dịch.
Năm 2010	Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 450 tỷ và lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2010.
Năm 2011	Lần đầu tiên VNDIRECT dẫn đầu thị phần môi giới chứng khoán tại sàn giao dịch HNX. Công ty bắt đầu tập trung xây dựng nền móng đầu tiên cho hoạt động Môi giới giao dịch chứng khoán cho khách hàng cá nhân.
Năm 2012	Công ty ra mắt cổng kết nối giao dịch qua FIX, cung cấp thành công sản phẩm giao dịch điện tử cho khách hàng tổ chức. Công ty cũng ký kết hợp tác phát triển hoạt động phân tích để cung cấp tới khách hàng tổ chức nước ngoài cùng với CIMB.

Năm 2015	VNDIRECT tăng vốn điều lệ tăng lên gần 1.550 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu xấp xỉ 1.900 tỷ đồng và trở thành 1 trong 3 công ty chứng khoán có vốn lớn nhất trên sàn. Công ty tập trung vào hoạt động giao dịch môi giới và cho vay margin, xây dựng nền tảng quản trị rủi ro của hoạt động này và giúp Công ty mở rộng được thị trường thu hút khách hàng cá nhân giao dịch chứng khoán. VNDIRECT lọt TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn và được vinh danh là 1 trong 3 công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ môi giới tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015.
Năm 2016	VNDIRECT dẫn đầu thị trường về số tài khoản cá nhân và tổng tài sản ròng của khách hàng do VNDIRECT quản lý đạt xấp xỉ 26 nghìn tỷ đồng. Công ty cũng lọt TOP 15 công ty thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 – 2016, TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Năm 2017	VNDIRECT nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, cổ phiếu VND của Công ty cũng chuyển sàn giao dịch cổ phiếu thành công từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Năm 2017, VNDIRECT cũng là công ty chứng khoán có hiệu quả hoạt động trên vốn tốt nhất trong các công ty chứng khoán.
Năm 2018	VNDIRECT được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tăng vốn điều lệ lên 2.204,3 tỷ đồng, trở thành Công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 trên thị trường. Công ty tiếp tục chuyển dịch nền tảng hoạt động kinh doanh ngân hàng số, và kết nối với các thị trường khách hàng cá nhân trong khu vực thông qua hệ sinh thái mở Open API.
Năm 2019	VNDIRECT dẫn đầu về Giá trị giao dịch cũng như Khối lượng giao dịch của sản phẩm Chứng quyền trên thị trường. Là Công ty đạt thị phần môi giới cao nhất trên sàn UPCOM – 9,66%. Ra mắt nền tảng dịch vụ khách hàng điện tử Myaccount.
Năm 2020	VNDIRECT cán mốc 100.000 tài khoản mở mới trong năm 2020, chiếm tới 40% tài khoản mở mới toàn thị trường. Là công ty tiên phong trong ngành đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến. Ra mắt sản phẩm tích sản hưu trí và chuyên trang hỗ trợ thông tin cổ phiếu Dstock.
Năm 2021	Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 4.349.446.870.000 đồng. Đầu năm 2021, Công ty ra mắt luồng mở tài khoản đầu tư theo DGO dành cho Khách hàng có nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản theo con đường DGO ở

	VNDIRECT. Đây là điểm khởi đầu quan trọng trong hành trình trải nghiệm của khách hàng với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư của VNDIRECT và cũng là điểm khởi đầu giúp cho VNDIRECT nhận diện đúng nhu cầu, chăm sóc khách hàng được chu đáo, hiệu quả.
Năm 2022	Ngày 15 tháng 4 năm 2022, VNDIRECT đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 12.178.440.090.000 đồng, đưa vốn chủ sở hữu đạt trên 14 nghìn tỷ đồng, trở thành định chế tài chính với quy mô vốn tương đương các tổ chức tín dụng tầm trung và nằm trong top các công ty chứng khoán có quy mô vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường.
Năm 2023	Năm 2023, VNDIRECT đã thực hiện tái cơ cấu các khoản đầu tư của Công ty. Theo đó, VNDIRECT thực hiện mua thêm gần ba triệu cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("PTI"), nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu công ty này lên 20% và để sau khi hoàn tất giao dịch thì PTI trở thành công ty liên kết của VNDIRECT. Đồng thời, VNDIRECT đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán I.PA cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
Năm 2024	Công ty hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức. Sau phát hành,vốn điều lệ của VNDIRECT tăng từ 12.178.440.090.000 đồng lên 15.222.999.080.000 đồng. Theo đó, VNDIRECT là một trong ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường.
Năm 2025	Năm 2025, VNDIRECT tiếp tục tập trung phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi, bao gồm môi giới chứng khoán, dịch vụ tài chính cho khách hàng cá nhân và tổ chức, ngân hàng đầu tư và hoạt động thị trường vốn. Năm 2025 cũng đánh dấu giai đoạn VNDIRECT chú trọng chuẩn hóa hệ thống quản trị theo thông lệ tốt, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả vận hành và năng lực thích ứng với các yêu cầu mới của thị trường và cơ quan quản lý, tạo nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn trong các giai đoạn tiếp theo.

2.3. Ngành nghề kinh doanh

(1) Các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

(2) Dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;

(3) Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

(4) Giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.

(5) Dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

(6) Cung cấp dịch vụ tài chính và các dịch vụ chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.

2.4. Địa bàn kinh doanh

VNDIRECT có mạng lưới hoạt động tập trung tại những thành phố lớn tại Việt Nam như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Cần Thơ,...

Miền Bắc

Trụ sở chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024.39724600

Chi nhánh Thanh Xuân – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà CT1 số 43 Đường Lê Văn Lương, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Đống Đa – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà TTG Tower, số 174 Thái Hà, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Văn Cao – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 22 Văn Cao, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Trần Thái Tông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, số 95 Trần Thái Tông, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Phòng Giao dịch Timescity - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: SH0109, Tầng 1, Tòa Park 7, Khu đô thị Vinhomes Times City Park Hill, số 25, ngõ 13, đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT – Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 1, 2 và 3, Ô số 10, Lô LK1, Khu chung cư và dân cư cao cấp Việt Hàn, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 88 – 90 phố Phạm Sư Mạnh, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình

Miền Trung

Chi nhánh Thanh Hóa – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 2, số 11 Hạc Thành, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT – Chi nhánh Vinh – Nghệ An

Địa chỉ: Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 01, Khối Yên Vinh, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238 868 8466

Chi nhánh Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 382 1111 | Fax: 0236 389 8616

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Thọ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 5, Phòng 5A, Tòa nhà Ricco số 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Huế - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Tầng 2, tòa nhà xây dựng trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 41, Khu định cư Bàu Vá giai đoạn 2 (Đợt 3), phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

Miền Nam

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: 90 Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Chi nhánh Bình Dương – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, Số 280 đường 30/04, Khu 03, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274 222 2659 - 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: 0292 376 6959 | Fax: 0292 382 6331

Phòng Giao dịch Thủ Đức – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT[1]

Địa chỉ: Tầng 1, 4 & 5, số 1 và số 3, đường B4, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Nguyễn Xí – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, số 205 đường Nguyễn Xí, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Phòng Giao dịch Hải Thượng Lãn Ông – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Tầng 1, 102A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

2.5. Giải thưởng – Thành tựu đạt được

Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2025 (Forbes Việt Nam)

Nằm trong danh sách Top 50 Công ty Niêm yết tốt nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn. Đây là minh chứng cho sự tăng trưởng bền bỉ và chất lượng quản trị doanh nghiệp vượt trội.

Top 10 thành viên giao dịch có thị phần môi giới lớn nhất năm 2025

Nằm trong Top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất năm 2025 được ghi nhận bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Top 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh - HOSE).

Top 50 Công ty tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam 2025 (Private 100) & Top 10 Công ty Chứng khoán nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam (VNTAX 200)

VNDIRECT tiếp tục nằm trong danh sách PRIVATE100 – Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam. Năm 2025, công ty xếp vị trí thứ 50 toàn quốc và nằm trong Top 4 công ty chứng khoán nộp ngân sách lớn nhất cả nước theo công bố của Tổng cục Thuế.

---

[1] VNDIRECT đã nhận được Quyết định số 39/QĐ-UBCK ngày 14/03/2025 của UBCKNN về việc sửa đổi Quyết định chấp thuận thành lập phòng giao dịch công ty chứng khoán. Theo đó, từ ngày 14/3/2025, Phòng giao dịch SALA thay đổi thông tin như sau:

- Tên phòng giao dịch: Phòng giao dịch Thủ Đức – Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Địa chỉ phòng giao dịch: Tầng 1, 4 & 5, Số 1 và Số 3, đường B4, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Top 10 "Dịch vụ bán lẻ tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam 2025"

VNDIRECT đã được vinh danh Top 10 "Dịch vụ bán lẻ tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam 2025" trong khuôn khổ Diễn đàn Đầu tư Việt Nam 2026 (Vietnam Investment Forum)

Top 10 Công ty uy tín ngành Tài chính năm 2025

VNDIRECT được xếp hạng trong danh sách Top 10 Công ty uy tín ngành Tài chính năm 2025 do Vietnam Report phối hợp cùng Vietnamnet công bố ở vị trí thứ 5. Giải thưởng khẳng định năng lực tài chính và uy tín truyền thông của VNDIRECT trên thị trường chứng khoán năm 2025.

Vô địch cuộc thi DF Cyber Defense 2025

Đội ngũ An toàn thông tin (ATTT) của VNDIRECT tham dự và đã xuất sắc giành Cúp Vô địch tại chương trình Diễn tập Phòng thủ chủ động Không gian mạng – DF Cyber Defense 2025, hoạt động thường niên do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)

VNDIRECT nằm trong danh sách VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report xếp hạng. Năm 2025, VNDIRECT nằm ở vị trí thứ 151 trong nhóm Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.

PROFIT 500 - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam

VNDIRECT vinh dự được xướng tên trong Bảng xếp hạng PROFIT500 – Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2025 do Vietnam Report phối hợp cùng Vietnamnet công bố. Đặc biệt, VNDIRECT giữ vị trí thứ 32 toàn ngành và nằm trong Top 5 doanh nghiệp chứng khoán có lợi nhuận tốt nhất, khẳng định năng lực tài chính vững mạnh và hoạt động bền vững.

Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam (VALUE500)

Xếp thứ 131 trong Top 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam (VALUE500) do Báo đầu tư và VietResearch công bố.

Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500)

Xếp thứ 140 trong Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500) do Báo đầu tư và VietResearch công bố.

Top 10 doanh nghiệp được đề cử ở nhóm Financial Large Cap

VNDIRECT vinh dự được lọt vào top 10 doanh nghiệp được đề cử ở nhóm Financial Large Cap của IR Awards 2025 - giải thưởng uy tín nhất trong lĩnh vực Quan hệ Nhà đầu tư (IR), nhằm tôn vinh các công ty làm tốt nhất việc cung cấp thông tin minh bạch và xây dựng niềm tin với cộng đồng.

2.6. Tầm nhìn – Sứ mệnh

TẦM NHÌN VNDIRECT

VNDIRECT trở thành nơi hội tụ trí tuệ và kết nối tri thức toàn cầu, khơi thông dòng vốn của toàn dân, tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia cùng các doanh nghiệp đóng góp vào Giấc mơ Việt Nam – mang lại giá trị phụng sự cho mọi người dân Việt Nam.

SỨ MỆNH CỦA VNDIRECT

VNDIRECT mong muốn xây dựng và phát triển thành một định chế tài chính được mọi khách hàng tin chọn, nơi cung cấp trí tuệ công nghệ và đội ngũ con người làm nghề có chuẩn mực đạo đức và tinh thần dấn thân phụng sự để giúp mọi khách hàng kiến tạo được Sức khỏe tài chính, Bảo an thịnh vượng và Tăng trưởng bền vững.

2.7. Giá trị cốt lõi

Đạo đức chính trực (Conduct of Integrity)

Đó là giá trị cốt lõi đầu tiên của mỗi VNDIRECTOR, VNDIRECT hiểu rằng, chỉ có sự chính trực và cam kết tôn trọng sự thật khách quan mới giúp VNDIRECT có thể tự tin xây dựng uy tín dịch vụ và các giá trị bền vững cho một tập thể của những con người yêu nghề và trân quý tất cả cơ hội khách hàng đã trao tặng VNDIRECT.

Trí tuệ tập thể (Collective Wisdom)

Mỗi cá nhân chủ động tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người có kiến thức, kinh nghiệm với thái độ cầu thị; đồng thời tìm hiểu nền tảng trí tuệ tập thể đã được tích lũy qua thời gian, áp dụng hiệu quả trong công việc và hoàn thiện năng lực của tổ chức.

Hợp tác phụng sự (Collaboration of Services)

Mọi trải nghiệm của VNDIRECT với mỗi khách hàng là một tài sản quý báu, giúp VNDIRECT luôn được học hỏi và hoàn thiện mình. VNDIRECT tôn trọng mọi nhu cầu khác biệt của mỗi khách hàng và luôn lắng nghe để thấu hiểu từng nhu cầu và cung cấp được giải pháp tối ưu cho khách hàng với mọi điều kiện VNDIRECT có thể.

Kết nối giá trị (Connection of Values)

VNDIRECT cùng nhau chia sẻ và đóng góp kinh nghiệm và kiến thức nghề nghiệp để tạo được một dòng sông trí tuệ tập thể, giúp cho mỗi VNDIRECT có được nền tảng tri thức nghề nghiệp và sự sáng tạo không ngừng của một tập thể lớn mạnh, đáp ứng được mọi mong đợi của khách hàng.

2.8. Định hướng phát triển

VNDIRECT định hướng trở thành định chế tài chính trung gian có năng lực cung cấp giải pháp

đầu tư toàn diện, đồng hành cùng khách hàng trên mọi giai đoạn hành trình tài chính. Toàn bộ chiến lược phát triển của Công ty được xây dựng dựa trên ba năng lực cốt lõi.

CON NGƯỜI

VNDIRECT xác định con người là năng lực cốt lõi đầu tiên và quan trọng nhất. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo dự kiến sẽ tạo ra thay đổi sâu sắc cách ngành dịch vụ tài chính, Công ty nhìn nhận AI không phải là thứ thay thế con người, mà là lớp năng lực mới mở rộng khả năng của mỗi cá nhân. Định hướng xây dựng đội ngũ của VNDIRECT vì vậy xoay quanh mô hình "Con người + AI" — nơi mỗi nhân viên được trang bị tư duy và công cụ để khai thác AI như một phần mở rộng tự nhiên của năng lực chuyên môn.

Cùng với đó, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo chắc chắn sẽ giúp cho con người có một cơ hội phát triển theo nghề nghiệp rộng mở, dựa trên thế mạnh thay vì bị ép vào một lộ trình duy nhất. Con người được đánh giá toàn diện không chỉ qua kết quả kinh doanh, mà qua cả phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và mục tiêu phát triển cá nhân.

Đây có thể nói là một giai đoạn chuyển đổi năng lực quan trọng của tổ chức để từng bước cấy nền lại toàn bộ năng lực cốt lõi của đội ngũ để sẵn sàng cho hướng đi của tổ chức trong chu kỳ tiếp theo.

VNDIRECT hướng tới xây dựng một văn hóa tổ chức nơi con người làm chủ công nghệ, sử dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo như công cụ để phụng sự khách hàng tốt hơn — chứ không phụ thuộc vào công nghệ. Nền tảng phát triển con người kế thừa hệ giá trị Luyện Tâm — Luyện Tầm — Luyện Trí của Tập đoàn IPA, đảm bảo năng lực chuyên môn luôn đi cùng phẩm chất đạo đức và tinh thần dấn thân phụng sự.

CÔNG NGHỆ

VNDIRECT định vị công nghệ là năng lực kinh doanh cốt lõi, là nền tảng để định vị chiến lược cạnh tranh dài hạn. Với sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, Công ty nhìn nhận công nghệ không chỉ là hạ tầng vận hành, mà là một lớp năng lực tích hợp — nơi dữ liệu, thuật toán và con người cùng tham gia vào quá trình tạo ra giá trị. Chiến lược công nghệ tập trung vào ba mục tiêu:

- **Tính ổn định và an toàn:** đảm bảo hệ thống vận hành liên tục, năng lực an ninh mạng đạt chuẩn cao nhất ngành, bảo vệ toàn diện dữ liệu và tài sản khách hàng trong mọi điều kiện.
- **Khả năng mở rộng:** hạ tầng linh hoạt, có thể đáp ứng các giai đoạn tăng trưởng nóng của thị trường và phục vụ hàng triệu người dùng mà không ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

- **Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu:** ứng dụng AI có chọn lọc vào các lớp vận hành — từ phân tích thị trường, cá nhân hóa dịch vụ, hỗ trợ đội ngũ tư vấn đến quản trị rủi ro — nhằm nâng cao khả năng ra quyết định và mức độ cá nhân hóa ở quy mô lớn.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Khách hàng cá nhân: VNDIRECT định vị trở thành đối tác tin cậy của khách hàng trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính, bảo an thịnh vượng và tăng trưởng bền vững. Công ty phục vụ khách hàng cá nhân theo hai hướng bổ sung cho nhau: **DTRADE** — nền tảng giao dịch dành cho nhà đầu tư chủ động, đặc biệt là khách hàng giao dịch chuyên nghiệp; và **VNDGO** — nền tảng tư vấn và đồng hành quản lý tài sản cá nhân theo mô hình Tháp tài sản HWG (Health — Wealth — Growth). VNDGO được xác định là định vị cốt lõi dài hạn của mảng Khách hàng cá nhân, với mục tiêu xây dựng nguồn doanh thu quản lý tài sản ổn định qua các chu kỳ thị trường.

Khách hàng doanh nghiệp: VNDIRECT cam kết đồng hành cùng doanh nghiệp trên hành trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và tối ưu hóa nguồn vốn. Bên cạnh các dịch vụ tư vấn cấu trúc tài chính truyền thống, Công ty kiện toàn các giải pháp tư vấn quản lý nguồn vốn, tái cấu trúc và quản trị doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp hướng tới các chuẩn mực cao nhất về ESG.

Khách hàng tổ chức và định chế tài chính: VNDIRECT với chiến lược kết nối mở, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức và định chế tài chính trong và ngoài nước thông qua nền tảng công nghệ, trở thành đối tác vận hành cho các tổ chức tham gia vào thị trường vốn Việt Nam.

Thị trường vốn: VNDIRECT duy trì và phát triển năng lực ngân hàng đầu tư, tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu, kết nối dòng vốn giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp. Công ty tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành trái phiếu, đồng thời tiên phong thúc đẩy tài chính xanh và các sản phẩm đầu tư bền vững.

2.9 Các công ty con, công ty liên kết: Tình hình hoạt động kinh doanh

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	95 Trần Thái Tông, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	836.115.332.000	20%

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết: *(Tính đến ngày 31/12/2025)*

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)
Lợi nhuận trước thuế	373
Lợi nhuận sau thuế	291
Tổng tài sản	8.439

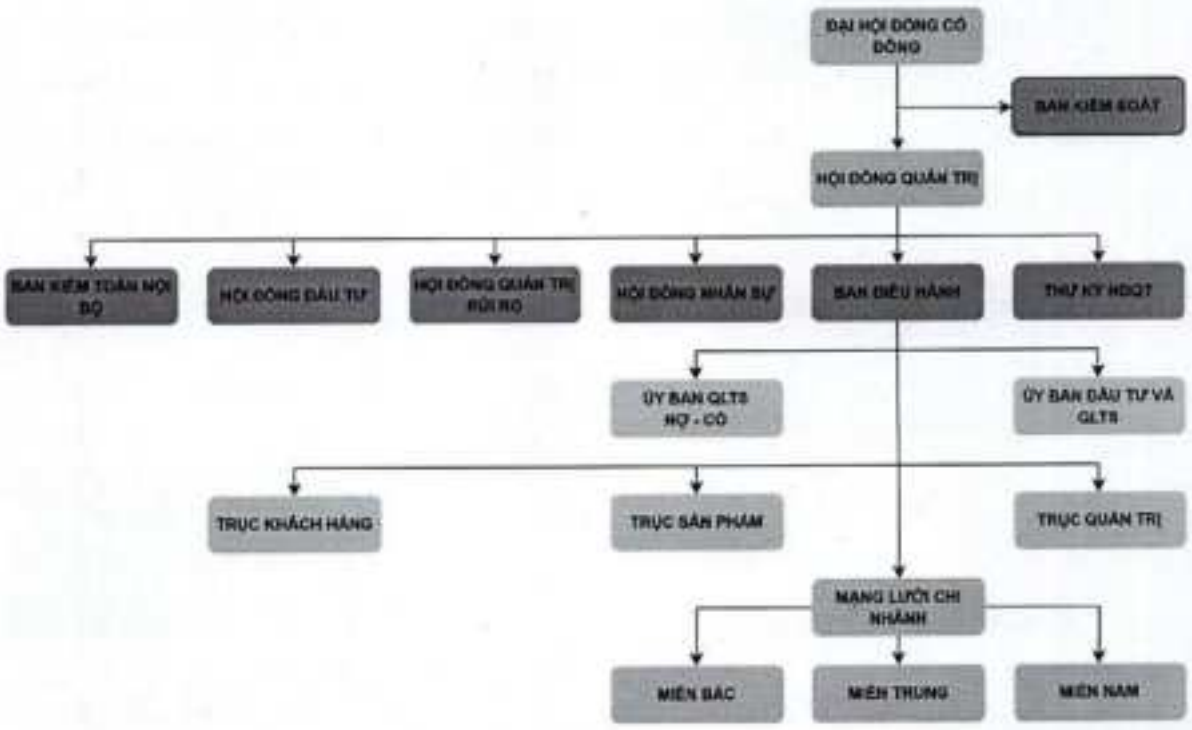
Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2025 của PTI

2.10. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

VNDIRECT hoạt động theo loại hình công ty cổ phần, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (xem sơ đồ dưới đây):

Cơ cấu, sơ đồ tổ chức hoạt động



III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

3.1. Điều kiện kinh doanh 2025

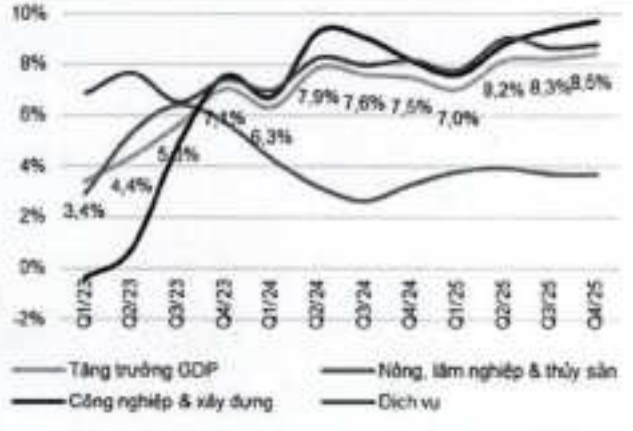
KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2025: VỮNG VÀNG TRƯỚC THÁCH THỨC

Theo Cục Thống kê (CTK), tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 8% so với cùng kỳ (svck) trong năm 2025, đánh dấu mức tăng trưởng hàng năm cao thứ 2 trong giai đoạn 2011-2025 (chỉ đứng sau năm 2022 khi nền kinh tế mở cửa trở lại sau COVID). Kết quả tăng trưởng này càng đáng khích lệ khi Việt Nam phải vượt qua những thách thức to lớn từ bên ngoài, đặc biệt là chính sách thuế đối ứng của Mỹ đã gây rủi ro lớn cho thương mại toàn cầu trong xuyên suốt năm vừa qua.

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2025 được thúc đẩy bởi: 1) Chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm và trọng điểm, đầu tư công bứt phá với giá trị giải ngân vốn đầu tư công tăng gần 37,5% svck trong năm 2025; (2) Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt, ưu tiên hỗ trợ tăng trưởng nhưng vẫn đảm bảo giữ vững ổn định vĩ mô; (3) Ngành công nghiệp phục hồi mạnh mẽ trong nửa cuối năm, đưa mức tăng trưởng cả năm lên cao nhất kể từ 2019; (4) xuất khẩu vượt kỳ vọng, tăng trưởng 17% svck trong năm 2025 bất chấp những thách thức lớn từ bên ngoài.

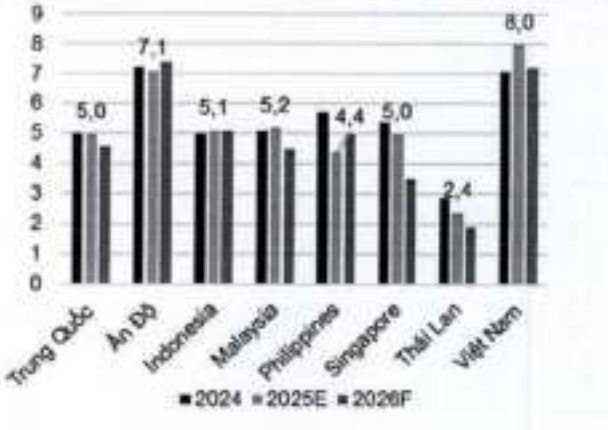
Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2025, khu vực công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng mạnh nhất 9,0%, đóng góp 43,6%, theo sau là khu vực dịch vụ tăng 8,6%, đóng góp 51,1%. Trong khi đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%, đóng góp 5,3%.

Hình 1: Nền kinh tế duy trì xu hướng cải thiện tích cực khi tăng trưởng Q4/25 đạt 8,46% svck



Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

Hình 2: Việt Nam nằm trong số các nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong năm 2025

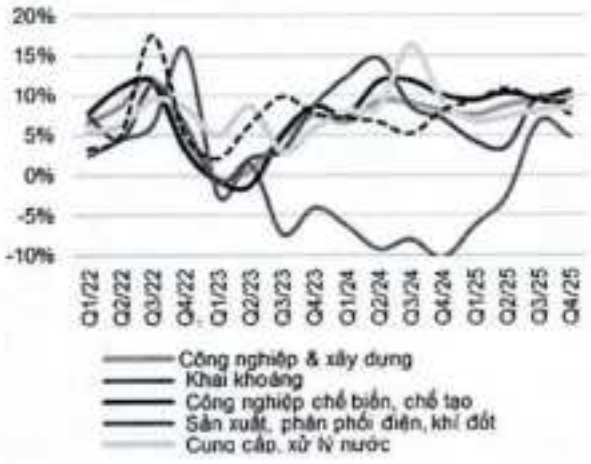


Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

Sự cải thiện của hoạt động công nghiệp là yếu tố dẫn dắt tăng trưởng. Trong năm 2025, ngành công nghiệp tăng trưởng 8,8% svck, đánh dấu mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Trong

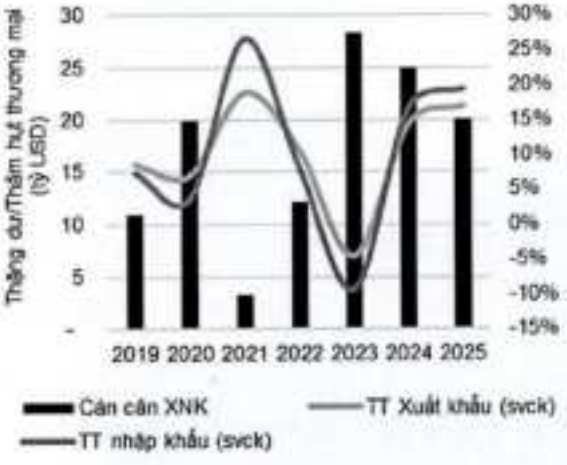
đó, tăng trưởng phân ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt xấp xỉ 10%, là mức cao nhất trong giai đoạn 2019-2025. Điều này chứng minh cho sức chống chịu tốt của hoạt động sản xuất trong nước trước những rủi ro gia tăng liên quan tới chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ và xu hướng phân mảnh chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, phân ngành khai khoáng cũng ghi nhận sự phục hồi đáng chú ý trong năm 2025 với mức tăng trưởng 0,4% svck, chấm dứt chuỗi tăng trưởng âm liên tục trong những năm gần đây. Phân ngành xây dựng cũng ghi nhận mức tăng trưởng cao đạt 9,6% svck trong năm 2025, được dẫn dắt bởi hoạt động đầu tư công mạnh mẽ xuyên suốt cả năm qua.

Hình 3: Hoạt động chế biến chế tạo dẫn dắt tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp trong năm 2025



Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

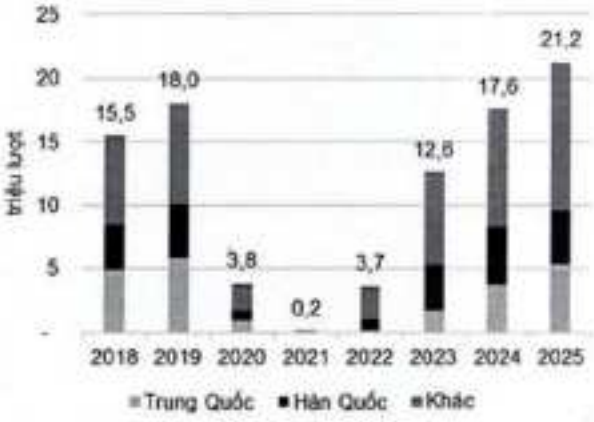
Hình 4: Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt kỳ vọng trong năm 2025



Nguồn: Cục Hải quan, VNDIRECT RESEARCH

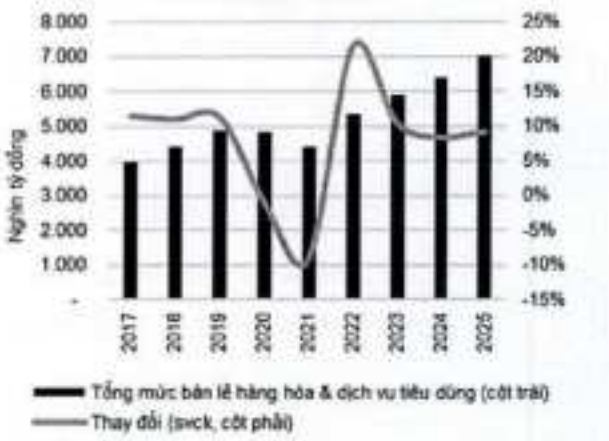
Khu vực dịch vụ ghi nhận tăng trưởng cải thiện lên mức 8,6% svck, được thúc đẩy bởi hoạt động du lịch bùng nổ và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ như cải cách tiền lương, miễn giảm thuế phí,... Một số ngành dịch vụ ghi nhận tăng trưởng cải thiện và có đóng góp lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%.

Hình 5: Lượng khách du lịch quốc tế tăng trưởng 20,4% svck



Nguồn: Cục Du lịch, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: ...đã hỗ trợ tiêu dùng nội địa cải thiện trong năm 2025



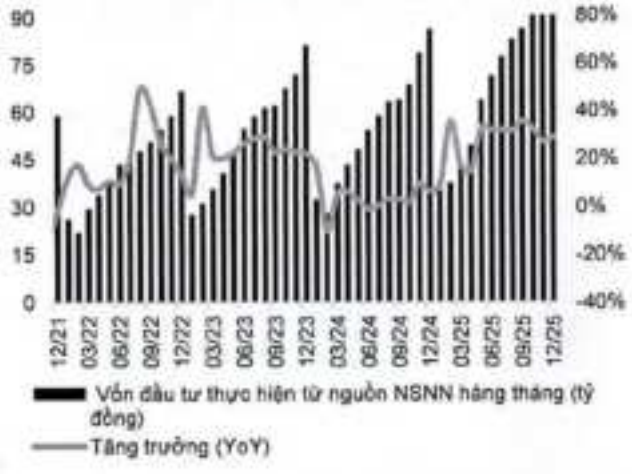
Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

Năm 2025, lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng 3,8% svck, cải thiện so với mức 3,3% của năm 2024, mặc dù chịu nhiều thiệt hại từ mưa bão trong 2 quý cuối năm.

Đầu tư công là điểm sáng trong năm 2025. Theo CTK, vốn thực hiện từ nguồn NSNN năm 2025 ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, tăng 26,6% svck, hoàn thành 83,6% kế hoạch vốn trong phân bổ trong năm và 93% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Trong khi đó, theo Bộ Tài chính, giải ngân đầu tư công năm 2025 (tính đến cuối tháng 1/2026) ước đạt 858.600 tỷ đồng, tăng 37,5% svck và bằng 94,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cao hơn 3,4 điểm phần trăm so với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của năm 2024).

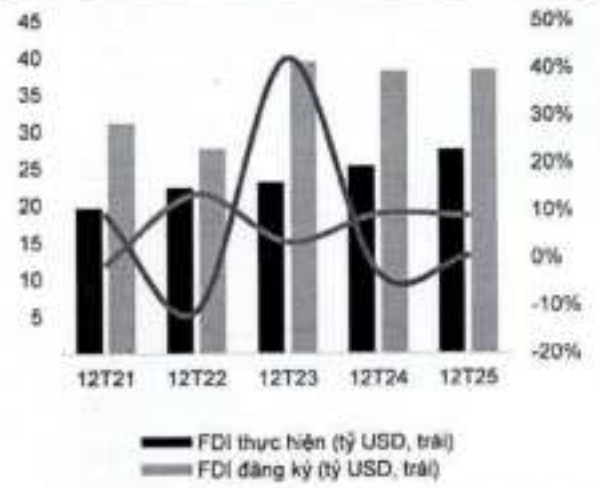
Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng ghi nhận kết quả tương đối tích cực. Vốn FDI giải ngân 2025 lập kỷ lục mới, đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% svck (mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây). Vốn FDI đăng ký tăng nhẹ 0,5% svck lên 38,4 tỷ USD. Trong đó, vốn FDI đăng ký mới đạt 17,32 tỷ USD (-12,2% svck) và vốn FDI bổ sung của các dự án hiện hữu đạt 14,07 tỷ USD (+0,8% svck). Đây là kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh nhà đầu tư toàn cầu trở nên thận trọng hơn do tác động từ thuế đối ứng và chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ. Về đối tác, Singapore dẫn đầu về vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm trong năm 2025 với 7,0 tỷ USD (chiếm 22,7%). Đáng chú ý, vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm từ Trung Quốc tăng 31% svck, đạt 5,2 tỷ USD, chiếm 16,9%, giúp Trung Quốc trở thành nhà đầu tư lớn thứ hai trong năm 2025. Sự gia tăng vốn từ Trung Quốc trong năm 2025 phản ánh xu hướng dịch chuyển và đa dạng hóa đầu tư, sản xuất và tái cơ cấu chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc. Theo sau Trung Quốc là Hồng Kông (3,0 tỷ USD; chiếm 9,6%) và Nhật Bản (1,62 tỷ USD; 9,4%). Cơ cấu này cho thấy dòng vốn FDI trong năm 2025 tiếp tục tập trung chủ yếu từ khu vực châu Á, đặc biệt là các nền kinh tế gắn chặt với chuỗi cung ứng khu vực.

Hình 7: Đầu tư công duy trì tăng trưởng cao trong xuyên suốt năm 2025



Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: Vốn FDI thực hiện đạt kỷ lục mới trong năm 2025



Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

Mặc dù ghi nhận nhiều điểm sáng, tăng trưởng của một số lĩnh vực vẫn chưa đạt kỳ vọng. Cầu tiêu dùng trong nước phục hồi chậm do những tác động từ sắp xếp tinh gọn bộ máy Nhà nước và những thay đổi chính sách thuế đối với hộ kinh doanh cá thể. Cụ thể, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tăng 9,2% svck trong năm 2025, cải thiện nhẹ so với mức tăng 8,9% của năm 2024 và thấp hơn mục tiêu Chính phủ đề ra là trên 10,5%. Đồng thời, nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa chỉ tăng 6,7%, tương đương mức tăng năm 2024.

Vốn đầu tư tư nhân tăng 8,4% svck trong năm 2025. Dù đã cải thiện nhẹ so với mức tăng trưởng 7,6% svck của năm 2024 song tăng trưởng đầu tư tư nhân vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trước đại dịch là khoảng 15-16% mỗi năm. Điều này cho thấy đầu tư tư nhân vẫn đang phục hồi chậm sau giai đoạn COVID và khủng hoảng trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 và còn dưới tiềm năng.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã nỗ lực điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt trong năm 2025 nhằm vừa thúc đẩy tăng trưởng, vừa đảm bảo duy trì ổn định các cân đối vĩ mô lớn của nền kinh tế. Lạm phát được kiểm soát với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,31% svck, giảm nhẹ so với mức 3,63% của năm 2024 và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát dưới 4,5%.

Áp lực tỷ giá hiện hữu trong phần lớn năm 2025 trong bối cảnh Fed chậm cắt giảm lãi suất điều hành và Việt Nam duy trì môi trường lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá dần hạ nhiệt về cuối năm khi Fed bắt đầu cắt giảm lãi suất điều hành kéo theo đồng USD suy yếu trên thị trường quốc tế và các yếu tố cung – cầu ngoại tệ trong nước cải thiện. Tính đến 31/12/2025, mức trượt giá của VND so với USD thu hẹp về khoảng 3,1%, thấp hơn so với mức xấp xỉ 3,5% ghi nhận trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 11 và mức trượt giá 5% trong cả năm 2024.

Hình 9: Cơ cấu CPI T12 và 12T25

	Tỷ trọng (%)	so tháng trước	so ck	BQ 12T25 (so ck)
CPI	**100%**	**0,19%**	**3,48%**	**3,31%**
Hàng ăn, DV ăn uống	34%	0,75%	4,20%	3,27%
Lương thực	4%	0,55%	-1,20%	0,17%
Thực phẩm	21%	0,98%	5,18%	3,61%
Ăn uống ngoài gia đình	9%	0,29%	4,21%	3,81%
Đồ uống	3%	0,06%	2,05%	2,21%
May mặc	6%	0,20%	1,33%	1,30%
Nhà ở, điện nước, chất đốt & VLXD	19%	0,06%	5,23%	6,08%
Đồ dùng gia đình	7%	0,16%	1,77%	1,66%
Dịch vụ y tế	5%	0,03%	10,27%	13,07%
Giao thông	10%	-1,08%	-0,55%	-2,14%
Bưu chính	3%	0,02%	-0,25%	-0,45%
Giáo dục	6%	0,01%	3,05%	2,15%
Du lịch	5%	-0,12%	1,31%	1,88%
Khác	4%	0,19%	3,03%	4,78%
Lạm phát cơ bản	**100%**	**0,23%**	**3,27%**	**3,21%**

Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

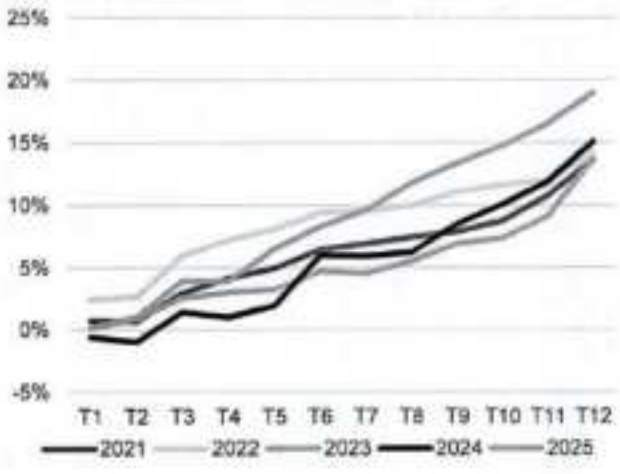
Hình 10: Tỷ giá USD/ VNĐ tăng 3,1% vào năm 2025



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

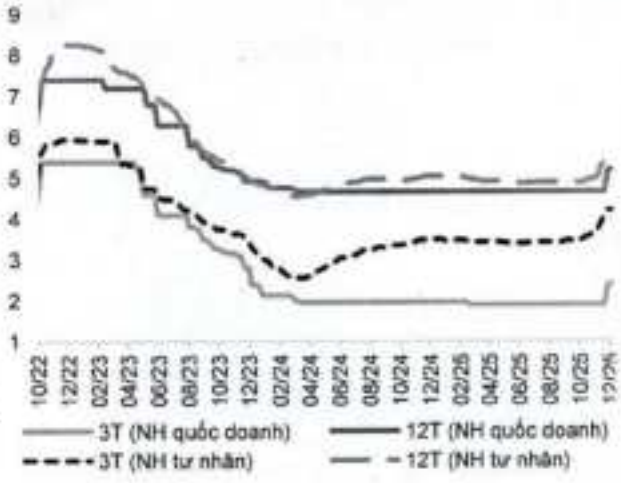
NHNN nỗ lực duy trì mặt bằng lãi suất ổn định nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Lãi suất huy động đi ngang trong 3 quý đầu năm trước khi có nhịp tăng đáng chú ý trong quý 4. Tại thời điểm cuối năm 2025, lãi suất huy động bình quân của các ngân hàng thương mại trong danh sách theo dõi của chúng tôi ở mức 5,34%, tăng khoảng 50 điểm cơ bản so với cuối năm 2024. Mức tăng lãi suất huy động chủ yếu tập trung vào quý cuối năm do vậy chưa tác động nhiều tới mặt bằng lãi suất cho vay. Theo NHNN, đến ngày 30/11/2025, lãi suất cho vay bình quân đối với các khoản vay phát sinh mới của các ngân hàng thương mại ở mức 6,96%/năm, tương đương so với cuối năm 2024. Mặt bằng lãi suất đầu ra cơ bản ổn định đã hỗ trợ nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp và góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 đạt khoảng 19%, vượt mức 15% của năm 2024. Tuy vậy, chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tiền gửi nới rộng khi tăng trưởng huy động tính đến ngày 24/12 chỉ khoảng 14% cũng tiềm ẩn những sức ép về huy động vốn và mặt bằng lãi suất tiền gửi của các ngân hàng thương mại trong thời gian tới.

Hình 11: Tăng trưởng tín dụng năm 2025 cao nhất trong giai đoạn 2021-2025



Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: Lãi suất huy động bật tăng vào quý cuối năm



Nguồn: Bộ Tài chính, VNDIRECT RESEARCH

Bức tranh tài khóa là điểm sáng trong năm 2025 khi thu ngân sách cải thiện tích cực, với mức tăng mạnh 29,7% svck lên 2.650 nghìn tỷ đồng, đạt 134,7% kế hoạch cả năm. Chi tiêu ngân sách tăng 31,2% svck lên 2.401 nghìn tỷ đồng, tương đương 93,2% kế hoạch năm và tăng 31,2% svck. Trong đó, chi đầu tư phát triển hoàn thành 92,6% kế hoạch, nhưng tăng mạnh 38,3% svck, đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng của nền kinh tế.

Các tổ chức quốc tế cũng ghi nhận sự cải thiện về nền tảng tài khóa của Việt Nam. Tổ chức Xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings (Fitch) mới đây đã nâng xếp hạng tín nhiệm đối với các công cụ nợ dài hạn cao cấp có bảo đảm của Việt Nam từ mức BB+ lên mức BBB- (tương đương xếp hạng đầu tư), cao hơn một bậc so với Xếp hạng ngoại tệ dài hạn đối với công cụ nợ không có bảo đảm của Việt Nam (hiện ở mức 'BB+'). Mặc dù việc nâng hạng này không làm thay đổi xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam, đã được Fitch khẳng định ở mức 'BB+' với Triển vọng Ổn định vào tháng 6/2025, nhưng đây vẫn là diễn biến tích cực về cải thiện trong đánh giá của tổ chức quốc tế đối với các công cụ nợ dài hạn của Việt Nam, phản ánh nền tảng tài khóa quốc gia đang cải thiện với gánh nặng nợ nước ngoài ở mức thấp và triển vọng tăng trưởng kinh tế trong trung hạn mạnh mẽ.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TTCK) NĂM 2025: VƯƠN MÌNH SAU GIÔNG TỐ

Hình 13: Trải qua một năm nhiều biến động, VN-Index khép lại năm 2025 với mức tăng 40,8%



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2025

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2025 trải qua nhiều biến động với hai nửa tương phản rõ rệt: trầm lắng trong nửa đầu năm và bùng nổ trong nửa cuối năm. Diễn biến theo từng quý có thể tóm lược như sau:

Q1 Khởi động (+2,93%): VN-Index khởi đầu 2025 với diễn biến ổn định từ các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và những nỗ lực hoàn thiện các tiêu chí nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, rủi ro từ chính sách thuế quan Trump 2.0 chớm xuất hiện, tác động gián tiếp đến dòng vốn và tâm lý NĐT.

Q2 Biến động (+4,46%): VN-Index và TTCK toàn cầu chịu tác động tiêu cực từ cú sốc thuế quan Trump 2.0. Tâm lý thị trường hoảng loạn sau thông tin thuế quan được công bố đã khiến VN-Index giảm gần 20% chỉ sau 4 phiên giao dịch. Tuy nhiên, nhờ tiến triển đàm phán thương mại, VN-Index nhanh chóng phục hồi và lấy lại toàn bộ điểm số đã mất trong vòng chưa đầy hai tháng.

Q3 Bùng nổ (+20,6% vượt mốc 1.600 điểm): VN-Index ghi nhận giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong năm nhờ hỗ trợ từ cả nội lực và ngoại lực: 1) hạ nhiệt căng thẳng thương mại toàn cầu;

2) khả năng thích ứng của doanh nghiệp với tình hình mới để duy trì lợi nhuận 3) các kỳ vọng về kết quả nâng hạng TTCK Việt Nam nói riêng cũng kỳ vọng bứt phá của nền kinh tế tư nhân.

Q4 Bứt phá (+7,4%): Dù xuất hiện một số nhịp rung lắc do áp lực chốt lời ngắn hạn, thị trường vẫn duy trì xu hướng tăng nhờ kỳ vọng kết quả kinh doanh Q4/2025 tích cực của doanh nghiệp niêm yết. Bên cạnh đó, thông tin Việt Nam đáp ứng đủ các tiêu chí để được FTSE nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp tiếp tục củng cố tâm lý tích cực của nhà đầu tư.

Nhìn chung, TTCK Việt Nam đã vượt qua nhiều "cơn gió ngược" trong năm 2025 để ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng. VN-Index khép lại năm ở mức 1.784,49 điểm, tương ứng tăng 40,8%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 12,1% của năm 2024. Với kết quả này, VN-Index nằm trong nhóm 3 thị trường có hiệu suất tốt nhất thế giới trong năm 2025, qua đó tiếp tục củng cố vị thế của Việt Nam như một điểm đến đầu tư hấp dẫn, đồng thời tạo nền tảng thuận lợi cho câu chuyện nâng hạng thị trường trong thời gian tới.

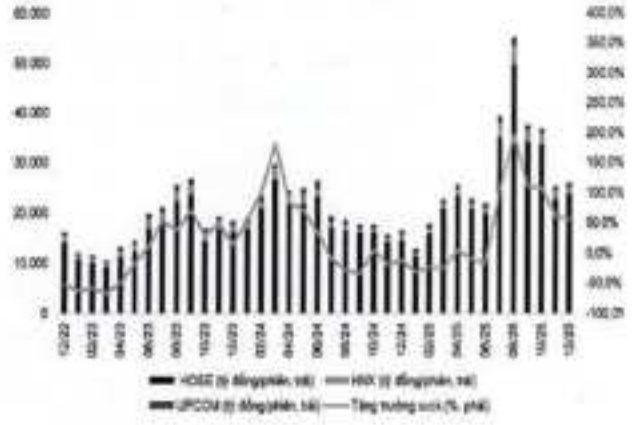
Năm 2025 cũng ghi nhận nhiều bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thứ nhất, hệ thống KRX chính thức đi vào vận hành sau nhiều năm chuẩn bị, tạo nền tảng quan trọng cho việc nâng cấp hạ tầng và phát triển các sản phẩm giao dịch mới. Thứ hai, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ các tiêu chí của thị trường mới nổi thứ cấp. Tuy nhiên, để chính thức được FTSE nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 9/2026, Việt Nam vẫn cần tiếp tục cải thiện khả năng tiếp cận thị trường của các nhà môi giới toàn cầu (global brokers), vốn vẫn còn là một điểm hạn chế hiện nay.

Thanh khoản tăng trưởng nhờ diễn biến sôi động trong nửa cuối năm 2025

Năm 2025, giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 34,3% svck lên 28,9 nghìn tỷ đồng (1.101 triệu USD), bao gồm HOSE: 26,1 nghìn tỷ đồng (994,6 triệu USD), +36,5% svck; HNX: 1,8 nghìn tỷ đồng (68,5 triệu USD), +24,2% svck; và UPCOM: 945 tỷ đồng (36 triệu USD), +5,4% svck. Tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân tăng 29% svck lên 2,58 triệu tài khoản từ mức nền 2 triệu tài khoản của năm 2024.

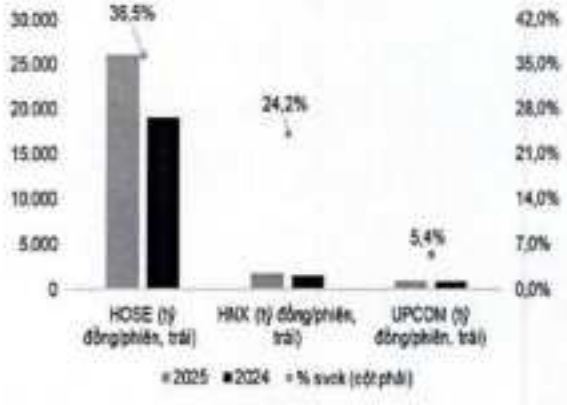
Thanh khoản tăng mạnh trong hầu hết nửa cuối năm (+108,4% svck), đồng pha với diễn biến thị trường do 1) động lực tăng trưởng mạnh mẽ đến từ nhóm doanh nghiệp vốn hóa lớn hỗ trợ tốt cho chỉ số; 2) Lãi suất tiền gửi duy trì ở mức thấp, dòng tiền dịch chuyển sang cổ phiếu; và 3) Kỳ vọng nâng hạng. Ngược lại, trong nửa đầu năm, thanh khoản ghi nhận mức giảm 16,2% svck, phản ánh diễn biến giao dịch kém sôi động khi thị trường trầm lắng, đồng thời chịu áp lực từ hoạt động bán ròng mạnh của khối ngoại trong bối cảnh rủi ro tỷ giá gia tăng.

Hình 14: Giá trị giao dịch bình quân phiên tăng 34,3% svck lên 28,9 nghìn tỷ đồng/phiên vào năm 2025



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2025

Hình 15: Năm 2025 chứng kiến thanh khoản tăng ở sàn HOSE, HNX và UPCOM



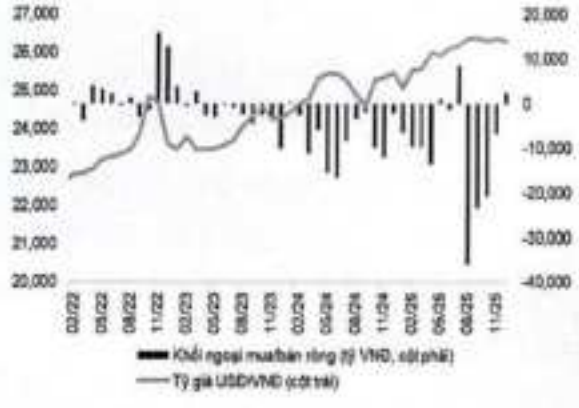
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 31/12/2025

Khối ngoại bán ròng kỷ lục trong năm 2025

Khối ngoại bán ròng 115,4 nghìn tỷ đồng (4,4 tỷ USD) trong năm 2025 so với đà bán ròng 90,3 nghìn tỷ đồng (3,5 tỷ USD) vào năm 2024.

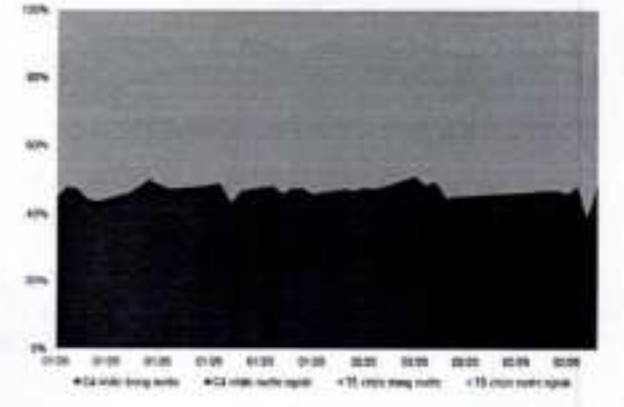
Khối ngoại bán ròng trong phần lớn thời gian của năm 2025, ngoại trừ tháng 5 và tháng 7. Trong bối cảnh lợi suất TPCP Mỹ duy trì ở mức cao và tỷ giá USD/VND biến động theo hướng bất lợi, nhà đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam và cơ cấu lại danh mục theo hướng thận trọng hơn. Ngoài ra, một phần áp lực bán ròng trong năm 2025 của khối ngoại đến từ việc bán chốt lời sau khi VN-Index đã duy trì đà tăng mạnh kể từ đầu năm.

Hình 16: Khối ngoại bán ròng 115,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 (đơn vị: tỷ đồng)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, dữ liệu ngày 26/12/2025

Hình 17: Tỷ trọng giao dịch nước ngoài tăng từ mức 9,2% lên 11,8% vào năm 2025



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

3.2. Tình hình hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2024	2025
Tổng tài sản	44.295	51.629
Vốn chủ sở hữu	19.715	20.903
Tỷ lệ Vốn khả dụng (%)	356%	294%
Lợi nhuận trước thuế	2.088	2.508
Lợi nhuận sau thuế	1.718	2.022
ROAA (%)	4,0%	4,2%
ROAE (%)	9,5%	10,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 2.508 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch lợi nhuận trước thuế Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2025, VNDIRECT ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với sự tăng trưởng đồng đều về quy mô và hiệu quả hoạt động. Tổng tài sản đạt 51.629 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024, trong khi vốn chủ sở hữu đạt 20.903 tỷ đồng, tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng vững chắc cho các hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ vốn khả dụng duy trì ở mức 294%, đảm bảo tuân thủ chỉ số, đồng thời phản ánh việc Công ty chủ động sử dụng nguồn lực để hỗ trợ tăng trưởng.

Về hiệu quả kinh doanh, Lợi nhuận trước thuế đạt 2.508 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế đạt 2.022 tỷ đồng, tăng 18%. Các chỉ tiêu sinh lời tiếp tục được cải thiện, với ROAA đạt 4,2% và ROAE đạt 10,0%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu được nâng cao. Kết quả kinh doanh khẳng định năng lực kinh doanh vững chắc của Công ty thông qua việc sử dụng hiệu quả nguồn lực và duy trì hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng tài chính ổn định và dư địa cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững hiệu quả và quy mô bảng cân đối

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	**43.106**	**50.580**	**17%**
1. Tiền và tương đương tiền	881	1.622	84%
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	24.519	22.537	(8%)
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.561	8.558	54%
4. Các khoản cho vay	10.344	14.319	38%
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.801	3.544	97%
Tài sản dài hạn	**1.189**	**1.049**	**(12%)**
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	915	836	(9%)
2. Tài sản dài hạn khác	274	213	(22%)
TỔNG TÀI SẢN	**44.295**	**51.629**	**17%**
Nợ phải trả	**24.580**	**30.726**	**25 %**
1. Vay ngắn hạn	22.436	26.463	18%
2. Phát hành trái phiếu	400	2.248	462%
3. Nợ phải trả khác	1.744	2.015	16%
Vốn chủ sở hữu	**19.715**	**20.903**	**6%**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**44.295**	**51.629**	**17%**

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2025 VNDIRECT

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của VNDIRECT đạt 51.629 tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2024. Cơ cấu tài sản tiếp tục được Công ty chủ động điều chỉnh theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản. Tài sản ngắn hạn duy trì tỷ trọng cao với 50.580 tỷ đồng, chiếm khoảng 98% tổng tài sản. Trong đó, các khoản cho vay đạt 14.319 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ, chiếm 28% tổng tài sản, phản ánh định hướng đẩy mạnh hoạt động cho vay trong bối cảnh nhu cầu vốn của khách hàng gia tăng. Đây là kênh tài sản có lợi suất cao nhất trong cơ cấu tài sản của VNDIRECT tuy nhiên chất lượng dư nợ cho vay vẫn luôn được kiểm soát chặt chẽ,

đặc biệt trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh mạnh.

Danh mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 8.558 tỷ đồng, tăng 54% so với cuối năm 2024, góp phần tạo nguồn thu ổn định và giảm thiểu rủi ro biến động thị trường. VNDIRECT linh hoạt và chủ động chuyển đổi cơ cấu danh mục tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), giảm xuống 22.537 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ, qua đó cân đối giữa mục tiêu sinh lời và kiểm soát rủi ro. Tiền và tương đương tiền đạt 1.622 tỷ đồng, tăng 84% so với cuối năm 2024, thể hiện định hướng duy trì bộ đệm thanh khoản ở mức hợp lý. Tài sản dài hạn được kiểm soát ở mức 1.049 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng thấp trong tổng tài sản và chủ yếu là các khoản đầu tư mang tính chiến lược.

Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tỷ trọng 2024 (%)	Tỷ trọng 2025 (%)
1. Tiền gửi	13.004	16.012	29%	31%
2. Trái phiếu	14.618	14.515	33%	28%
3. Cổ phiếu	3.339	2.192	8%	4%
4. Các khoản cho vay	10.344	14.319	23%	28%
5. Tài sản khác	2.990	4.591	7%	9%
TỔNG TÀI SẢN	**44.295**	**51.629**	**100%**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

Về cơ cấu tỷ trọng phân bổ tài sản năm 2025, sau khi lãi suất có dấu hiệu chạm đáy năm 2024 thì VNDIRECT đã chủ động gia tăng quy mô tiền gửi từ 13.004 tỷ đồng lên 16.012 tỷ đồng qua đó nâng tỷ trọng trong cơ cấu tổng tài sản tăng từ 29% lên 31%. Trong khi đó quy mô trái phiếu được duy trì ở mức khoảng 14.500 tỷ đồng, với tỷ trọng trái phiếu có tính thanh khoản cao bao gồm trái phiếu tổ chức tín dụng (TCTD) và trái phiếu chính phủ (TPCP) ở mức cao. Trước bối cảnh thị trường nhiều biến động, VNDIRECT ưu tiên duy trì tỷ trọng lớn ở các nhóm tài sản an toàn, thanh khoản, giữ ổn định chất lượng danh mục tài sản tài chính tổng thể.

Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tỷ trọng 2024 (%)	Tỷ trọng 2025 (%)
1. Vốn chủ sở hữu	19.715	20.903	45%	40%
2. Vay ngắn hạn	22.436	26.463	51%	51%
3. Phát hành trái phiếu	400	2.248	1%	4%
4. Nợ phải trả khác	1.744	2.015	3%	4%
TỔNG NGUỒN VỐN	**44.295**	**51.629**	**100%**	**100%**

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

VNDIRECT đang dần chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn nhằm cân đối hơn giữa vốn chủ sở hữu và vốn nợ. Vốn chủ sở hữu đạt 20.903 tỷ đồng, tỷ trọng giảm từ 45% xuống 40% nhưng vẫn duy trì nền tảng vốn vững chắc. Vay ngắn hạn, trong đó chủ yếu là các khoản vay tại Ngân hàng lớn nhằm tối ưu chi phí tài chính, tiếp tục là nguồn vốn chủ đạo, chiếm 51%, đảm bảo tính linh hoạt trong vận hành. Năm 2025 VNDIRECT đã có 02 đợt phát hành trái phiếu, nâng quy mô trái phiếu VNDIRECT phát hành từ 400 tỷ đồng lên 2.248 tỷ đồng, tỷ trọng cơ cấu vốn tăng từ 1% lên 4% nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao tính chủ động trong huy động vốn trung – dài hạn. Cụ thể, VNDIRECT phát hành 250 tỷ trái phiếu riêng lẻ và 2.000 tỷ đồng Trái phiếu ra công chúng, với tỷ lệ hấp thụ trên 99%. Qua đó, VNDIRECT duy trì nền tảng tài chính an toàn và nâng cao khả năng chủ động trong điều hành hoạt động kinh doanh.

Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	2024	2025
Chỉ số thanh toán hiện hành (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,76	1,77
Chỉ số thanh toán nhanh (lần) ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho))/Nợ ngắn hạn)	1,76	1,77

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

VNDIRECT luôn đảm bảo khả năng thanh toán và chủ động đánh giá hoạt động kinh doanh định kỳ nhằm đưa ra các kịch bản thanh khoản với mục tiêu đảm bảo thanh khoản và tối ưu hiệu quả nguồn vốn tài sản cho Công ty. Xây dựng bộ đệm thanh khoản từ tài sản có tính thanh khoản cao cũng là một trong những định hướng chiến lược hoạt động của Công ty, do đó tài sản có tính thanh khoản cao luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu danh mục đầu tư.

Các khoản mục đầu tư

Tên công ty	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Số vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	836.115.332.000	20,0%	Công ty liên kết

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

Tính đến 31/12/2025, VNDIRECT ghi nhận Công ty liên kết là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện ("PTI") (tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu là 20,0%).

3.3. Kết quả hoạt động các mảng kinh doanh 2025 của VNDIRECT

3.3.1. Kết quả kinh doanh Hoạt động Thị trường vốn

Hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn trong 2025 tiếp tục tập trung vào các mục tiêu chiến lược:

(i) Quản lý bảng cân đối vốn và tài sản đảm bảo an toàn, tăng trưởng bền vững, và tỷ suất sinh lời trên vốn hiệu quả.

(ii) Nâng cao năng lực kinh doanh rủi ro đa dạng trên các kênh tài sản bao gồm các sản phẩm trên thị trường tiền tệ, thị trường cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

(iii) Xây dựng mở rộng năng lực tư vấn bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường cho trái phiếu.

Duy trì hiệu quả danh mục, linh hoạt ứng biến để cân bằng giữa an toàn và tối ưu hiệu quả giữa bối cảnh thị trường biến động

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2024	2025
Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính [2]	1.918	2.438
Chi phí tài chính (đã phân bổ)[3]	500	826
Hiệu quả Hoạt động Thị trường vốn	1.418	1.612

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

[2] Doanh thu ròng Thị trường vốn từ Tài sản tài chính bao gồm Lỗ từ Tài sản tài chính FVTPL
[3] Chi phí tài chính được phân bổ theo quy mô sử dụng vốn của các chỉ tiêu tài sản sinh lời.

Năm 2025, hoạt động Thị trường vốn của VNDIRECT ghi nhận sự cải thiện trong bối cảnh thị trường giấy tờ có giá sôi động và lợi suất đầu tư trở nên hấp dẫn hơn giai đoạn trước. Doanh thu ròng từ tài sản tài chính đạt 2.438 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả từ việc chủ động cơ cấu danh mục theo hướng linh hoạt, gia tăng tỷ trọng các tài sản có lợi suất phù hợp với diễn biến thị trường.

Chi phí tài chính phân bổ cho hoạt động này đạt 826 tỷ đồng, tăng 65% so với cùng kỳ ("svck"), chủ yếu do quy mô huy động vốn gia tăng và mặt bằng lãi suất có xu hướng nhích lên so với vùng đáy năm trước. VNDIRECT đã chủ động thực hiện đúng định hướng chiến lược tối ưu cấu trúc nguồn vốn và duy trì hợp tác với các định chế tài chính lớn, qua đó kiểm soát tốt chi phí vốn ở mức hợp lý.

Kết quả, hiệu quả hoạt động Thị trường vốn đạt 1.612 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2024, cho thấy khả năng cân đối giữa mục tiêu an toàn và tối ưu hiệu quả danh mục, công ty không chỉ kiểm soát chi phí vốn một cách hiệu quả mà còn tối ưu hóa giá trị các tài sản tài chính, biến những thách thức thị trường thành động lực để nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố nền tảng bền vững.

Khẳng định vị thế uy tín trong hoạt động bảo lãnh phát hành và tạo lập thị trường trái phiếu

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2024	2025
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	54	44

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

Trong bối cảnh thị trường vốn từng bước phục hồi, VNDIRECT tiếp tục kiên định với định hướng phát triển bền vững trong mảng khách hàng doanh nghiệp, tập trung cung cấp các giải pháp tư vấn huy động vốn và cấu trúc tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Qua đó, công ty tiếp tục khẳng định vai trò là đối tác tài chính tin cậy, góp phần thúc đẩy dòng vốn trung và dài hạn và hỗ trợ sự phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.

Trong năm 2025, VNDIRECT tiếp tục được các định chế tài chính và doanh nghiệp tin tưởng lựa chọn là đơn vị tư vấn phát hành trái phiếu, đạt thị phần đứng đầu trên thị trường với tổng giá trị tư vấn phát hành đạt hơn 94 nghìn tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán năm 2025 đạt 44 tỷ đồng.

3.3.2. Kết quả kinh doanh Dịch vụ chứng khoán

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2024	2025
Doanh thu Môi giới chứng khoán	720	972
Doanh thu Cho vay	1.255	1.394

Nguồn: Báo cáo tài chính VNDIRECT năm 2025 đã kiểm toán

Kết thúc năm 2025 VNDIRECT có số lượng tài khoản mở mới đạt 65 nghìn tài khoản, tăng 6% svck năm 2024. Tính đến 31/12/2025 số lượng khách hàng do VNDIRECT quản lý thời điểm cuối năm 2025 cũng tăng 6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 1 triệu khách hàng, trung bình giá trị tài sản Công ty quản lý (NAV) tăng từ 180 nghìn tỷ đồng năm 2024 lên 200 nghìn tỷ đồng năm 2025.

Mảng dịch vụ chứng khoán của VNDIRECT trong năm 2025 tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng tích cực và ổn định, thể hiện qua sự gia tăng đồng đều về quy mô doanh thu và dư nợ. Doanh thu môi giới đạt 972 tỷ đồng, tăng khoảng 35% so với cùng kỳ (svck), trong khi doanh thu từ cho vay đạt 1.394 tỷ đồng, tăng 11% svck. Tính đến hết 31/12/2025, dư nợ cho vay tăng mạnh lên 14.319 tỷ đồng, tăng 38% từ 10.344 tỷ cuối năm 2024, phản ánh nhu cầu giao dịch gia tăng và niềm tin của khách hàng đối với hệ sinh thái dịch vụ của Công ty.

Bên cạnh đó, VNDIRECT tiếp tục duy trì vị thế ổn định trên các thị trường giao dịch với thị phần thuộc nhóm dẫn đầu trên HOSE, HNX, UPCOM và thị trường phái sinh. Tổng thể, mảng dịch vụ chứng khoán tiếp tục đóng vai trò là trụ cột tăng trưởng, với nền tảng khách hàng ổn định, dư địa mở rộng lớn và hiệu quả khai thác ngày càng được cải thiện, qua đó góp phần củng cố động lực tăng trưởng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của VNDIRECT trên thị trường.

3.4. Kết quả kinh doanh theo phân khúc khách hàng

3.4.1. Khách hàng cá nhân

Năm 2025, VNDIRECT tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi từ mô hình môi giới truyền thống sang mô hình phục vụ tài chính toàn diện, vận hành theo hai trụ kinh doanh bổ sung cho nhau: **VNDTRADE** — nền tảng giao dịch thông minh dành cho nhà đầu tư chủ động, và **VNDGO** — nền tảng tư vấn tài sản đồng hành cùng khách hàng trên hành trình tích lũy và bảo toàn tài sản dài hạn.

Dựa trên hệ sinh thái của Tập đoàn IPA, danh mục sản phẩm được cấu trúc theo mô hình **Tháp tài sản HWG** gồm ba tầng:

- **Health (Tài chính an sinh):** Xây nền tảng tài chính vững chắc — bảo hiểm, quỹ khẩn cấp, các sản phẩm có tính thanh khoản cao. NAV đạt 98 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ (svck), với 2.221 khách hàng sử dụng sản phẩm.
- **Wealth (Đầu tư tích sản):** Tích lũy tài sản bền vững thông qua phân bổ linh hoạt giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn. NAV đạt 6.378 tỷ đồng, tăng 3% svck; 15.358 khách hàng sử dụng sản phẩm, tăng 8%.
- **Growth (Đầu tư tăng trưởng):** Giao dịch chứng khoán chuyên nghiệp — cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền, giao dịch ký quỹ. NAV đạt 113.537 tỷ đồng, tăng 13% svck, chiếm 90% tổng NAV, với 116.928 khách hàng, tăng 23%.

Tổng quan số liệu KHCN năm 2025

Tầng HWG	NAV (tỷ đồng)	Tăng trưởng	Số Khách hàng sử dụng sản phẩm	Tỷ trọng NAV
Health	98	+15%	2.221	<1%
Wealth	6.378	+3%	15.358	5%
Growth	113.537	+13%	116.928	90%
Tổng KHCN	**126.177**	**+13%**	**134.507**	**100%**

Các sáng kiến nổi bật trong năm 2025

Trong năm, Công ty triển khai một số sáng kiến đáng chú ý:

- **Chính sách ưu đãi lãi suất margin** cho khách hàng mở mới tham gia thị trường chứng khoán với quy mô vốn nhỏ.
- **Chính sách miễn phí giao dịch** để kích hoạt lại khách hàng không hoạt động quay lại giao dịch.
- **Ra mắt sản phẩm Phái sinh Pro** cho nhà đầu tư chuyên nghiệp tần suất cao, sau khi hệ thống KRX vận hành chính thức.
- **Ra mắt Trái phiếu Dbond Plus** — phát hành bởi các doanh nghiệp có nền tảng vững chắc, phục vụ nhu cầu tối ưu vốn ngắn hạn của nhà đầu tư chuyên nghiệp.
- **Bổ sung thêm các mã quỹ** từ VinaCapital và VCBF, mở rộng lựa chọn đầu tư cho khách hàng.

3.4.2. Khách hàng doanh nghiệp

Bối cảnh thị trường

Năm 2025, nhu cầu vốn của doanh nghiệp duy trì ở mức cao nhằm phục vụ mở rộng sản xuất kinh doanh và tái cấu trúc nguồn vốn. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp tăng trưởng mạnh với tổng giá trị phát hành mới đạt khoảng **624 nghìn tỷ đồng (+32% YoY)**, tập trung ở nhóm ngân hàng, bất động sản và các tập đoàn lớn. Kênh vốn cổ phần cũng phục hồi rõ nét: giá trị IPO và phát hành mới **tăng 75% YoY**, nổi bật là các thương vụ IPO trong lĩnh vực tài chính với tổng giá trị trên 30 nghìn tỷ đồng.

Kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	Kết quả 2025
Tư vấn phát hành trái phiếu	94.000+ tỷ đồng (+32% YoY) — #1 thị phần
Trái phiếu Xanh (GSS Bonds)	3 thương vụ, 1.200 tỷ đồng — >35% thị phần
Hợp đồng tư vấn mới ký (chờ triển khai 2026)	6 hợp đồng — tập trung dầu khí, hàng không, vốn nhà nước
Tài khoản KHDN quản lý	+13% YoY
NAV trung bình sản phẩm quản lý dòng tiền KHDN	31.000+ tỷ đồng (-2% YoY)
Doanh thu dịch vụ KHDN	+30% YoY

Về cơ cấu sản phẩm KHDN: rổ sản phẩm tập trung vào hai nhóm chính — dịch vụ ngân hàng đầu tư (tư vấn phát hành, tái cấu trúc, M&A) và sản phẩm quản lý tối ưu dòng tiền doanh nghiệp. NAV nhóm sản phẩm dòng tiền giảm nhẹ 2% do mặt bằng lãi suất thấp chưa đủ hấp dẫn, tuy nhiên quy mô khách hàng tiếp tục mở rộng (+13%), cho thấy nhu cầu sử dụng dịch vụ vẫn tăng trưởng tích cực.

3.4.3. Khách hàng Định chế tài chính

Năm 2025, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, lạm phát được kiểm soát trong mục tiêu, tạo điều kiện cho chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng. Áp lực tỷ giá dần hạ nhiệt vào cuối năm, góp phần củng cố sự ổn định của thị trường tiền tệ.

Chỉ tiêu	Kết quả 2025
Tổng hạn mức tín dụng	60.330 tỷ đồng (+20% YoY)
Hạn mức tín chấp	12.780 tỷ đồng (+16% YoY)
Mạng lưới đối tác	100+ định chế tài chính
Tư vấn phát hành cho ĐCTC	85.000+ tỷ đồng — nhóm dẫn đầu thị trường vốn nợ

Sự gia tăng đồng thời cả quy mô và tỷ trọng tín chấp phản ánh mức độ tin cậy ngày càng cao từ các tổ chức tài chính đối với VNDIRECT. Công ty tiếp tục củng cố quan hệ hợp tác với các ngân hàng quốc doanh và ngân hàng quy mô lớn, đồng thời chủ động mở rộng kết nối với các định chế tài chính quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và cơ hội kinh doanh.

3.4.4. Khách hàng Tổ chức

Bối cảnh thị trường

Năm 2025 đánh dấu cột mốc lịch sử khi FTSE Russell chính thức nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên **Thị trường Mới nổi Thứ cấp** (hiệu lực từ tháng 09/2026), mở ra triển vọng thu hút dòng vốn quốc tế ước tính lên tới 6 tỷ USD. Thanh khoản thị trường thiết lập mặt bằng mới với giá trị giao dịch bình quân đạt **28,9 nghìn tỷ đồng/phiên (+34% YoY)**. VN-Index tăng 41%, chinh phục ngưỡng 1.784 điểm vào cuối năm.

Kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	Kết quả 2025
Tổng giá trị giao dịch tổ chức	+56% YoY
Doanh thu phí môi giới	+43% YoY — đạt 123% kế hoạch năm
Thị phần tổ chức trên HOSE	+17% YoY
Thị phần tổ chức nước ngoài	+8% YoY
Hạn mức NPF	Top 5 thị trường Việt Nam
Lỗi giao dịch / bồi thường	0 trường hợp trong cả năm

Đầu tư hạ tầng và mở rộng mạng lưới

Trong năm, Khối KHTC tập trung đầu tư vào hai trụ cột:

Hạ tầng giao dịch: Thiết lập kết nối giao thức FIX với các đối tác tổ chức lớn tại châu Á, triển khai đường truyền riêng chuyên dụng cho khách hàng trọng yếu, đảm bảo chất lượng truy cập thị trường đạt chuẩn quốc tế.**Mở rộng địa lý:** Bên cạnh mạng lưới đã thiết lập tại Thái Lan, Singapore và Đài Loan, chủ động tiếp cận nhà đầu tư tại Úc, Ấn Độ, Dubai và Trung Quốc/Hồng Kông.

3.5. Hoạt động Quản trị rủi ro

3.5.1. Cơ cấu tổ chức hoạt động Quản trị rủi ro

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro (QTRR) tại VNDIRECT; được tham mưu bởi Hội đồng QTRR và các hội đồng liên quan; phê duyệt và ban hành đầy đủ các Quy chế, Quy trình, Chính sách, Hạn mức quản trị rủi ro; giám sát việc tổ chức thực hiện triển khai QTRR của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

Ban Kiểm soát và Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng giám sát và đánh giá độc lập đối với hệ thống quản trị rủi ro.

Tổng Giám đốc tổ chức triển khai và chỉ đạo hoạt động quản trị rủi ro trong phạm vi được Hội đồng quản trị phân quyền.

Bộ phận Quản trị rủi ro, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và các đơn vị kinh doanh chịu trách nhiệm thực thi hoạt động quản trị rủi ro trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

3.5.2. Chiến lược Quản trị rủi ro

Chiến lược quản trị rủi ro được xây dựng trên cơ sở các định hướng trọng tâm sau:

(1) Tuân thủ pháp luật: Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý và giới hạn rủi ro áp dụng đối với hoạt động của công ty chứng khoán.

(2) Tổ chức hệ thống độc lập, khách quan, thống nhất: Hệ thống quản trị rủi ro phải bảo đảm tính độc lập, phân định rõ trách nhiệm giữa các đơn vị, hạn chế xung đột lợi ích và tăng cường hiệu quả giám sát.

(3) Tăng cường ứng dụng công nghệ: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, dữ liệu và công cụ phân tích trong quy trình nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro, nâng cao tính kịp thời và hiệu quả vận hành.

(4) Đảm bảo an toàn tài chính: Quản trị rủi ro hướng đến việc kiểm soát tổn thất, duy trì năng lực tài chính vững chắc và nâng cao khả năng ứng phó với biến động thị trường.

(5) Bảo vệ tài sản của khách hàng và thương hiệu: Hệ thống quản trị rủi ro gắn liền với việc bảo

vệ tài sản khách hàng, đảm bảo minh bạch, an toàn trong giao dịch và duy trì uy tín thương hiệu của Công ty.

3.5.3. Quy trình Quản trị rủi ro

a. Nhận diện

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm toán nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan.

b. Đo lường và đánh giá

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Xác định trạng thái rủi ro: Trạng thái cho vay, trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản.
- Xác định xác suất xảy ra sự cố: PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành.
- Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng: Độ biến động, PV01, VaR, PnL.

Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng dựa trên xác suất thống kê.

c. Theo dõi

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các

nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

d. Kiểm soát

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh.

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3.5.4. Các loại hình rủi ro trọng yếu

Tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đến hết năm đạt trên 8,5 triệu tỷ đồng, tương đương 72% GDP, riêng sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đạt gần 6,9 triệu tỷ đồng. Chốt phiên giao dịch cuối năm ngày 31/12/2025, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1.784,5 điểm, tăng 40,8% so với đầu năm.

Mặc dù vậy, nhiều biến động vĩ mô đã tác động tới thị trường tài chính Việt Nam trong đó có biến động tỷ giá và chính sách tiền tệ. Thị trường chứng khoán chịu áp lực lớn qua mỗi lần Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) hút thanh khoản để ổn định tỷ giá. Bên cạnh đó, nhận thấy rủi ro lạm phát và tác động của các yếu tố bên ngoài không lường trước được, ngay từ đầu năm VNDIRECT đã triển khai kế hoạch kinh doanh rất thận trọng. Điều đó được thể hiện thông qua hoạt động quản lý bảng cân đối cũng như việc kiện toàn các chính sách quản trị rủi ro, quy trình, quy định, quy chế để cân bằng giữa yếu tố an toàn trong hoạt động và hiệu quả kinh doanh cụ thể:

a. Rủi ro thị trường

Năm 2025 thị trường chứng khoán Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát và sự rút lui của dòng vốn ngoại. Trong năm 2025 tăng trưởng tín dụng tại Việt Nam ghi nhận ở mức cao ước tính khoảng trên 19% so với cuối năm 2024, cao hơn nhiều so với mức ban đầu, quy mô tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 18,6 triệu tỷ đồng. Đồng VND là đồng tiền mất giá mạnh thứ 2 tại Châu Á, tiếp tục đà giảm của năm 2024 trong năm 2025 tiền đồng

của Việt Nam giảm 3,2%. Khối ngoại thực hiện bán ròng mạnh mẽ, với giá trị 115,4 tỷ đồng (4,4 tỷ USD) - là mức cao nhất trong lịch sử thị trường. VNDIRECT thường xuyên cập nhật và đánh giá tình hình để lên các kịch bản, có phương án giao dịch phù hợp trong từng giai đoạn, với mục tiêu giảm chi phí vốn và nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư lãi suất cố định. Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu tổ chức tín dụng với cấu trúc lãi suất thả nổi.

Rủi ro từ biến động của thị trường chứng khoán: Với mô hình kinh doanh bao gồm ba hoạt động kinh doanh gốc là: (1) dịch vụ giao dịch chứng khoán; (2) ngân hàng đầu tư và thị trường vốn; và (3) dịch vụ quản lý tài sản, VNDIRECT có cấu trúc doanh thu hướng tới cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh nhờ đó đa dạng hóa nguồn thu. Hoạt động đầu tư cổ phiếu chiến lược của Công ty là đầu tư cổ phiếu dài hạn, tập trung vào các doanh nghiệp có đặc điểm ngành, nghề kinh doanh hưởng lợi từ sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam, có lợi thế cạnh tranh, được quản lý minh bạch và có chiết khấu hấp dẫn so với khách hàng tiềm năng. Ngoài ra, chiến lược đầu tư ngắn hạn tập trung vào các giao dịch cung cấp sản phẩm cấu trúc như Covered Warrant, ETF, sản phẩm quỹ và giao dịch ngắn hạn theo mô hình định lượng. Các danh mục đầu tư đều được quản trị rủi ro theo quy trình đã ban hành.

b. Rủi ro lãi suất

Trong năm 2025, NHNN duy trì nền lãi suất điều hành ổn định. Một số điểm nổi bật trong việc điều hành như: Lãi suất tái cấp vốn giảm kể từ tháng 5/2023 và duy trì ổn định đến năm 2025. Lãi suất này giúp các tổ chức tín dụng có thêm nguồn vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu thanh khoản. Ngoài ra, NHNN cũng áp dụng các chính sách để giữ lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi ở mức ổn định, nhằm đảm bảo cân bằng giữa tiết kiệm và tiêu dùng, hỗ trợ nền kinh tế phát triển ổn định.

Trong hoạt động kinh doanh của VNDIRECT, lãi suất có vai trò rất quan trọng do biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến các chi phí huy động vốn, đặc biệt là hoạt động kinh doanh nguồn vốn và cho vay ký quỹ. Do vậy, Công ty luôn thận trọng, cân đối các giải pháp tài chính phù hợp trong quá trình hoạt động để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất như sử dụng các hợp đồng kỳ hạn lãi suất, nỗ lực tìm kiếm các khoản vay hợp vốn từ các định chế tài chính uy tín trên thị trường quốc tế.

c. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro VNDIRECT không thu hồi một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với đối tác khi đến hạn. Các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán nói chung và VNDIRECT nói riêng tiềm ẩn rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư, hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Với danh mục tiền gửi: VNDIRECT luôn tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đa dạng hóa đối tác, đánh giá và xếp hạng tín nhiệm đối tác dựa trên thông tin thị trường, thông tin khách hàng và lịch

sử hợp tác. Với hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, VNDIRECT chỉ lựa chọn đối tác là các ngân hàng lớn, có xếp hạng tín nhiệm quốc tế cao từ B2 trở lên của Moody's để cấp hạn mức đầu tư và duy trì tài khoản tiền gửi. Hệ thống cảnh báo và báo cáo rủi ro hàng ngày được duy trì để giám sát chặt chẽ hoạt động này.

Với danh mục cho vay giao dịch ký quỹ: Rủi ro tín dụng phát sinh với hoạt động này khi giá cổ phiếu giảm làm giá trị tài sản bảo đảm giảm nhưng khách hàng không bổ sung giá trị tài sản bảo đảm theo yêu cầu hoặc giá cổ phiếu xuống quá thấp hoặc mất thanh khoản dẫn đến công ty chứng khoán không thu hồi được hết số tiền cho vay. Để hạn chế rủi ro này, VNDIRECT đã phối hợp đồng thời nhóm biện pháp:

- Lập danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm trên cơ sở tuân thủ các quy định của Uỷ ban Chứng Khoán Nhà nước, đồng thời thường xuyên đánh giá biến động cổ phiếu, các yếu tố thanh khoản, xác định các thông tin ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và cổ phiếu.
- Xây dựng hệ thống hạn mức chéo để kiểm soát tối đa: tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa/khách hàng, hạn mức tối đa/mã cổ phiếu, tỷ lệ ký quỹ duy trì, tỷ lệ xử lý giao dịch ký quỹ để thu hồi nợ,...
- Giám sát hàng ngày dư nợ và tỷ lệ tài khoản để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro, tự động cảnh báo và xử lý rủi ro khi tài khoản đạt ngưỡng. Bất kỳ khoản nợ cổ phiếu nào tiềm ẩn yếu tố rủi ro vượt ngưỡng chịu đựng rủi ro đều phải thu hồi trước hạn.
- Việc chấm điểm, đánh giá tín nhiệm khách hàng phải đảm bảo các tiêu chí theo nguyên tắc do VNDIRECT đề ra, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới và Chuyên viên chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ.
- Cho vay giao dịch ký quỹ được cung cấp cho nhiều đối tượng khách hàng bao gồm khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và định chế tài chính để đảm bảo rủi ro không tập trung vào một số khách hàng lớn.

Trong điều kiện thị trường có nhiều diễn biến khó lường và rủi ro cao, VNDIRECT đã thắt chặt hơn các quy định về cấp margin cho cổ phiếu, việc đánh giá, sàng lọc, điều chỉnh các tỷ lệ quản lý rủi ro, hạn mức được thực hiện với tần suất hàng ngày hoặc ngay khi thị trường có các diễn biến bất lợi.

Năm 2025 khi dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng hồi phục kèm theo đó là các yếu tố có thể gây ra rủi ro thị trường như biến động về lãi suất, tỷ giá và chính sách điều hành của các cơ quan quản lý thì việc Ban Lãnh đạo VNDIRECT giữ lập trường về định hướng phát triển bền vững và quy chế quản trị rủi ro chuyên nghiệp càng được khẳng định rõ nét.

Với nghiệp vụ ngân hàng đầu tư: VNDIRECT đã và đang áp dụng các tiêu chuẩn lựa chọn, đánh

giá, thẩm định và quản lý rủi ro chặt chẽ đối với hoạt động bảo lãnh phát hành và quản lý các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp.

Ở giai đoạn lựa chọn khách hàng, VNDIRECT đã xây dựng và áp dụng những tiêu chuẩn chặt chẽ trong việc đánh giá khách hàng (KYC – Know Your Customer) nhằm lựa chọn những khách hàng phù hợp với định hướng chiến lược của công ty trong từng thời kỳ, tập trung vào các ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng, sở hữu mô hình kinh doanh hiệu quả bền vững và ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược dài hạn. Các ngành nghề trọng tâm VNDIRECT hướng đến bao gồm: năng lượng, bất động sản, sản xuất công nghiệp, dịch vụ tiêu dùng, công nghệ, du lịch, y tế và giáo dục.

Ở giai đoạn cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành, bên cạnh các quy định pháp luật phải tuân thủ, VNDIRECT áp dụng quy trình thẩm định chuyên sâu (due diligence) trên nhiều khía cạnh như tài chính, kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo chuẩn mực về điều kiện phát hành và chất lượng của khoản đầu tư. Quy trình thẩm định này được tóm gọn bởi nguyên tắc 5C:

- Cashflow (Dòng tiền - Mô hình kinh doanh bền vững, có khả năng tạo dòng tiền ổn định)
- Capacity (Năng lực trả nợ - Doanh nghiệp có điều kiện trả nợ tốt và trong điều kiện dòng tiền thiếu hụt thì có tài sản để bù đắp)
- Corporate Governance (Quản trị doanh nghiệp - Doanh nghiệp có tầm nhìn sứ mệnh đúng đắn và các chuẩn mực kinh doanh tuân thủ pháp luật)
- Capital (Năng lực vốn - Cơ cấu vốn chủ an toàn và khả năng huy động vốn trong tương lai)
- Condition (Điều kiện phát hành - Doanh nghiệp có phương án phát hành và mục đích sử dụng vốn đảm bảo tính hiệu quả)

Các giải pháp đầu tư Trái phiếu mà VNDIRECT cung cấp cho khách hàng là các sản phẩm VNDIRECT tư vấn, bảo lãnh phát hành hoặc đã được đánh giá chọn lọc kỹ càng theo tiêu chuẩn đã nêu.

Đối với hoạt động quản lý các khoản đầu tư, VNDIRECT duy trì việc cập nhật đánh giá các khoản đầu tư định kỳ (hàng tháng, hàng quý, hàng năm) trên cơ sở cập nhật về hoạt động kinh doanh và sức khỏe tài chính của tổ chức phát hành, mức độ tuân thủ các điều kiện điều khoản của khoản đầu tư nhằm có cái nhìn tổng quan về hiệu quả đầu tư, nhận diện được những rủi ro tiềm ẩn và có phương án phòng ngừa/xử lý phù hợp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi VNDIRECT mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán

vay giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu hoạt động thanh toán của nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại VNDIRECT.

Năm 2025 VNDIRECT tiếp tục nâng cao hoạt động quản trị rủi ro thanh khoản. Công ty đảm bảo tuân thủ tất cả các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn và tỷ lệ tuân thủ theo quy định. Tỷ lệ vốn khả dụng của VNDIRECT đảm bảo tuân thủ so với quy định của UBCK là 180% tại mọi thời điểm. Giới hạn đầu tư luôn được bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật và kiểm soát rủi ro chặt chẽ.

VNDIRECT đầu tư và nắm giữ tài sản có tính thanh khoản cao (chiếm trên 40% Tổng tài sản) như Tiền mặt, Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu của các tổ chức tín dụng lớn, Trái phiếu Chính phủ nhằm nâng cao và duy trì bộ đệm thanh khoản cho những biến động lớn. Công ty cũng luôn hướng đến mở rộng và duy trì quan hệ với nhiều định chế tài chính bao gồm các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư.

e. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động cũng bao gồm rủi ro về an ninh hệ thống, tuân thủ và quy định. Trong điều kiện thị trường nhạy cảm như vậy, Công ty liên tục xem xét tất cả các quy trình vận hành để đảm bảo tuân thủ, hệ thống an ninh, an ninh mạng được kiểm tra định kỳ để kịp thời phát hiện, rà soát, khắc phục nhằm hạn chế tối đa rủi ro hệ thống.

Với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất, VNDIRECT tăng cường đầu tư vào quản trị an toàn thông tin trên toàn bộ hệ thống, kiện toàn các bước vận hành và hệ thống quản lý thông tin để đảm bảo các sự kiện có thể ảnh hưởng đến an toàn thông tin trên hệ thống được nhận diện, giám sát, phân tích và xử lý kịp thời. Các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin, các xu hướng đe dọa, rủi ro an toàn được nhận diện và kiểm soát chủ động.

f. Rủi ro quản trị doanh nghiệp

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

VNDIRECT luôn đặt vấn đề về quản trị công ty lên hàng đầu với mục tiêu đảm bảo sự minh bạch, hiệu quả, phù hợp với mục tiêu kinh doanh và hơn hết là phục vụ lợi ích bền vững của cổ đông trên cơ sở hài hòa với các bên liên quan. Với mục tiêu đó, VNDIRECT xây dựng mô hình quản trị tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các pháp luật liên quan. Đồng thời, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro quản trị, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch

rà soát chính sách, quy trình nội bộ để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn tuân thủ đúng các quy định pháp luật đồng thời đạt được mục tiêu chung của Công ty.

g. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, Công ty còn phải đón nhận một số rủi ro mang tính bất khả kháng, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ,…), dịch bệnh sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh. Từ năm 2020, khi dịch COVID – 19 xảy ra, Công ty đã nhanh chóng thực hiện nghiêm túc các chính sách phòng tránh dịch theo hướng dẫn của Chính phủ, đảm bảo sự an toàn cho cán bộ công nhân viên, duy trì hoạt động liên tục và đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

3.6. Hoạt động khối Vận hành - Công nghệ

3.6.1. Hoạt động khối Vận hành

Kiện toàn vận hành số — Nâng cao hiệu quả tổ chức

Trong năm 2025, VNDIRECT tập trung triển khai các sáng kiến nhằm số hóa và tối ưu hóa hoạt động vận hành theo chiều sâu, đặt trọng tâm vào việc nâng cao hiệu quả phối hợp liên khối, chuẩn hóa quy trình và tăng cường năng lực ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Quản trị vận hành liên khối

Các luồng nghiệp vụ giữa front-office và back-office được số hóa và tích hợp chặt chẽ, giảm thiểu các điểm gián đoạn thủ công, nâng cao tốc độ và chất lượng phục vụ khách hàng.

Quản trị nguồn lực con người trong môi trường số

Hệ thống quản trị nhân sự được triển khai thống nhất trên toàn tổ chức, bao phủ các quy trình từ tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá hiệu suất, góp phần nâng cao năng lực đội ngũ và đảm bảo tính đồng bộ trong quản lý nhân sự.

Ra quyết định dựa trên dữ liệu

Hệ thống dashboard vận hành thời gian thực được đưa vào sử dụng, cung cấp cho lãnh đạo và quản lý cấp trung khả năng theo dõi toàn bộ hoạt động tổ chức, hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

Đẩy mạnh tự động hóa quy trình

Các tác vụ vận hành lặp lại được tự động hóa có chọn lọc, giảm thiểu rủi ro do yếu tố thủ công, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực nhân sự tập trung vào các hoạt động tạo ra giá trị cao hơn cho

khách hàng.

Các cải tiến trong năm 2025 đặt nền móng quan trọng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo, nâng cao tính linh hoạt và khả năng thích ứng của bộ máy vận hành VNDIRECT trước những thách thức của thị trường.

3.6.2. Hoạt động khối Công nghệ

Năm 2025 tiếp tục là năm VNDIRECT duy trì định hướng nhất quán: mọi đầu tư công nghệ đều được đánh giá trên tiêu chí giá trị thực tế tạo ra cho khách hàng và tổ chức — không dừng lại ở chỉ số triển khai kỹ thuật.

Củng cố hạ tầng và an toàn thông tin

VNDIRECT tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo toàn bộ hệ thống vận hành ổn định, liên tục và đáp ứng quy mô tăng trưởng của tổ chức. Hệ thống giám sát an toàn thông tin (ATTT) 24/7 được nâng cấp về năng lực phát hiện và xử lý sự cố, tăng cường bảo vệ dữ liệu khách hàng theo các tiêu chuẩn ngày càng cao hơn. Công tác kiểm tra, đánh giá bảo mật định kỳ được duy trì với sự phối hợp của các đối tác chuyên môn uy tín, đảm bảo năng lực kiểm soát rủi ro bảo mật toàn diện.

Phát triển giải pháp theo đặc thù nghiệp vụ

VNDIRECT triển khai chiến lược phát triển công nghệ theo hướng tùy chỉnh — ưu tiên phân tích đặc thù nghiệp vụ và xây dựng kiến trúc số phù hợp với roadmap dài hạn của tổ chức, thay vì áp dụng các giải pháp đóng gói sẵn. Hệ thống vận hành nghiệp vụ chứng khoán được nâng cấp bám sát yêu cầu thực tế. Nền tảng quản trị khách hàng được cải tiến liên tục dựa trên phản hồi trực tiếp từ đội ngũ tư vấn, hướng tới việc tối ưu hóa toàn bộ hành trình phục vụ khách hàng.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Trong năm 2025, VNDIRECT triển khai các giải pháp AI có chọn lọc vào hoạt động vận hành và phục vụ khách hàng. Các công cụ AI hỗ trợ đội ngũ tư vấn trong việc phân tích dữ liệu và nắm bắt thông tin khách hàng kịp thời. Hệ thống tự động hóa báo cáo định kỳ được áp dụng, giảm thiểu khối lượng tác vụ thủ công cho đội ngũ vận hành. Trợ lý thông minh trên nền tảng khách hàng được nâng cấp với khả năng phân tích và cá nhân hóa theo hành vi đầu tư của từng người dùng. Toàn bộ các giải pháp AI được triển khai theo quy trình thử nghiệm có kiểm soát, đánh giá hiệu quả thực tế trước khi mở rộng quy mô.

Nâng cao trải nghiệm khách hàng

Công tác cải tiến sản phẩm và dịch vụ số trong năm 2025 tập trung vào việc nâng cao tính cá nhân hóa và giảm thiểu rào cản trong hành trình sử dụng dịch vụ của khách hàng. Nền tảng MyDgo tiếp

tục được hoàn thiện theo định hướng tập hợp toàn bộ thông tin tài sản và đầu tư trên một giao diện thống nhất. Luồng mở tài khoản và eKYC trực tuyến được tối ưu hóa, rút ngắn thời gian tiếp cận dịch vụ lần đầu của khách hàng. Các tính năng bảo mật tài khoản tiếp tục được tăng cường, đảm bảo an toàn tài sản và thông tin cá nhân của nhà đầu tư.

Lợi thế từ hệ sinh thái IPAG

Với vị thế là thành viên cốt lõi của hệ sinh thái IPAG, VNDIRECT được thụ hưởng nền tảng công nghệ được thiết kế phục vụ xuyên suốt sứ mệnh giúp con người đạt tự do tài chính. Chuỗi giá trị cộng đồng IPA Living giúp phục vụ tốt các khách hàng tiềm năng, đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của VNDIRECT.

3.6.3. Định hướng phát triển khối Vận hành – Công nghệ

Xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ bền vững

VNDIRECT tập trung xây dựng và đưa vào vận hành kiến trúc hệ thống đa lớp với khả năng tự động hóa cao, tăng cường tính ổn định, linh hoạt và khả năng mở rộng. Các nền tảng công nghệ được thiết kế theo hướng tích hợp dữ liệu, tối ưu hiệu năng và kiểm soát rủi ro vận hành, nhằm đảm bảo tính liên tục của dịch vụ và an toàn cho dữ liệu khách hàng trong mọi điều kiện thị trường.

Mở rộng ứng dụng AI vào chiều sâu nghiệp vụ

Trên nền tảng triển khai thử nghiệm thành công trong năm 2025, VNDIRECT sẽ mở rộng phạm vi ứng dụng AI sang các nghiệp vụ phức tạp hơn, bao gồm hỗ trợ cá nhân hóa quyết định đầu tư cho khách hàng và tối ưu hóa quy trình vận hành nội bộ theo thời gian thực.

Nâng tầm nền tảng quản trị khách hàng

Hệ thống quản trị khách hàng sẽ được phát triển theo hướng chủ động hơn — không chỉ lưu trữ và hiển thị thông tin mà còn gợi ý hành động phù hợp cho từng khách hàng tại từng giai đoạn hành trình đầu tư, hỗ trợ đội ngũ tư vấn tập trung vào việc đồng hành và tạo ra giá trị thực sự cho khách hàng.

Tăng tốc chu kỳ phát triển sản phẩm

Năng lực Automation Test tiếp tục được phát huy, rút ngắn vòng đời phát triển và đưa các tính năng mới đến tay người dùng nhanh hơn, ổn định hơn và bám sát nhu cầu thực tế của nhà đầu tư hơn.

Khai thác lợi thế hệ sinh thái

VNDIRECT sẽ tiếp tục tăng cường khai thác mô hình cộng hưởng trong hệ sinh thái IPAG, tăng cường trải nghiệm khách hàng sâu hơn, đồng thời mở rộng chuỗi giá trị phục vụ hành trình IPA

Living một cách toàn diện và liền mạch.

3.7. Quản trị nguồn nhân lực

STT	Thành viên Ban điều hành/Ban Tổng Giám đốc	Ngày/tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Vũ Long – Tổng Giám đốc	27/11/1987	Thạc sĩ Tài chính	18/09/2023
2	Ông Điêu Ngọc Tuấn – Giám đốc quản trị	02/01/1978	Thạc sĩ Luật học	31/10/2022

Thông tin Ban điều hành

Ông NGUYỄN VŨ LONG	
Tổng Giám đốc	
Thời điểm được bổ nhiệm	18/9/2023
Ngày/tháng/năm sinh	27/11/1987
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	273 cổ phiếu tương ứng với 0,00002%
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ tài chính

Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.

Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT hơn 10 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn, Giám đốc Khối Thị trường vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.

Ông Long chính thức đảm nhận chức vụ Quyền Tổng giám đốc tại VNDIRECT từ ngày 22/11/2021 và được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 25/04/2022.

Ông Nguyễn Vũ Long chính thức được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc VNDIRECT từ ngày 18/09/2023.

Ông ĐIÊU NGỌC TUẤN	
Giám đốc quản trị	
Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2022
Ngày/tháng/năm sinh	02/01/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0 cổ phiếu
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Luật học
Ông Điêu Ngọc Tuấn là Thạc sĩ Luật học của Đại học Luật Hà Nội và Đại học Paris II. Ông có 25 năm công tác trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, quản trị doanh nghiệp, tài chính. Cho tới nay, ông Tuấn đã gắn bó và đồng hành với Công ty trong suốt 16 năm trên vai trò Giám đốc Pháp chế & Tuân thủ, Giám đốc quản trị Công ty. Với kinh nghiệm, kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về pháp luật, kiểm soát tuân thủ, quản trị doanh nghiệp, đầu tư, quản trị tài chính, quản trị nhân sự ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng vào sự trưởng thành và phát triển vững mạnh của VNDIRECT. Ông Điêu Ngọc Tuấn được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc quản trị Công ty từ ngày 31/10/2022.	

Chính sách nhân sự

VNDIRECT kiên định với chiến lược phát triển dựa trên hệ giá trị cốt lõi Con người – Công nghệ – Chuỗi giá trị, lấy con người làm trung tâm và đẩy mạnh ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để xây dựng tổ chức linh hoạt, bền vững.

Chuyển đổi phương thức làm việc với AI và tư duy Chủ nhiệm

- **Tích hợp Trợ lý số (Copilot)**

VNDIRECT hoàn tất phổ cập kỹ năng ứng dụng AI cho toàn hệ thống, xác định AI là "lực lượng lao động song hành" với con người. Nhờ đó, năng suất lao động được cải thiện, chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao.

- **Tư duy Chủ nhiệm (Ownership)**

Thông qua chương trình iLead Transformation – Chuyển đổi Tâm – Tầm – Trí, Công ty thúc đẩy chuyển dịch toàn bộ nhân sự từ "người thực thi" sang "người chủ nhiệm", khuyến khích:

- Tự quản trị hiệu suất;
- Chủ động khai thác công cụ số và AI;
- Sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới mang tính thách thức và sáng tạo.

Tinh thần Chủ nhiệm là nền tảng hình thành lực lượng VNDNEXT – đội ngũ có năng lực, trách nhiệm và tư duy làm chủ trong môi trường số.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế thừa

- **Phát triển con người trong kỷ nguyên số — Nền tảng cho VNDIRECT của tương lai**

Chuyển đổi số không bắt đầu từ công nghệ — mà bắt đầu từ con người làm chủ công nghệ đó. Đây là nguyên tắc mà VNDIRECT đặt làm trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực năm 2025.

Trong năm, Công ty tổ chức **gần 50 khóa đào tạo** về tư duy quản trị và chuyên môn nghiệp vụ, với **hơn 5.000 lượt cán bộ nhân viên** tham gia. Toàn bộ các khóa học được ghi hình và lưu trữ trên hệ thống quản trị tri thức nội bộ — cho phép CBNV học tập chủ động mọi lúc, mọi nơi, biến đào tạo từ sự kiện định kỳ thành thói quen học hỏi liên tục.

- **Bốn trụ cột phát triển — một chiến lược nhất quán**

Thay vì đào tạo theo từng phần rời rạc, VNDIRECT thiết kế hệ thống phát triển năng lực theo bốn trụ cột gắn kết chặt chẽ với nhau.

Thứ nhất, đội ngũ được đào tạo chuyên sâu về **AI và dữ liệu lớn** — không phải để biết về công nghệ, mà để ứng dụng trực tiếp vào việc phân tích và tư vấn giải pháp tài chính toàn diện, phù hợp với nhu cầu riêng của từng khách hàng.

Thứ hai, chương trình **đào tạo chuyên môn nghiệp vụ** được tích hợp với quá trình số hóa quy trình — bồi dưỡng kiến thức đầu tư và quản lý tài sản đồng thời với việc giảm nguồn lực vật lý, rút ngắn thời gian phản hồi và chuẩn hóa tuân thủ. Năng lực và quy trình được nâng cấp song song, không tách rời.

Thứ ba, VNDIRECT đặc biệt chú trọng **phát triển lãnh đạo chuyển đổi** — trang bị cho cấp quản lý năng lực số hóa trong điều hành, nâng cao kỹ năng dẫn dắt trong môi trường số và ứng dụng AI để tối ưu hiệu suất. Bởi trong kỷ nguyên mới, người lãnh đạo không chỉ cần quyết đoán — mà cần dẫn dắt bằng tầm nhìn sắc bén và tư duy quản trị dựa trên dữ liệu

Thứ tư, xuyên suốt toàn bộ hành trình đào tạo là tinh thần **tự chủ và tư duy "chủ nhiệm"** — được Ban Lãnh đạo trực tiếp lan tỏa và thực hành. Khi người dẫn đầu làm gương, văn hóa chủ động thấm sâu vào từng tầng tổ chức.

- **Con người — lợi thế cạnh tranh bền vững nhất**

Bốn trụ cột này không hoạt động độc lập. Chúng tạo thành một hệ thống: nhân viên giỏi chuyên môn và thành thạo công nghệ, được dẫn dắt bởi những lãnh đạo có tư duy dữ liệu, trong một văn hóa nơi mỗi người đều làm chủ công việc của mình.

Đó là nền tảng để VNDIRECT hiện thực hóa tham vọng trở thành **định chế tài chính – công nghệ hàng đầu** — không phải bằng hệ thống, mà bằng đội ngũ đủ **Tâm – Tầm – Trí** để vận hành và phát triển hệ thống đó.

Tầm nhìn nhân sự 2026

VNDIRECT định hướng xây dựng "Hệ sinh thái làm việc số thông minh", nơi trí tuệ con người và AI cộng hưởng, với ba trọng tâm:

- **Số hóa trải nghiệm nhân viên:**
  - Chuyển từ quản lý nhân sự theo quy trình sang quản trị trải nghiệm số cá nhân hóa;
  - Ứng dụng AI thiết kế lộ trình đào tạo, phát triển sự nghiệp riêng cho từng cá nhân.
- **Nâng tầm văn hóa "Tích hợp trí tuệ – Vượt mọi giới hạn":**
  - Tiếp tục lan tỏa tinh thần iLead Transformation;
  - Xây dựng đội ngũ linh hoạt, chủ động, mỗi nhân viên là một "đại sứ số" đưa AI vào các giải pháp tư vấn đầu tư và quản lý tài sản.
- **Phát triển đội ngũ kế cận:**
  - Tập trung vào nhân sự nòng cốt có năng lực, bản lĩnh, tinh thần làm chủ;
  - Duy trì chính sách thu nhập cạnh tranh gắn với mức độ đóng góp, củng cố lợi thế cạnh tranh dựa trên nguồn lực con người.
  - Kế thừa nền tảng năm 2025, Công ty tiếp tục phát huy sức mạnh đội ngũ đổi mới, khẳng định vị thế trong ngành và mang lại giá trị gia tăng bền vững cho cổ đông, khách hàng.

3.8. Thông tin cổ đông

3.8.1. Cổ phần

Theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày 26/02/2025, thông tin về cổ phiếu phổ thông của VNDIRECT như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành và đang niêm yết: 1.522.299.908 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.522.299.908 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại VNDIRECT: 100% (Theo thông báo số 7295/UBCK-QLKD ngày 08/11/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

3.8.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 05/11/2025

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**90.189**	**1.341.779.896**	**88,14**
1.1	Cá nhân	90.070	908.114.910	59,65
1.2	Tổ chức	119	433.664.986	28,49
2	**Cổ đông nước ngoài**	**854**	**180.520.012**	**11,86**
2.1	Cá nhân	775	11.380.520	0,75
2.2	Tổ chức	79	169.139.492	11,11
	Trong đó: Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% VĐL	**0**	**0**	**0**
3	**Cổ phiếu quỹ**[4]	**0**	**0**	**0**
	Tổng cộng	**91.043**	**1.522.299.908**	**100**

(Nguồn: Danh sách cổ đông của VNDIRECT do VSDC cung cấp tại ngày 05/11/2025)

Thống kê danh sách cổ đông lớn

Tính đến ngày 31/12/2025, danh sách cổ đông lớn của công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	393.318.477	25,84%
TỔNG CỘNG		**393.318.477**	**25,84%**

Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phần

Cổ phần	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ phần đang lưu hành	1.522.299.908	100%
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng *(theo quy định của pháp luật đối với cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024)*	0	00%
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.522.299.908	100%
Cổ phần quỹ	0	0%
TỔNG CỘNG	**1.522.299.908**	**100%**

[4] Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

3.8.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
	11/2006		50.000	50.000	Góp vốn thành lập công ty	UBCKNN
1	11/2007	50.000	300.000	250.000	Chào bán riêng lẻ, bao gồm: (i) Chào bán 2,5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cp; (ii) Chào bán cho cổ đông chiến lược, số lượng 22,5 triệu cổ phiếu với giá 12.222 đồng/cp.	UBCKNN
2	02/2010	300.000	450.000	150.000	Phát hành cổ phiếu, bao gồm: (i) Thưởng 5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; (ii) Chào bán 5 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6:1; (iii) Chào bán 1 triệu cổ phiếu cho CBCNV; (iv) Chào bán 4 triệu cổ phiếu theo hình thức riêng lẻ dưới 100 nhà đầu tư.	UBCKNN
3	08/2010	450.000	999.990	549.990	Phát hành và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm: (i) Phát hành 15.000.000 cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông và (ii) Chào bán 39.999.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN
4	12/2014	999.990	1.549.981,65	549.991,65	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện	UBCKNN

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
					hữu, bao gồm: (i) Chào bán 49.999.400 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và (ii) Phát hành 4.999.765 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	
5	04/2018	1.549.981,65	2.204.301,69	654.320,04	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, bao gồm: (i) Chào bán 50.332.587 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và (ii) Phát hành 15.099.417 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức.	UBCKNN
6	07/2021	2.204.301,69	4.349.446,87	2.145.145,18	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 214.514.518 cổ phiếu	UBCKNN
7	04/2022	4.349.446,87	12.178.440,09	7.828.993,22	(i) Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 434.944.588 cổ phiếu và (ii) Phát hành 347.954.734 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	UBCKNN
8	07/2024	12.178.440,09	15.222.999,08	3.044.558,99	(i) Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 243.566.632 cổ phiếu và (ii) phát hành 60.889.267 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức	UBCKNN

3.8.4 Các chứng khoán khác

Bảng tổng hợp các trái phiếu đã lưu hành trong năm 2025

TT	Mã trái phiếu	Mệnh giá phát hành *(đồng)*	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Hình thức phát hành	Các cam kết chưa thực hiện
1	VND32501	250.000.000.000	27/08/2025	27/08/2026	Phát hành riêng lẻ	0
2	VND125032	999.390.000.000	12/12/2025	12/12/2027	Phát hành ra công chúng	0
3	VND125033	999.015.000.000	12/12/2025	12/12/2028	Phát hành ra công chúng	0
	Tổng cộng	**2.248.405.000.000**				

Bảng tổng hợp các chứng quyền đã lưu hành và đáo hạn trong năm 2025

STT	Tên chứng quyền	Số lượng CW	Đặc điểm loại chứng quyền	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Các cam kết chưa thực hiện
1	CACB2513	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
2	CACB2514	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
3	CACB2515	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
4	CFPT2527	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
5	CFPT2528	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
6	CFPT2529	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
7	CHDB2507	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
8	CHDB2508	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
9	CHDB2509	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
10	CHPG2537	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
11	CHPG2538	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
12	CHPG2539	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0

13	CMBB2519	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
14	CMBB2520	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
15	CMBB2521	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
16	CMSN2521	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/06/2026	0
17	CMSN2522	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/12/2026	0
18	CMWG2523	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
19	CMWG2524	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
20	CMWG2525	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
21	CSTB2531	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
22	CSTB2532	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
23	CSTB2533	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
24	CTCB2519	10.000.000	Mua	08/10/2025	09/03/2026	0
25	CTCB2520	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/09/2026	0
26	CTCB2521	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/03/2027	0
27	CVIB2512	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/06/2026	0
28	CVIB2513	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/12/2026	0
29	CVNM2522	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/06/2026	0
30	CVNM2523	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/12/2026	0
31	CVPB2527	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/06/2026	0
32	CVPB2528	10.000.000	Mua	08/10/2025	08/12/2026	0

3.9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Văn hóa "Công sở xanh"

VNDIRECT kiến tạo môi trường làm việc bền vững, nơi mỗi CBNV đều chủ động thực thi trách nhiệm với thiên nhiên và hệ sinh thái chung.

- **Không gian xanh:** VNDIRECT chú trọng xây dựng lối sống bền vững và thân thiện với môi trường ngay tại công sở. Hệ thống cây xanh được bố trí phong phú tại các khu vực làm

việc và không gian chung, tạo môi trường tươi mát, giúp giảm căng thẳng và tăng cường chỉ số hạnh phúc cho cộng sự.

- **Chiến dịch "Văn phòng không giấy":** VNDIRECT đẩy mạnh việc số hóa quy trình phê duyệt nội bộ và lưu trữ dữ liệu trên nền tảng số. Việc thay thế văn bản giấy bằng các công cụ ký số và quản trị trực tuyến không chỉ giúp tối ưu hóa tốc độ vận hành, tăng cường tính bảo mật thông tin mà còn giảm thiểu đáng kể lượng rác thải giấy, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.
- **Loại bỏ rác thải nhựa:** Hướng tới mục tiêu văn phòng không rác thải nhựa, Các loại cốc, chai hay rác thải nhựa được loại bỏ hoàn toàn và thay thế bởi đồ thủy tinh hay các loại vật liệu thân thiện với môi trường, vừa đảm bảo tính thẩm mỹ, sang trọng, vừa thể hiện cam kết mạnh mẽ của CBNV trong việc giảm thiểu túi nilon và nhựa khó phân hủy.
- **Ý thức Tiết kiệm Năng lượng và chuyển đổi xanh:** Triển khai hệ thống điện mặt trời tại các văn phòng của công ty, qua đó tăng lượng tiêu thụ năng lượng sạch. Cùng với đó, công ty áp dụng các quy định về sử dụng thiết bị điện hợp lý, tận dụng ánh sáng tự nhiên và thiết lập thói quen tắt thiết bị khi không sử dụng. Tại các khu vực dùng nước, Công ty thực hiện truyền thông và dán biển báo nhắc nhở để nâng cao ý thức tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn tài nguyên chung.

3.9.1. Tiêu thụ nước

VNDIRECT thiết kế bảng nhỏ được lắp đặt tại nhiều vị trí với các nội dung nhắc nhở cán bộ nhân viên (CBNV) sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm điện. Chất tẩy rửa (dung dịch rửa tay, chén bát…) tại khu vực văn phòng được sử dụng sản phẩm bio sản xuất từ thảo mộc tự nhiên nhằm hạn chế tối đa hóa chất xả thải ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước. CBNV hạn chế tối đa việc sử dụng chai nhựa, thay vào đó, nhân viên chủ động mang bình đựng nước cá nhân để sử dụng tại các sự kiện nội bộ như giải chạy trong tập đoàn cũng như hoạt động thể thao xã hội để tránh xả rác thải nhựa ra môi trường.

3.9.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:

Không có

3.9.3. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tính đến 31/12/2025, VNDIRECT có 967 cán bộ nhân viên, tiếp tục thực hiện lộ trình tinh gọn bộ máy, tối ưu hiệu suất từng vị trí; trong đó 48% là lao động nam, 52% lao động nữ, thể hiện môi trường làm việc đa dạng, tôn trọng khác biệt.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chính sách phúc lợi

VNDIRECT thực hiện cơ chế đãi ngộ dựa trên kết quả đầu ra và sự đóng góp vào chuỗi giá trị chung, đảm bảo quyền lợi của người lao động gắn liền với sự thịnh vượng của doanh nghiệp:

- **Thu nhập bình quân:** Mức thu nhập bình quân năm 2025 ghi nhận đạt 41.000.000 VNĐ/tháng/nhân sự. Chỉ số này phản ánh tương quan giữa việc tinh gọn bộ máy và nỗ lực tối ưu hóa quy trình nghiệp vụ, đảm bảo chính sách đãi ngộ tương xứng với hiệu suất thực thi và giá trị đóng góp của mỗi cá nhân trong tổ chức.
- **Chính sách phúc lợi:** Các chương trình phúc lợi được duy trì hướng đến chăm sóc toàn diện cho CBNV:

  - Chăm sóc sức khỏe: Chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm và gói bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe toàn diện 24/7 giúp bảo vệ tối đa người lao động.

  - Gắn kết và thấu hiểu: Công ty đã thiết kế các chính sách chăm lo đời sống CBNV, tạo dựng môi trường làm việc nhân văn như Chương trình sinh nhật Công ty, chương trình tặng quà dịp Lễ tết, quà tặng sinh nhật, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ.

Gắn kết qua giá trị cốt lõi và văn hóa cộng sự

Sự gắn kết được xây dựng trên nền tảng thấu hiểu và tôn trọng sự khác biệt của mỗi cá nhân trong một hệ sinh thái cộng tác.

Thông qua các hoạt động Teambuilding và Ngày hội Gia đình (Family Day), Công ty thúc đẩy môi trường giao tiếp cởi mở, tăng cường sự gắn kết và tinh thần đồng hành trong đội ngũ.

Mỗi cá nhân khi tham gia vào các sự kiện văn hóa nội bộ đều ý thức rõ vai trò "Chủ nhiệm" của mình, cùng lan tỏa các giá trị chính trực và kỷ luật để xây dựng một tập thể đồng lòng trên hành trình phụng sự khách hàng và cộng đồng.

Chăm sóc Sức khỏe và Tái tạo năng lượng

VNDIRECT đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình chăm sóc toàn diện cả về Thân - Tâm – Trí, giúp đội ngũ nhân sự luôn sẵn sàng năng lượng, đảm bảo hiệu suất làm việc bền vững và khả năng

thích nghi linh hoạt trong môi trường đầy thách thức.

- **Bảo vệ thể chất:** Chế độ Kiểm tra sức khỏe định kỳ luôn được đặt ưu tiên hàng đầu. Cùng với các phong trào rèn luyện thân thể được đẩy mạnh qua các giải chạy nội bộ và các câu lạc bộ thể thao (bóng đá, cầu lông, yoga, pickleball,...) tạo nên một cộng đồng nhân sự năng động và bản lĩnh.
- **Nuôi dưỡng tâm trí:** Lối sống cân bằng, giảm thiểu áp lực thông qua các không gian thư giãn và hoạt động chia sẻ tinh thần luôn được chú trọng. Việc tái tạo năng lượng là chìa khóa để duy trì hiệu suất đỉnh cao, giúp đội ngũ sẵn sàng ứng phó với những thách thức của thị trường tài chính số

CÁC HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NĂM 2025

STT	HẠNG MỤC	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	THỜI GIAN DIỄN RA	QUY MÔ CBNV THAM GIA
1	HOẠT ĐỘNG THỂ THAO GẮN KẾT	Giải bóng đá VNDIRECT Leauge 2025 Khu vực miền Bắc	Từ 02/11/2025 đến 16/11/2025	100 cầu thủ chia làm 8 đội bóng cùng hàng trăm cổ động viên cổ vũ
2		Giải bóng đá VNDIRECT League 2025 Khu vực miền Nam	Từ ngày 13/12/2025 đến 21/12/2025	50 Cầu thủ chia làm 5 đội bóng cùng hàng trăm cổ động viên cổ vũ
3		Giải chạy/đi bộ online VNDIRECT MARATHON 2025	24/10/2025 - 25/11/2025	Gần 400 cán bộ nhân viên trên hệ thống
4		Giải chạy/đi bộ VNDIRECT MARATHON tại Công viên Thống Nhất	29/11/2025	Gần 400 cán bộ nhân viên tại Hà Nội và các tỉnh thành lân cận
5		Giải Pickleball VNDIRECT Open 2025 Khu vực miền Bắc	15/11/2025	Hơn 100 cán bộ nhân viên tranh tài
6		Giải Pickleball VNDIRECT Open 2025 Khu vực miền Nam	14/12/2025	Hơn 50 cán bộ nhân viên tranh tài
7		Giải chạy SSC Run mùa 2 của Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức	19/04/2025	Gần 100 CBNV tham gia Là Nhà tài trợ Vàng

				Đạt giải Đội chạy có đông thành viên tham gia nhất.
8		GIẢI PICKLEBALL NGÀNH CHỨNG KHOÁN KỶ NIỆM 25 NĂM THÀNH LẬP HOSE	30/06/2025	15 CBNV tham dự tranh tài Đạt giải nhì đôi nam nữ chung cuộc
9		Giải thể thao giao hữu mở rộng của Sở GDCK Hà Nội 2025	14/03/2025	2 cặp CBNV tham dự tranh tài Đạt giải nhì đôi nam nữ chung cuộc
10	**SỰ KIỆN LỄ HỘI**	Chương trình Khai Xuân Ất Tỵ 2025	2/3/2025	Hơn 1000 CBNV trên toàn quốc
11		Cuộc thi "Tự tin - Tỏa sáng" dành cho CBNV Nữ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	19/02/2025 - 09/03/2025	Hơn 30 bài dự thi
12		Chương trình "Tự tin - Tỏa sáng" Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	3/7/2025	Thu hút tổng hơn 500 CBNV Nữ tham gia trên toàn quốc
13		Chiếu phim nhân dịp Lễ 30/4 và chúc mừng sinh nhật CBNV các Quý	Định kỳ mỗi quý 1 lần	Thu hút hơn 300 CBNV/ lần chiếu
14		Trung Thu Yêu Thương 2025	10/4/2025	Hơn 200 con em CBNV trên toàn quốc tham dự các chương trình Trung Thu
15		Chương trình nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	20/10/2025	Tổ chức tại các đơn vị/chi nhánh toàn quốc

Tôn trọng sự bình đẳng và đa dạng

Tại VNDIRECT, con người được xem là yếu tố cốt lõi trong quá trình hiện thực hóa Tầm nhìn và Sứ mệnh. Công ty ghi nhận và trân trọng những đóng góp của toàn thể CBNV, coi đó là nền tảng cho sự phát triển bền vững của tổ chức. VNDIRECT tạo điều kiện để mỗi nhân sự được phát triển thông qua việc liên tục mở rộng phạm vi công việc và trách nhiệm (SOA). Mỗi cá nhân đều được tin tưởng, trao quyền làm chủ công việc của mình, đồng thời chủ động phối hợp với các nguồn lực

liên quan để hoàn thành mục tiêu chung. Bên cạnh đó, nhân sự còn có cơ hội trải nghiệm nhiều vai trò khác nhau, qua đó tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực. Môi trường này giúp CBNV phát huy tiềm năng, xây dựng lộ trình phát triển rõ ràng và tạo cơ hội để đội ngũ nhân sự trẻ thể hiện bản thân, thích nghi và phát triển bền vững và toàn diện.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

Chỉ số	Số lượng	Đơn vị
Khóa đào tạo	32	Khóa
Lượt tham gia	4.610	Lượt
Người học	1.051	Người
Số giờ đào tạo	83,5	Giờ

Công tác đào tạo được xác định là hoạt động đầu tư dài hạn vào năng lực cốt lõi của tổ chức:

- **Hệ sinh thái Sản phẩm & Dịch vụ số:** Tập trung nâng cao năng lực tư vấn giải pháp tài chính toàn diện, chuyển dịch từ giới thiệu tính năng sang cá nhân hóa trải nghiệm. Đội ngũ được trang bị kỹ năng khai thác AI và dữ liệu thực tế để thiết kế danh mục đầu tư tối ưu, đảm bảo tính minh bạch và chuyên nghiệp cho khách hàng.
- **Đào tạo Chuyên môn nghiệp vụ:** Tổ chức 14 khóa học nâng cao năng lực chuyên môn với gần 900 học viên để bồi dưỡng kiến thức trọng yếu trong lĩnh vực Chứng khoán và Quản lý tài sản, kết hợp lộ trình số hóa quy trình nghiệp vụ. Hoạt động đào tạo hướng tới mục tiêu giảm thiểu nguồn lực vật lý, tối ưu hiệu suất hệ thống nhằm rút ngắn thời gian phản hồi và chuẩn hóa tính tuân thủ trong mọi tác vụ.
- **Phát triển Lãnh đạo chuyển đổi:** Tập trung bồi dưỡng năng lực quản trị hệ thống và điều hành dựa trên dữ liệu (Data-driven Management). Các cấp quản lý được trang bị kỹ năng dẫn dắt đội ngũ trong môi trường số hóa, ứng dụng AI để khơi thông năng lực thực thi và tối đa hóa hiệu suất của mỗi cá nhân.
- **Nền nếp trong doanh nghiệp & Đội ngũ kế thừa**: Với sự đồng hành trực tiếp từ Ban Lãnh đạo, tinh thần tự chủ và tư duy "Chủ nhiệm" được lan tỏa mạnh mẽ. Đây là hành trình bồi đắp đội ngũ kế thừa hội tụ đủ Thân – Tâm – Trí, vững vàng về đạo đức nghề nghiệp để đưa VNDIRECT tiến xa trên lộ trình định chế tài chính công nghệ dẫn đầu.

3.9.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

VNDIRECT luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng góp không ngừng tăng trưởng qua các năm, qua đó khẳng định vai trò tích cực của VNDIRECT trong việc đóng góp vào sự phát triển kinh tế quốc gia, đồng thời thể hiện cam

kết mạnh mẽ của công ty đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ và phát triển bền vững.

Tại VNDIRECT, trách nhiệm xã hội không chỉ là hoạt động từ thiện đơn thuần, mà là sứ mệnh đồng hành cùng cộng đồng xây dựng nền tảng tri thức và nếp sống bền vững.

Lan tỏa Nếp sống "An khang – An phú – An toàn"

Với sứ mệnh đồng hành cùng cộng đồng xây dựng nền tảng tri thức và giá trị sống bền vững, VNDIRECT chú trọng phổ cập tư duy tài chính đúng đắn và lối sống tích cực - lan tỏa hệ sinh thái nếp sống toàn diện:

- **"An khang" cùng Anvie:** Hướng tới sự an lành và bền vững với môi trường
- **"An phú" cùng VNDGO:** Giúp mỗi cá nhân tự chủ, vững vàng tài chính trên hành trình đầu tư
- **"An toàn" cùng PTI Care:** Bảo vệ sức khỏe, tài sản, tạo dựng điểm tựa an tâm cho mỗi gia đình Việt. Những nỗ lực này không chỉ giải quyết các nhu cầu hiện tại mà còn hướng tới một xã hội minh bạch, khỏe mạnh và thịnh vượng lâu dài.

Hành trình thiện nguyện nhân văn

Trong năm 2025, tập thể cộng sự VNDIRECT đã tích cực dấn thân vào các dự án cộng đồng mang tính thực tiễn cao.

- **Gieo mầm tri thức:** Công ty triển khai các hoạt động tặng máy tính cho trẻ em vùng cao, giúp các em tiếp cận với công nghệ và mở ra cơ hội học tập hiện đại.
- **Đồng hành cùng đồng bào:** Trước những khó khăn của thiên tai, lũ lụt, tinh thần tương thân tương ái được lan tỏa mạnh mẽ khi cán bộ nhân viên tự nguyện trích một ngày lương để ủng hộ bà con vùng lũ. Song song đó, Công ty trực tiếp tổ chức các đoàn thiện nguyện lên đường hỗ trợ kịp thời, kết hợp cùng nguồn chi phí đóng góp từ ngân sách doanh nghiệp để giúp đồng bào sớm ổn định cuộc sống.
- **Lan tỏa giá trị sống:** Mỗi chuyến đi không chỉ là sự hỗ trợ về vật chất mà còn là hành trình lan tỏa tinh thần Thân – Tâm – Trí, thể hiện lòng biết ơn và ý thức trách nhiệm sâu sắc của từng CBNV đối với sự phát triển chung của đất nước.

Cam kết phát triển bền vững

VNDIRECT ưu tiên các hoạt động có tác động tích cực và lâu dài đến xã hội. Mỗi chương trình CSR được thiết kế để không chỉ giải quyết khó khăn tức thời mà còn tạo ra những giá trị hữu hình, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

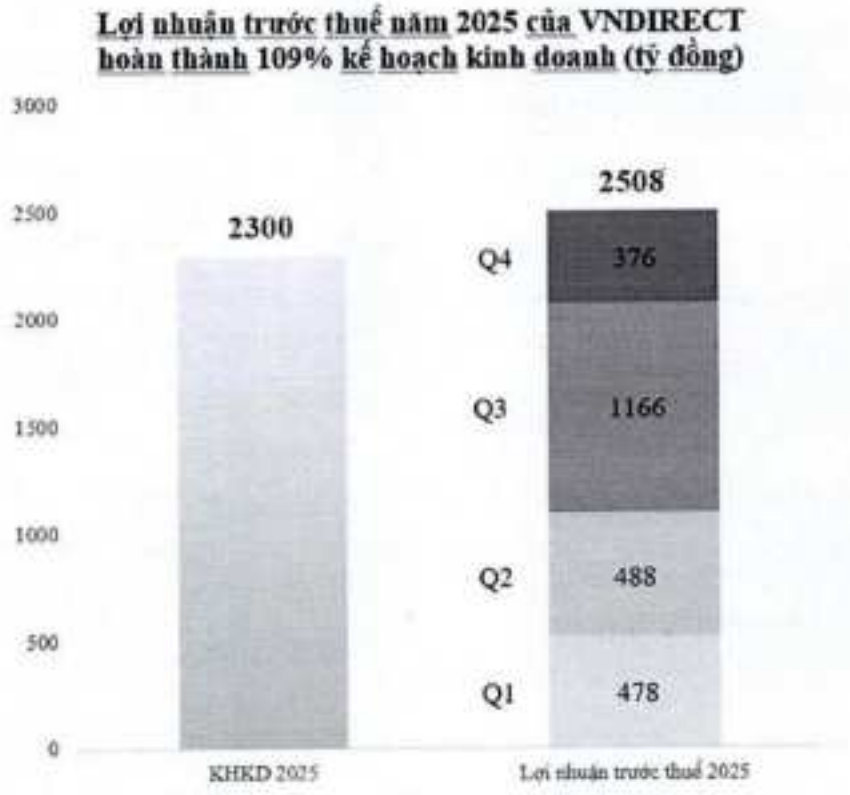
3.9.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

VNDIRECT đã chủ động thúc đẩy các hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh, bám sát định hướng của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Công ty tiếp tục đồng hành cùng khách hàng, từng bước khẳng định vai trò trong lĩnh vực tư vấn các sản phẩm trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững (GSS). Những nỗ lực này không chỉ giúp VNDIRECT bắt nhịp với xu hướng tài chính bền vững đang ngày càng lan rộng trên toàn cầu, mà còn góp phần mở rộng và đa dạng hóa các giải pháp huy động vốn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực tài chính theo hướng bền vững và dài hạn.

IV. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

4.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 với lợi nhuận trước thuế đạt 2.508 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước và hoàn thành 109% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông đạt 2.022 tỷ đồng, tăng 18%, phản ánh hiệu quả vận hành ổn định trong bối cảnh thị trường cạnh tranh cao.



4.2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản: Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của VNDIRECT đạt 51.629 tỷ đồng, tăng 17% so với cuối năm 2024, phản ánh đà tăng trưởng ổn định của Công ty. Cơ cấu tài sản tiếp tục được điều chỉnh theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng áp đảo ở mức 98% tổng tài sản. Các khoản cho vay tăng 38% lên 14.319 tỷ đồng, trở thành kênh tài sản có lợi suất cao nhất trong cơ cấu, trong khi chất lượng dư nợ cho vay được kiểm soát chặt chẽ. Danh mục HTM tăng 54% lên 8.558 tỷ đồng, góp phần tạo nguồn thu ổn định và giảm thiểu rủi ro biến động thị trường. Danh mục FVTPL được điều chỉnh giảm 8% xuống 22.537 tỷ đồng nhằm cân đối giữa mục tiêu sinh lời và kiểm soát rủi ro. Tài sản dài hạn được duy trì ở mức thấp, chủ yếu là các khoản đầu tư mang tính chiến lược.

Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 đạt 30.726 tỷ đồng, tăng 25% so với cuối năm 2024, chủ yếu phản ánh nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Vay ngắn hạn

tại các ngân hàng lớn tiếp tục là nguồn vốn chủ đạo, chiếm 51% tổng nguồn vốn, đảm bảo tính linh hoạt trong vận hành và tối ưu chi phí tài chính. Trong năm 2025, Công ty thực hiện đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn thông qua 02 đợt phát hành trái phiếu với tổng quy mô 2.248 tỷ đồng và tỷ lệ hấp thụ trên 99%, nâng tỷ trọng trái phiếu từ 1% lên 4% trong cơ cấu nguồn vốn, qua đó nâng cao tính chủ động trong huy động vốn trung – dài hạn. Vốn chủ sở hữu đạt 20.903 tỷ đồng, duy trì nền tảng tài chính vững chắc. Trong kỳ, Công ty không phát sinh nợ phải trả quá hạn trọng yếu, không có rủi ro đáng kể từ biến động tỷ giá do cơ cấu tài sản và nguồn vốn chủ yếu được định danh bằng đồng Việt Nam.

4.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Tích hợp Trợ lý số (Copilot)

VNDIRECT hoàn tất phổ cập kỹ năng ứng dụng AI cho toàn hệ thống, xác định AI là "lực lượng lao động song hành" với con người. Nhờ đó, năng suất lao động được cải thiện, chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao.

Tư duy Chủ nhiệm (Ownership)

Thông qua chương trình iLead Transformation – Chuyển đổi Tâm – Tầm – Trí, Công ty thúc đẩy chuyển dịch toàn bộ nhân sự từ "người thực thi" sang "người chủ nhiệm", khuyến khích:

- Tự quản trị hiệu suất;
- Chủ động khai thác công cụ số và AI;
- Sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới mang tính thách thức và sáng tạo.

Tinh thần Chủ nhiệm là nền tảng hình thành lực lượng VNDNEXT – đội ngũ có năng lực, trách nhiệm và tư duy làm chủ trong môi trường số.

4.4. Nhận định thị trường – điều kiện kinh doanh 2026

VĨ MÔ VIỆT NAM: NỘI LỰC DẪN DẮT TRONG BỐI CẢNH RỦI RO GIA TĂNG

Năm 2026 đánh dấu năm đầu tiên của Kế hoạch phát triển Kinh tế – Xã hội 5 năm (2026–2030), đồng thời là chu kỳ chính sách tham vọng nhất trong lịch sử của Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 10%, thể hiện quyết tâm rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và tiến gần hơn đến nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao trong thập kỷ tới. VNDIRECT tin rằng năm 2026 sẽ mở ra một chương mới đầy kỳ vọng cho Việt Nam, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn tăng trưởng bền vững, được dẫn dắt bởi những cải cách thể chế sâu rộng và sự dịch chuyển chiến lược của dòng vốn toàn cầu.

Bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2026 mang đến cả cơ hội và thách thức cho Việt Nam:

- Tăng trưởng kinh tế thế giới được dự báo giảm tốc dưới tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, song chúng tôi cho rằng giai đoạn bất ổn nhất đã qua, khi Mỹ tiến tới đàm phán và thỏa thuận, mở ra lợi thế cho Việt Nam trong chuỗi cung ứng mới.
- Lạm phát toàn cầu hạ nhiệt nhờ giá năng lượng ổn định, tạo môi trường cho chính sách tiền tệ nới lỏng, dù tốc độ cắt giảm lãi suất sẽ phân hóa, ngoại trừ Nhật Bản.
- Tuy nhiên, rủi ro địa chính trị và thương mại vẫn hiện hữu, tiếp tục gây áp lực lên chuỗi cung ứng và triển vọng tăng trưởng toàn cầu.

Các động lực truyền thống như xuất khẩu, tiêu dùng và đầu tư tiếp tục đóng vai trò quan trọng, nhưng tăng trưởng năm 2026 sẽ được củng cố bởi những yếu tố nền tảng mới mang tính thay đổi cấu trúc kinh tế Việt Nam:

- Cải cách thể chế sẽ mở khóa tiềm năng mới, tạo nền tảng cho khu vực tư nhân vươn lên dẫn dắt nền kinh tế.
- Đầu tư công và phát triển hạ tầng sẽ định hình xương sống cho logistics và công nghiệp trong thập kỷ tới.
- Tiêu dùng được hỗ trợ bởi thu nhập khả dụng cải thiện và chính sách thuế linh hoạt hơn.
- Dòng vốn FDI công nghệ cao dịch chuyển mạnh mẽ, cùng với việc mở cửa dần thị trường vốn và hình thành trung tâm tài chính quốc tế, tạo nền tảng để Việt Nam tiến gần hơn vị thế trung tâm sản xuất và tài chính khu vực.
- Chính sách tiền tệ toàn cầu được kỳ vọng tiếp tục nới lỏng, tạo dư địa cho chính sách trong nước thúc đẩy tín dụng vào sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng.

Tuy nhiên thách thức vẫn hiện hữu, đặc biệt từ thị trường bất động sản khi nguồn cung tăng nhanh trong bối cảnh lãi suất nhích lên và tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ. Tăng trưởng tín dụng cao tiếp tục gây áp lực lên thanh khoản, đòi hỏi sự điều hành nhịp nhàng và đồng bộ của chính sách tiền tệ-tài khóa để không gây nên hiệu ứng ngược với lãi suất và tỷ giá.

Dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 đạt 8,8% trong kịch bản cơ sở

Tăng trưởng trong năm 2026 sẽ phụ thuộc vào động lực đầu tư. VNDIRECT dự báo tăng trưởng GDP theo kịch bản cơ sở đạt 8,8%, với động lực chủ yếu đến từ 1) chính sách tài khóa mở rộng, 2) khả năng kích hoạt lan tỏa đầu tư tư nhân thông qua các cải cách thể chế, 3) giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dự kiến duy trì mức tăng ổn định, (4) tiêu dùng nội địa được kỳ vọng cải thiện nhờ tăng trưởng kinh tế tích cực và sự thay đổi của chính sách thuế khóa, tiền lương trong cả khu

vực nhà nước và ngoài nhà nước. Tuy nhiên hoạt động xuất nhập khẩu nhiều khả năng giảm tốc do tác động của thuế quan.

Nhìn chung, Việt Nam vẫn sẽ nằm trong nhóm những quốc gia tăng trưởng hàng đầu trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trong năm 2026.

Hình 18: Các dự báo vĩ mô chính cho năm 2026-2027

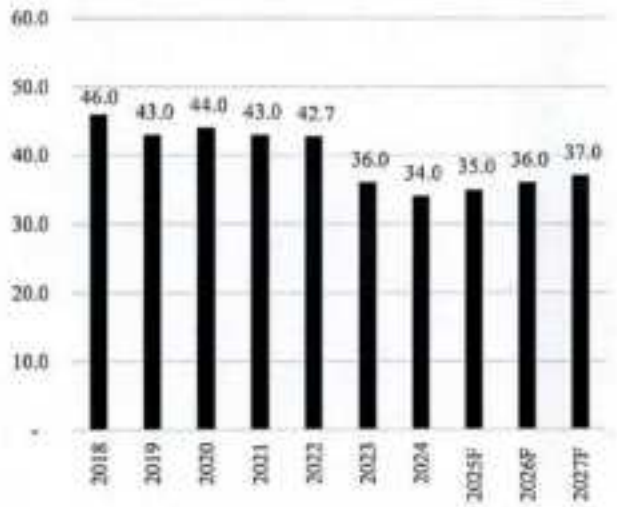
Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
GDP danh nghĩa	tỷ USD	310	334	347	366	413	434	476	514	562	613
Tăng trưởng GDP thực	% YoY	7,5	7,4	2,9	2,6	8,5	5,1	7,1	7,9	8,8	9,0
GDP bình quân đầu người	USD	3.222	3.441	3.534	3.704	4.148	4.323	4.717	5.026	5.504	5.966
Tăng trưởng XK	% YoY	13,3	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	17,0	11,0	12,0
Tăng trưởng NK	% YoY	11,8	6,9	3,7	26,7	8	-8,2	16,7	19,4	11,5	12,0
Cán cân thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	3,3	12,3	28,4	24,9	20,1	20,0	22,4
FDI thực hiện	tỷ USD	19,1	20,4	20	19,7	22,4	23,2	25,4	27,6	29,8	32,2
Tài khoản vãng lai	tỷ USD	5,8	12,2	15,1	-7,2	-1,1	25,8	28	20,6	22,5	24,5
Tài khoản vãng lai/GDP	% GDP	1,9	3,6	4,3	-2	-0,3	6	5,9	4,0	4,0	4,0
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	55	78	95	109	88	93	84	84,0	82,0	87,0
Dự trữ ngoại hối/GDP	% GDP	17,8	23,3	27,4	29,8	21,2	21,5	17,7	16,3	14,6	14,2
Dự trữ theo tháng NK	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	2,9	3,4	2,6	2,0	1,8	1,7
CPI (Bình quân)	% YoY	3,5	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	3,8	4,0
Tăng trưởng tín dụng (trái,%)	% YoY	13,9	13,6	12,2	13,6	14,2	13,8	15,1	19,0	19,0	18,0
Dư nợ tín dụng/GDP (phải, %)	% GDP	103	106	114	123	124	132	136	149	163	176
Tăng trưởng M2	% YoY	12,4	14,8	14,7	10,7	6,2	12,5	12,3	16,0	16,0	15,0
Lãi suất tái cấp vốn	%	6,25	6	4	4	4	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5
LS tiền gửi 12 tháng bình quân	%	6,9	7	5,6	5,6	5,6	4,9	4,9	5,2	5,7	5,7
Lợi suất TPCP 10 năm	%	5,1	3,4	2,4	2,1	2,1	2,2	3,0	4,0	4,5	4,5
Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng	VND/USD	23.175	23.173	23.098	22.826	22.826	24.267	25.485	26.298	26.955	27.495
Nợ công	% GDP	46,0	43,0	44,0	43,0	42,7	36,0	34,0	36 - 37	37,0	38,0

Nguồn: CTK, NHNN, BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Chính sách tài khoá mở rộng tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng quan trọng

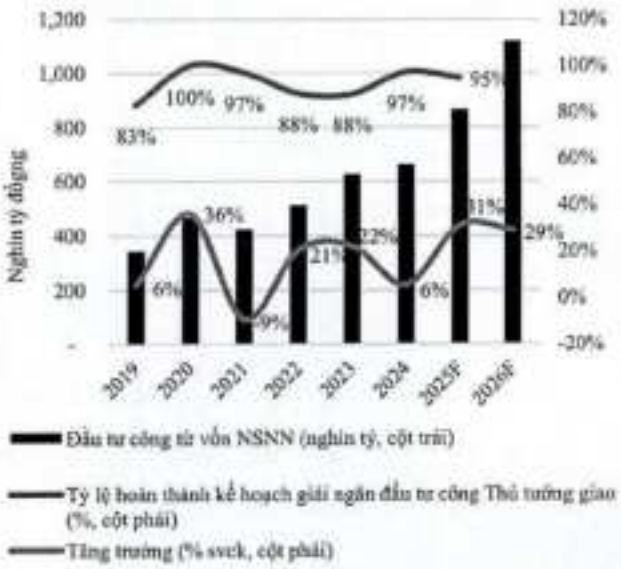
Bước vào năm 2026 với dư địa tài khóa dồi dào, Việt Nam có nhiều cơ hội để mở rộng đầu tư công và thúc đẩy tăng trưởng. Chi đầu tư phát triển từ ngân sách năm 2026 dự kiến tăng ~29% so với ước thực hiện 2025, tập trung vào các dự án trọng điểm quy mô lớn. Việc Quốc hội cho phép Chính phủ được sửa đổi các luật và nghị quyết liên quan mang lại sự linh hoạt và chủ động trong thực thi chính sách, hướng đến các cơ chế thu hút vốn tư nhân vào hạ tầng chiến lược nhằm tăng tốc độ và hiệu quả đầu tư công. Giải ngân nhanh và đúng mục đích nguồn vốn đầu tư công – đặc biệt trong hạ tầng, năng lượng và logistics sẽ là yếu tố then chốt giúp duy trì tốc độ tăng trưởng cao và bền vững.

Hình 19: Việt Nam vẫn còn dư địa đáng kể để kích thích tài khóa



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Hình 20: Chúng tôi kỳ vọng giải ngân đầu tư công tăng trưởng 23% svck trong năm 2026



Nguồn: CTK, VNDIRECT RESEARCH

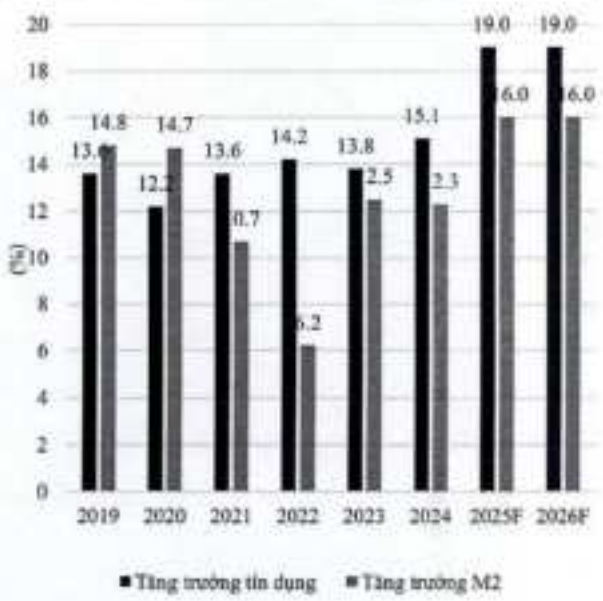
Dư địa chính sách tiền tệ hạn chế hơn

Theo thông cáo về quản lý tăng trưởng tín dụng năm 2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đưa mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 ở mức 15%. Dựa trên dư nợ tín dụng toàn hệ thống, tín dụng tăng thêm trong năm 2026 ước đạt ~2.790 nghìn tỷ đồng (106 tỷ USD), thấp hơn ~183 nghìn tỷ đồng (7 tỷ USD) so với năm 2025 (+19,01% svck). Nhìn chung, định hướng tín dụng năm 2026 vẫn linh hoạt, phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô và phối hợp với chính sách tài khóa. NHNN nhấn mạnh ưu tiên tín dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các ngành ưu tiên và động lực tăng trưởng bền vững.

Ở góc độ vĩ mô, mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 của NHNN cho thấy chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, dù dư địa nới lỏng không còn rộng như năm 2025. Do đó, tăng trưởng kinh tế sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào hiệu quả phân bổ vốn và hỗ trợ từ chính sách tài khóa. Môi trường tín dụng năm 2026 được kỳ vọng sẽ thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững, dòng tiền ổn định và hoạt động trong các ngành ưu tiên.

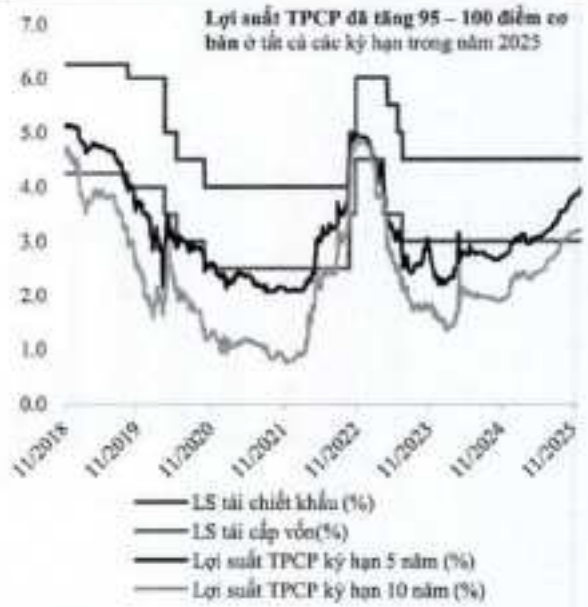
Về xu hướng lãi suất, do áp lực thanh khoản lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trung bình tại các ngân hàng đã tăng khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2025. VNDIRECT dự báo lãi suất huy động bình quân có thể tăng thêm khoảng 50 – 100 điểm cơ bản do tác động từ chính sách tài khóa và nhu cầu tín dụng lớn phục vụ tăng trưởng kinh tế gây áp lực thanh khoản lên hệ thống ngân hàng.

Hình 21: Chúng tôi kỳ vọng NHNN duy trì lãi suất điều hành ổn định, qua đó hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trong năm 2026



Nguồn: NHNN, VNDIRECT RESEARCH

Hình 22: Tín dụng và đầu tư công tăng mạnh, gây áp lực lên mặt bằng lợi suất TPCP và lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: BỘ TÀI CHÍNH, VNDIRECT RESEARCH

Áp lực lạm phát gia tăng nhưng trong vùng kiểm soát

VNDIRECT dự báo lạm phát trung bình 2026 tăng 3,8% (cao hơn mức 3,3% của 2025), duy trì dưới mức mục tiêu 4,5% của Chính phủ. Các yếu tố chính gây áp lực tăng lên lạm phát trong 2026 đến từ: 1) giá điện có thể được điều chỉnh tăng 5% trước áp lực bù lỗ của EVN, 2) đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh gây áp lực lên giá nguyên vật liệu xây dựng, và 3) nhu cầu tiêu dùng trong nước cải thiện—được thúc đẩy bởi các gói kích thích tài khóa qnihuy mô lớn—có thể làm gia tăng áp lực lạm phát.

Tuy nhiên, VNDIRECT kỳ vọng lạm phát trung bình vẫn sẽ được kiểm soát dưới mục tiêu của Chính phủ nhờ các yếu tố: 1) giá dầu thô trung bình 2026 dự báo ở mức 62 USD/thùng (giảm 8% svck), 2) chỉ số giá thực phẩm và chỉ số giá sản xuất Trung Quốc tiếp tục giảm là điểm đáng lưu ý do Trung Quốc hiện là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, và 3) các chính sách miễn, giảm học phí.

Tỷ giá USD/VND ổn định hơn khi Fed hạ lãi suất và nguồn cung ngoại tệ được cải thiện

VNDIRECT kỳ vọng áp lực tỷ giá trong năm 2026 sẽ hạ nhiệt nhờ các yếu tố: 1) tác động tâm lý từ sự suy giảm sức mạnh của USD, tức sự chênh lệch lãi suất gia tăng khi Fed kỳ vọng cắt giảm lãi suất, 2) dòng vốn nước ngoài tăng thêm từ các dự án Trung tâm Tài chính Quốc tế (IFC) ở Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, 3) kế hoạch nâng hạng thị trường chứng khoán, và 4) nguồn thu ngoại tệ tương đối ổn định từ thặng dư thương mại (dựa trên kỳ vọng tăng trưởng xuất nhập khẩu và

giải ngân FDI), và 5) nhu cầu vay offshore để mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa. Do đó, công ty dự báo tỷ giá biến động tăng khoảng 2,5% đạt mức 27.000 USD/VND vào cuối năm 2026, thấp hơn mức tăng 3,1% vào năm 2025.

Tuy nhiên, VNDIRECT lưu ý một số rủi ro liên quan đến bất ổn địa chính trị có thể khiến dòng vốn chạy ra khỏi thị trường mới nổi tiếp diễn, và chuyển sang các tài sản trú ẩn. Trong khi đó, các hợp đồng bán USD kỳ hạn 180 ngày dự kiến đáo hạn từ tháng 2 đến tháng 4/2026 với giá thực hiện 26.660 sẽ khiến dự trữ ngoại hối xuống khoảng 80 tỷ USD, tương đương dưới 2 tháng nhập khẩu. Điều này nhiều khả năng sẽ hạn chế các hành động can thiệp tỷ giá của NHNN trong tương lai.

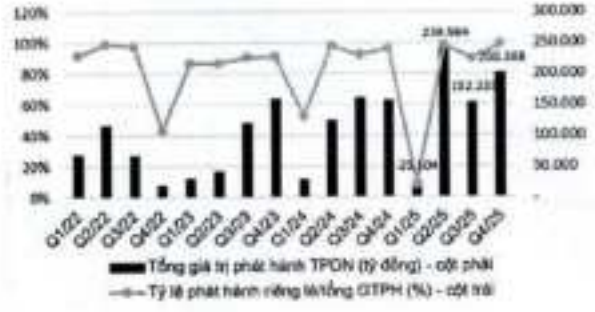
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG 2026

Trái phiếu doanh nghiệp: Thị trường duy trì phục hồi nhưng vẫn còn thách thức phía trước

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp tiếp tục phục hồi nhưng vẫn còn đó những khó khăn

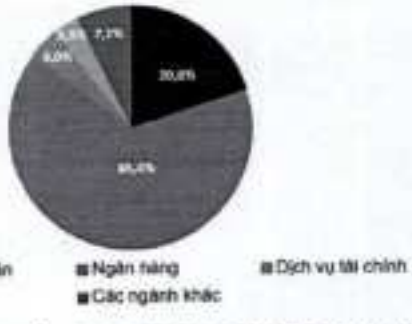
Hoạt động phát hành TPDN tiếp tục chứng kiến sự phục hồi trong năm 2025 nhờ sự gia tăng phát hành của nhóm Ngân hàng. Năm 2025 tổng giá trị phát hành TPDN đạt hơn 617 nghìn tỷ đồng, tăng 31,7% svck, trong đó tổng giá trị TPDN phát hành riêng lẻ đạt hơn 571 nghìn tỷ đồng, tăng 31,8% svck, tổng giá trị TPDN phát hành công chúng đạt 45,9 nghìn tỷ đồng, tăng 31,6% svck

Hình 23: Giá trị phát hành TPDNRL theo quý và tỷ lệ tăng trưởng so với cùng kỳ



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 24: Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành năm 2025 - thống kê được tổng hợp theo số liệu công bố đến ngày 27/02/2026



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

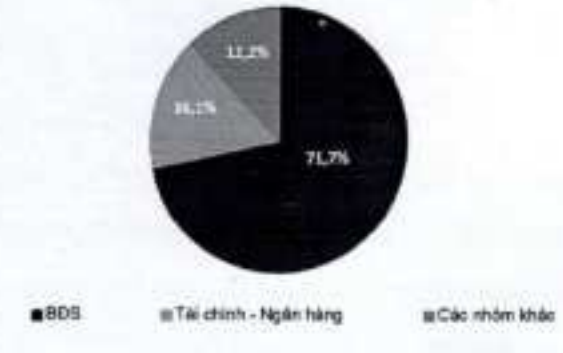
Bắt đầu từ Q2/25 và duy trì cho đến hết Q4/25 nhóm ngân hàng gia tăng và duy trì phát hành TPDN (phát hành trái phiếu có kỳ hạn dài từ 3 năm – 10 năm) với mục đích tăng tỷ lệ vốn huy động trung và dài hạn nhằm đảm bảo tỷ lệ tối đa vốn huy động ngắn hạn cho vay trung và dài hạn theo quy định của NHNN. Nhờ nhu cầu cơ cấu nguồn vốn, khối ngân hàng tiếp tục gia tăng phát hành và duy trì vị thế dẫn đầu thị trường về giá trị phát hành. Tính chung cả năm 2025 tổng giá trị TPDN nhóm Ngân hàng phát hành đạt hơn 404 nghìn tỷ đồng, tăng 32,5% svck và chiếm 65,4%

tổng giá trị TPDN phát hành năm 2025. Xếp thứ 2 là nhóm Bất động sản, với tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt gần 123,6 nghìn tỷ đồng, tăng 24,6% svck và chiếm 20% tổng giá trị TPDN phát hành năm 2025. Xếp thứ 3 là nhóm Dịch vụ tài chính, với tổng giá trị TPDN phát hành đạt hơn 24,8 nghìn tỷ đồng, tăng 23% svck và chiếm 4% tổng giá trị TPDN phát hành năm 2025. Nếu loại trừ nhóm Ngân hàng, tổng giá trị TPDN phát hành năm 2025 đạt hơn 213 nghìn tỷ đồng, tăng 30,4% svck.

Áp lực TPDN đáo hạn năm 2026 còn lớn đặc biệt là của nhóm BĐS

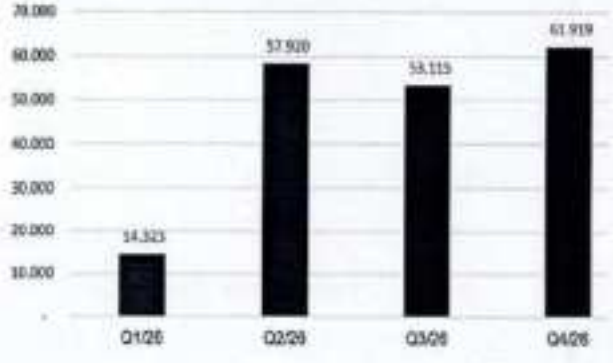
Theo ước tính của chúng tôi, tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2026 là khoảng 187 nghìn tỷ đồng giảm 7,7% svck (số liệu đã loại trừ các TPDN được mua lại trước hạn và các TPDN được gia hạn kỳ hạn theo công bố đến hết ngày 27/02/26). Áp lực TPDNRL đáo hạn năm 2026 sẽ tăng mạnh từ Quý 2 đến hết năm khi tổng giá trị TPDNRL đáo hạn của 3 quý này chiếm hơn 92% tổng giá trị đáo hạn năm 2026. Nhóm BĐS sẽ là nhóm có giá trị TPDNRL đáo hạn lớn nhất năm 2026 với tổng giá trị đáo hạn là hơn 134 nghìn tỷ đồng, chiếm 71,7% tổng giá trị TPDNRL đáo hạn năm 2026. 43,3% trong số này tương đương 58 nghìn tỷ đồng là giá trị các TPDNRL đã gia hạn kỳ hạn sẽ đến hạn. Đứng thứ hai là nhóm Tài chính – Ngân hàng với tổng giá trị TPDNRL đáo hạn là hơn 30 nghìn tỷ đồng, chiếm 16,1% tổng giá trị đáo hạn năm 2026. Nếu so với giá trị đáo hạn trong năm 2025, giá trị TPDNRL đáo hạn của nhóm BĐS tăng 3,3%. Trong bối cảnh thị trường BĐS vẫn còn trầm lắng, việc tháo gỡ pháp lý cho các dự án vẫn còn chậm so với kỳ vọng, khó khăn đối với hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp BĐS sẽ vẫn còn tiếp diễn. Do đó, VNDIRECT cho rằng áp lực đối với dòng tiền và vấn đề TPDN đáo hạn sẽ vẫn là thách thức lớn đối với nhóm doanh nghiệp BĐS trong năm 2026.

Hình 25: Ước tính cơ cấu TPDN đáo hạn theo ngành năm 2025 (thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 27/02/2026)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Hình 26: Giá trị TPDN đáo hạn theo quý trong năm 2026 (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn đến ngày 27/02/2026



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, HNX

Vẫn còn nhiều thách thức để thị trường có thể bứt phá

Sau các biện pháp tháo gỡ khó khăn của cơ quan quản lý, thị trường TPDN đã ghi nhận sự phục hồi dần trong giai đoạn 2023–2025. Tuy nhiên, bước sang 2026, thị trường vẫn đối mặt với nhiều rào cản khiến khả năng tăng trưởng mạnh còn hạn chế. Trước hết, niềm tin của nhà đầu tư đối với TPDN vẫn chưa được khôi phục hoàn toàn. Dù nhiều sai phạm đã được xử lý trong thời gian qua, rủi ro trái phiếu riêng lẻ chậm hoặc trễ hạn thanh toán vẫn hiện hữu, đặc biệt ở nhóm bất động sản, do đó cần thêm thời gian để củng cố niềm tin thị trường.

Bên cạnh đó, các quy định pháp lý mới đang siết chặt hơn điều kiện tham gia của nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp, có thể làm hạn chế quy mô phát hành TPDN riêng lẻ trong thời gian tới. Theo Luật Chứng khoán sửa đổi (Luật số 56/2024/QH15), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được mua, giao dịch TPDN riêng lẻ khi trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và đồng thời đáp ứng một trong hai điều kiện: (i) có tài sản bảo đảm, hoặc (ii) có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng.

Quy định này chặt chẽ hơn so với Nghị định 65/2022/NĐ-CP và Nghị định 153/2020/NĐ-CP, khi trước đây yêu cầu xếp hạng tín nhiệm chỉ áp dụng trong một số trường hợp nhất định liên quan đến quy mô phát hành hoặc dư nợ trái phiếu. Việc bắt buộc xếp hạng tín nhiệm và cơ chế bảo đảm bổ sung đối với trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp được kỳ vọng giúp nâng cao chất lượng thị trường, nhưng trong ngắn hạn có thể làm giảm nguồn cung TPDN riêng lẻ.

Thị trường cổ phiếu: Vững vàng trên vị thế mới

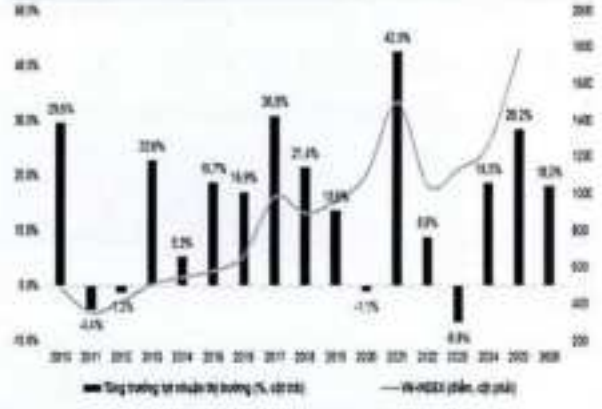
VNDIRECT đánh giá diễn biến thị trường năm 2026 sẽ chịu tác động từ những xu hướng chính sau: (1) Việt Nam bước vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế cao thúc đẩy lợi nhuận của doanh nghiệp, (2) Định giá thị trường cổ phiếu vẫn khá hấp dẫn nếu so với triển vọng tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp và mặt bằng lãi suất tiền gửi, (3) Những nâng cấp sâu rộng hệ thống và cải cách thị trường giúp hoàn thành mục tiêu nâng hạng trong năm 2026, (4) sự bất định về địa chính trị toàn cầu mang đến những rủi ro cần đặc biệt lưu ý.

Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết duy trì mức tăng trưởng cao trong năm 2026

Dựa trên đà phục hồi của năm 2025 (với tăng trưởng lợi nhuận trên HOSE đạt trên 28%), chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng của các công ty niêm yết trên HoSE sẽ đạt tăng trưởng 18% svck vào năm 2026, được hỗ trợ bởi: 1) Tăng trưởng GDP dự kiến tiếp tục tăng tốc; 2) Triển vọng lợi nhuận nhiều nhóm ngành khả quan nhờ mở rộng chính sách tài khóa có chọn lọc, thúc đẩy kinh tế tư nhân, FDI cải thiện và tiêu dùng phục hồi; 3) Chính sách tiền tệ nới lỏng có kiểm soát và áp lực tỷ giá giảm bớt sẽ duy trì môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

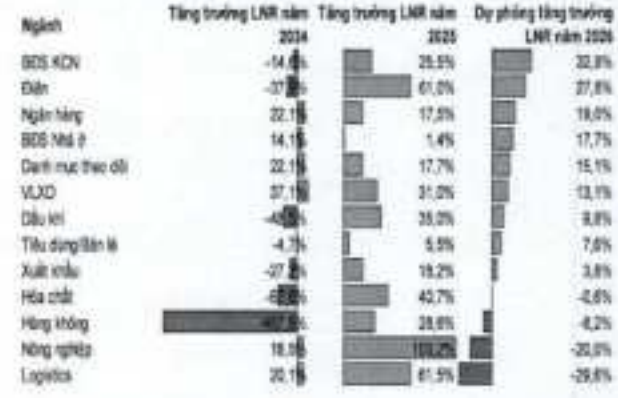
Ngành Ngân hàng và Bất động sản được dự báo tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận sàn HoSE trong năm 2026, đóng góp lần lượt 60,6% và 11,2% vào tổng lợi nhuận sàn HoSE năm 2026. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao trong năm 2026, ngành Ngân hàng được dự báo duy trì mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ 19% svck trong năm 2026, củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường. Ngành Bất động sản KCN và ngành Điện cũng được dự báo sẽ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong năm 2026 khi một số doanh nghiệp lớn của 2 nhóm ngành này ghi nhận thêm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản trong năm 2026.

Hình 27: Dự báo đà tăng trưởng lợi nhuận tích cực sẽ được duy trì trong năm 2026



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 28: Dự phóng tăng trưởng lợi nhuận theo ngành trong năm 2025 – 2026

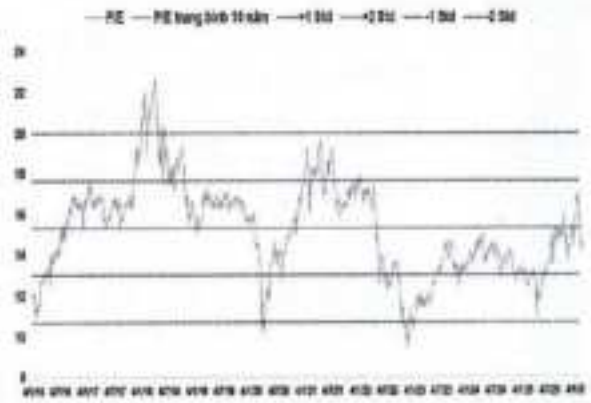


Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Định giá thị trường đang tương đối hấp dẫn

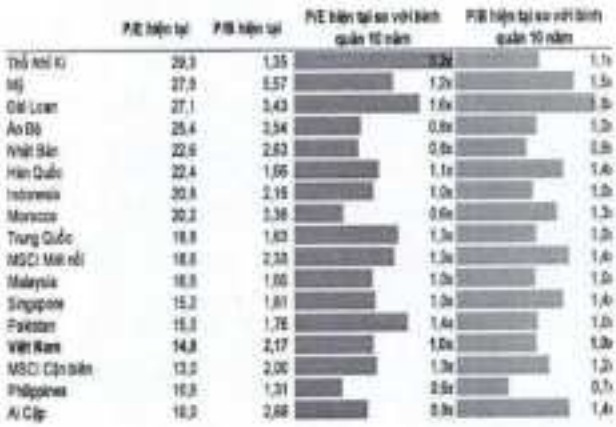
Sau khi cập nhật kết quả kinh doanh năm 2025 của các doanh nghiệp niêm yết, P/E trượt 12 tháng của VN-Index ở mức 14,8 lần (tại ngày 13/2/2026), thấp hơn một chút so với mức P/E bình quân 10 năm. Dựa trên giả định EPS của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE tăng trưởng 18% svck trong năm 2026, chúng tôi ước tính mức P/E dự phóng cho năm 2026 của VN-Index ở mức khoảng 12,2 lần, nằm trong phạm vi định giá thấp trong lịch sử. Với mức định giá này, chúng tôi cho rằng dư địa tăng trưởng của chỉ số VN-Index trong năm 2026 còn tương đối lớn, đặc biệt trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước cơ hội được FTSE chính thức nâng hạng lên nhóm thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 9/2026. Đây là một sự kiện lớn có thể kích hoạt việc tái định giá thị trường lên mức cao hơn trong năm 2026.

Hình 29: P/E trượt của VN-Index giảm về dưới mức bình quân 10 năm



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 30: Định giá VN-Index vẫn ở mức hấp dẫn khi so với nhiều thị trường khác (Dữ liệu ngày 13/02/2026)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hệ thống và hoàn thành mục tiêu nâng hạng thị trường

Để gỡ "nút thắt" liên quan đến khả năng tiếp cận của các công ty môi giới toàn cầu (global brokers), trong T12/25 Bộ Tài chính và UBCKNN đã thực hiện lấy ý kiến về Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư 96 (về công bố thông tin), Thông tư 120 (về giao dịch chứng khoán) và Thông tư 121 (về hoạt động của công ty chứng khoán). Hành động khẩn trương này nhằm đáp ứng các yêu cầu liên quan đến global brokers trước kỳ đánh giá tháng 3/2026 của FTSE.

Với cam kết mạnh mẽ trong việc đạt được mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán và xây dựng một thị trường vốn phát triển bền vững, chúng tôi tin rằng các cơ quan quản lý nhà nước sẽ tiếp tục đẩy mạnh những cải cách hệ thống để đáp ứng các tiêu chí nâng hạng còn lại của MSCI. VNDIRECT kỳ vọng các tiêu chí nâng hạng còn lại của MSCI sẽ được đáp ứng vào năm 2028, và thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ chính thức được MSCI nâng hạng lên thị trường mới nổi trong kỳ đánh giá thường niên của tổ chức này vào T6/28.

VNDIRECT cho rằng, những nâng cấp sâu rộng và cải cách mạnh mẽ hệ thống dự kiến được thực hiện trong năm 2026 sẽ là những yếu tố củng cố niềm tin cho cả các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Những cải cách lớn và toàn diện này góp phần thu hút thêm các nhà đầu tư mới, các nhà đầu tư chuyên nghiệp tham gia thị trường. Trong kịch bản được FTSE Russell chính thức nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp vào T9/2026, TTCK Việt Nam sẽ đón nhận dòng vốn của các quỹ ETF mô phỏng các chỉ số của FTSE Russell. Với vốn hóa hiện tại của thị trường Việt Nam, VNDIRECT ước tính tỷ trọng phân bổ cho các cổ phiếu Việt Nam của các quỹ ETF mô phỏng chỉ số FTSE sẽ dao động từ 0,02% đến 0,34% tổng tài sản ròng của từng ETF. Điều này có thể giúp

thị trường Việt Nam thu hút hơn 1 tỷ USD. Ngoài ra, dòng vốn đổ vào thị trường Việt Nam từ các quỹ đầu tư chủ động sau thời điểm Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng cũng là rất lớn.

Dự báo VN-Index năm 2026: Vững vàng trên vị thế mới

VNDIRECT tin rằng năm 2026 sẽ là năm bước ngoặt của thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc được FTSE chính thức nâng hạng vào T9/2026 cùng các thay đổi mạnh mẽ về hạ tầng và những cải cách lớn sẽ đưa thị trường Việt Nam tiệm cận các thị trường phát triển trong khu vực. Các yếu tố này sẽ tạo thêm niềm tin và thu hút thêm nhiều nhà đầu tư lớn. Bên cạnh đó, các yếu tố tăng trưởng kinh tế nội địa vững chắc và dự báo lợi nhuận thị trường tăng trưởng tích cực sẽ giúp thị trường tăng trưởng vững vàng trong năm 2026.

	Kịch bản cơ sở
Tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường	Tăng trưởng 18%.
FTSE Russell	Việt Nam chính thức được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp vào T9/2026.
Thanh khoản thị trường	Giá trị giao dịch bình quân năm 2026 tăng 25% so với năm 2025, lên mức 36,4 nghìn tỉ đồng/phiên.
Fed	Hai lần giảm lãi suất 25 điểm cơ bản trong 2026.
Sức mạnh USD	Chỉ số DXY duy trì dưới 100 điểm (trung bình cả năm 2026 dưới mức 97 điểm). Tỷ giá USD/VND ổn định (tăng dưới 2,5% trong năm 2026).
Tín dụng toàn hệ thống	Tăng trưởng 19%
Mặt bằng lãi suất	Lãi suất huy động và lãi suất cho vay tăng nhẹ vào thời điểm cuối năm 2025, sau đó duy trì ổn định trong năm 2026.
Chỉ số P/E của VN-Index	15,6x (là mức P/B bình quân 10 năm gần nhất của VN-Index)
Dự báo VN-Index 2026	**VN-Index đóng cửa tại 2.099 điểm, thị trường tăng 27,5% so với giá đóng cửa ngày 12/12/2025**

4.5. Kế hoạch phát triển trong tương lai - Định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh năm 2026

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định và thị trường chứng khoán được kỳ vọng cải thiện về thanh khoản cùng triển vọng nâng hạng, VNDIRECT kiên định với định hướng chiến lược phát triển xoay quanh hai trụ cột cốt lõi là Hoạt động Thị trường vốn và Dịch vụ chứng khoán, hướng tới phục vụ toàn diện bốn nhóm khách hàng trọng tâm. Trên nền tảng công nghệ vững chắc và hệ sinh thái sản phẩm ngày càng hoàn thiện, Công ty đặt mục tiêu gia tăng giá trị bền vững cho khách hàng, đồng thời củng cố vị thế như một hệ sinh thái đầu tư đầy đủ và toàn diện trên thị trường.

4.5.1. Khách hàng cá nhân: nền tảng giao dịch và quản lý tài sản chuyên nghiệp

Trong bối cảnh các ngân hàng và định chế tài chính lớn đều đang đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái khép kín để giữ chân khách hàng, VNDIRECT lựa chọn một hướng đi khác biệt. Thay vì cạnh tranh đơn thuần bằng sản phẩm tài chính, Công ty tận dụng vị thế trong **hệ sinh thái Tập đoàn IPA** — nơi nếp sống tài chính, nếp sống sức khỏe và nếp sống bảo an được tích hợp trong một hành trình liền mạch. Sự tích hợp này giúp VNDIRECT hiểu khách hàng sâu hơn — không chỉ qua hành vi giao dịch mà còn qua các nhu cầu và nếp sống khác — từ đó cá nhân hóa và đưa ra gói giải pháp phù hợp để giúp Khách hàng hiện thực hóa mục tiêu của mình.

Trọng tâm năm 2026:

- **Hoàn thiện nền tảng số:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để cá nhân hóa trải nghiệm đầu tư, nâng cao chất lượng công cụ giao dịch và phân tích thị trường, đồng thời phát triển các công cụ tư vấn số hỗ trợ khách hàng lập kế hoạch tài chính cá nhân.
- **Mở rộng danh mục sản phẩm theo Tháp tài sản HWG:** Ưu tiên phát triển tầng Tài chính an sinh (Health) và Đầu tư tích sản (Wealth) — đặc biệt là các sản phẩm tích lũy đều đặn và giải pháp bảo vệ tài chính, nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho khách hàng trước khi hướng tới đầu tư tăng trưởng.
- **Nâng cao chất lượng đội ngũ tư vấn:** Triển khai chương trình đào tạo và chứng nhận chuyên viên tư vấn tài sản, chuyển đổi đội ngũ môi giới theo hướng chuyên nghiệp hóa với nhiều lộ trình phát triển nghề nghiệp phù hợp năng lực và định hướng của từng cá nhân.
- **Gia tăng giá trị cho khách hàng hiện hữu:** Tập trung chuyển đổi khách hàng từ sử dụng đơn sản phẩm sang đa sản phẩm, kết hợp giữa giao dịch chứng khoán với các giải pháp tài chính an sinh và tích sản — tận dụng sức mạnh tích hợp từ hệ sinh thái IPA Living để đồng hành trọn vẹn trên hành trình tài chính của khách hàng.

4.5.2. Khách hàng doanh nghiệp – Cung cấp giải pháp tài chính toàn diện

Nếu với khách hàng cá nhân, VNDIRECT kiến tạo hành trình tài chính toàn diện, thì với khách hàng doanh nghiệp, Công ty đóng vai trò **đối tác tài chính đồng hành dài hạn** — đặc biệt trong quá trình tái cấu trúc tài chính, từ tái cơ cấu nợ, tối ưu cấu trúc vốn đến chuẩn bị cho các kế hoạch huy động vốn mới. Trong giai đoạn thị trường còn nhiều thách thức, sự sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt và xây dựng niềm tin bền vững.

Bên cạnh các giải pháp tài chính, VNDIRECT phát huy lợi thế **tích hợp trong hệ sinh thái Tập đoàn IPA** để cung cấp cho doanh nghiệp các giải pháp đồng bộ vượt ra ngoài phạm vi tài chính truyền thống: nền tảng quản trị doanh nghiệp, giải pháp chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong vận hành — giúp VNDIRECT trở thành đối tác toàn diện, đồng hành cùng doanh nghiệp không chỉ trong huy động vốn mà còn trong nâng cao năng lực quản trị.

Trọng tâm năm 2026:

- **Tiếp tục dẫn đầu thị phần tư vấn phát hành trái phiếu,** đồng thời mở rộng danh mục dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp — bao gồm tư vấn vốn cổ phần và các dịch vụ tư vấn khác — sang nhóm khách hàng có vốn nhà nước và các ngành trọng yếu, với 6 hợp đồng đã ký kết đang chờ triển khai.
- **Đẩy mạnh Trái phiếu Xanh** — củng cố vị thế dẫn đầu với mục tiêu chiếm trên 30% thị phần, đồng hành cùng các tổ chức phát hành lớn trong chiến lược tài chính bền vững.
- **Mở rộng dịch vụ tư vấn quản trị** và tư vấn quan hệ nhà đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuẩn bị IPO và các kế hoạch chiến lược dài hạn.

4.5.3. Khách hàng định chế tài chính - Khẳng định vị thế bền vững

Song song với việc mở rộng giá trị phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, VNDIRECT tiếp tục củng cố nền tảng nguồn vốn thông qua quan hệ hợp tác với các định chế tài chính. Trọng tâm năm 2026:

- Nâng tầm quan hệ đối tác với các ngân hàng quốc doanh và ngân hàng quy mô lớn theo hướng dài hạn, ổn định — đặc biệt mở rộng hạn mức tín chấp, phản ánh mức độ tin cậy ngày càng cao.
- Đa dạng hóa nguồn vốn quốc tế thông qua tăng cường kết nối với các định chế tài chính nước ngoài, chuẩn bị cho nhu cầu vốn mở rộng khi thị trường được nâng hạng.
- Duy trì vị thế nhóm dẫn đầu thị trường vốn nợ trong tư vấn phát hành cho khách hàng định chế, kết hợp phát triển sản phẩm và kết nối nhu cầu giao dịch trên thị trường tiền tệ – trái phiếu.

4.5.4. Khách hàng tổ chức/ICG – Mở rộng kết nối và nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ

Năm 2026 cũng là năm FTSE Russell chính thức nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, mở ra cơ hội lịch sử để đón dòng vốn quốc tế. Trên nền tảng kết quả kinh doanh kỷ lục năm 2025, Khối Môi giới Khách hàng Tổ chức tập trung chuẩn bị:

- **Đa dạng hóa cơ cấu doanh thu tổ chức** và xây dựng khung phí dịch vụ theo phân khúc khách hàng, hướng tới nguồn thu bền vững hơn.
- **Triển khai hệ thống quản lý lệnh thế hệ mới**, nâng cao năng lực phục vụ giao dịch tần suất cao và mở rộng kết nối trực tiếp với các nhà đầu tư tổ chức quốc tế.
- **Mở rộng mạng lưới nhà đầu tư quốc tế** tại các thị trường Úc, Ấn Độ, Dubai, Trung Quốc/Hồng Kông — chuẩn bị đón các dòng vốn cơ cấu tiềm năng khi việc nâng hạng có hiệu lực từ tháng 09/2026.
- **Tăng cường phối hợp liên khối** với Research và Ngân hàng Đầu tư, tận dụng nền tảng phân tích và báo cáo chuyên sâu để cùng cố gắn kết với khách hàng tổ chức trong và ngoài nước.

4.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ các cam kết về môi trường, tuân thủ nhất quán các chỉ tiêu về giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên, hạn chế rác thải nhựa và số hóa quy trình vận hành. Các sáng kiến hướng tới mô hình "Công sở xanh" được triển khai đồng bộ và duy trì xuyên suốt trong năm, góp phần giảm thiểu hiệu quả tác động môi trường, đồng thời từng bước hình thành văn hóa làm việc có trách nhiệm và bền vững trong toàn tổ chức.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty tiếp tục duy trì và triển khai đầy đủ các chương trình chăm sóc sức khỏe, phát triển thể chất và nâng cao đời sống tinh thần cho CBNV. Các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tăng cường gắn kết nội bộ được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm, góp phần củng cố tinh thần đồng hành và duy trì hiệu suất làm việc bền vững — nền tảng quan trọng để Công ty thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh dài hạn..

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện nhất quán các cam kết trách nhiệm xã hội, duy trì các chương trình hỗ trợ cộng đồng địa phương và thúc đẩy dòng vốn vào các lĩnh vực kinh tế xanh. Nghĩa vụ thuế và đóng góp ngân sách nhà nước được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, với kết quả được ghi nhận tích cực qua các bảng xếp hạng uy tín về doanh nghiệp nộp ngân sách lớn trong lĩnh vực chứng khoán. Những kết quả này phản ánh cam kết bền vững của Công ty trong việc tạo ra giá trị không chỉ cho cổ đông mà còn cho cộng đồng và xã hội.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

5.1. Đánh giá Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã duy trì hoạt động ổn định, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng, nghĩa vụ công bố thông tin và các quy định có liên quan trên thị trường chứng khoán, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng quản trị theo các thông lệ tốt.

Trên phương diện hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục triển khai nhất quán chiến lược phát triển theo định hướng trở thành định chế tài chính trung gian, cung cấp các giải pháp đầu tư, giao dịch chứng khoán và dịch vụ thị trường vốn cho khách hàng cá nhân và tổ chức. Mô hình hoạt động được tổ chức theo hướng tập trung, gắn với kiểm soát rủi ro, quản trị thanh khoản thận trọng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trên thị trường.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành trong việc chủ động, linh hoạt ứng phó với diễn biến của thị trường, đảm bảo an toàn hoạt động, đồng thời đạt được kết quả kinh doanh tích cực, phản ánh hiệu quả của định hướng chiến lược và năng lực tổ chức thực thi trong toàn hệ thống.

Song song với mục tiêu tăng trưởng, Công ty tiếp tục chú trọng thực hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, coi đây là một cấu phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty đã đẩy mạnh số hóa quy trình, tối ưu hóa vận hành nhằm giảm thiểu sử dụng tài nguyên và tác động đến môi trường; đồng thời duy trì môi trường làm việc minh bạch, công bằng, tạo điều kiện phát triển cho người lao động. Các hoạt động nâng cao kiến thức tài chính cho nhà đầu tư, bảo vệ quyền lợi khách hàng và tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tiếp tục được triển khai nhất quán. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nội dung này trong các giai đoạn tiếp theo...

5.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, tổ chức triển khai các hoạt động của Công ty theo đúng Điều lệ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, bám sát định hướng chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua, đồng thời thể hiện tinh thần linh hoạt, quyết liệt trong việc điều hành trước những biến động của thị trường chứng khoán và môi trường kinh doanh. Công tác quản trị rủi ro, quản lý thanh khoản và kiểm soát tuân thủ tiếp tục được chú trọng, góp phần đảm bảo an toàn hoạt động và ổn định tài chính của Công ty.

Hội đồng quản trị ghi nhận việc Ban Tổng giám đốc duy trì cơ chế báo cáo, trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời với Hội đồng quản trị; chủ động đề xuất các giải pháp quản trị, vận hành và phát triển hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Trên cơ sở kết quả đạt được, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong năm 2025, tạo nền tảng quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và chiến lược dài hạn của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

5.3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Bước sang giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu trọng tâm là tiếp tục củng cố nền tảng quản trị, nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động, đồng thời triển khai chiến lược phát triển dài hạn theo định hướng trở thành định chế tài chính trung gian có năng lực cung cấp các giải pháp đầu tư và dịch vụ thị trường vốn toàn diện.

Trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán còn tiềm ẩn nhiều biến động, Hội đồng quản trị định hướng Công ty duy trì nguyên tắc tăng trưởng thận trọng, gắn với quản trị rủi ro, quản lý thanh khoản chặt chẽ và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý. Công tác chuẩn hóa hệ thống quản trị, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả vận hành và năng lực thích ứng với các thay đổi của thị trường tiếp tục được xác định là ưu tiên xuyên suốt.

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành tập trung phát triển các mảng dịch vụ cốt lõi, bao gồm dịch vụ thị trường vốn và quản lý tài sản đầu tư, dịch vụ giao dịch chứng khoán; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế cận và văn hóa doanh nghiệp phù hợp với giai đoạn phát triển mới, song song với việc tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược và hoạt động của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và gia tăng giá trị lâu dài cho cổ đông và các bên liên quan.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

6.1. Hội đồng quản trị

6.1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)		Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Số lượng chức danh quản lý nắm giữ tại tổ chức khác
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Đại diện	Cá nhân		
1	Bà: Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	18/09/2023[5]		0	2,95%	2	2
2	Ông: Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	18/09/2023[6]		0	0,00002%	1	0
3	Ông: Vũ Hiền	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	25/4/2022[7]		25,84%	0,00004%	2	2
4	Ông: Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	25/04/2022		0	0	4	3
5	Ông: Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	25/04/2022		0	0	0	1

6.1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Nhằm hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị, giám sát và ra quyết định đối với các lĩnh vực trọng yếu của Công ty, Hội đồng quản trị đã thành lập và duy trì hoạt động của các tiểu ban chuyên trách. Các tiểu ban này hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành, với sự tham gia của các Thành viên Hội đồng quản trị có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp và một số cán bộ quản lý chủ chốt theo phân công, bảo đảm tính chuyên sâu, khách quan và hiệu quả trong công tác tham mưu, thẩm định.

Cụ thể, các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị bao gồm:

Ban Kiểm toán nội bộ: Trong năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ chức năng,

---

[5] Bà Phạm Minh Hương được bầu lại là Chủ tịch HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 vào ngày 25/4/2022, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 26/04/2023 để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT và được bầu lại chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 18/09/2023

[6] Ông Nguyễn Vũ Long được bầu là thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 vào ngày 25/04/2022, được bầu chức danh Chủ tịch HĐQT vào ngày 26/04/2023, thôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 18/09/2023 để đảm nhiệm chức danh Tổng giám đốc kiêm thành viên HĐQT

[7] Ông Vũ Hiền được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị vào ngày 11/10/2024

nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và có sự tham gia, chỉ đạo của các Thành viên Hội đồng quản trị theo phân công, qua đó bảo đảm tính khách quan và minh bạch trong hoạt động kiểm toán nội bộ. Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ của công ty; Tham mưu nhằm hoàn thiện các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty chứng khoán; Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty; thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Hội đồng Quản trị rủi ro:

Hội đồng Quản trị rủi ro là tiểu ban tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của Công ty, với sự tham gia của các Thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý có chuyên môn về quản trị rủi ro theo phân công.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị rủi ro đã tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro của Công ty; Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Ban hành các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/Quy chế của HĐQT hoặc Quyết định của HĐQT.

Hội đồng nhân sự:

Hội đồng Nhân sự là tiểu ban giúp Hội đồng quản trị tham mưu trong các vấn đề liên quan đến quản trị nhân sự, cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực. Hội đồng Nhân sự bao gồm các Thành viên Hội đồng quản trị theo phân công, bảo đảm sự tham gia của các thành viên có kinh nghiệm trong quản trị, điều hành và chính sách nhân sự.

Trong năm 2025, Hội đồng Nhân sự đã tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Tham mưu cho Chủ tịch HĐQT hoặc HĐQT trong việc ban hành cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; Phê chuẩn hoặc tham mưu cho Chủ tịch HĐQT trong việc xây dựng, ban hành các quy chế, chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, chế

độ phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Thẩm định hoặc phê chuẩn việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; Tham gia vào các vấn đề liên quan đến kỷ luật lao động đối với các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các cán bộ nhân viên khác của Công ty (khi thấy cần thiết); Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của Hội đồng nhân sự theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng đầu tư:

Hội đồng Đầu tư là tiểu ban tham mưu cho Hội đồng quản trị trong các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn, bảo lãnh phát hành và các giao dịch tài chính thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Hội đồng Đầu tư bao gồm các Thành viên Hội đồng quản trị có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – đầu tư và các cán bộ quản lý liên quan theo phân công.

Trong năm 2025, Hội đồng Đầu tư đã tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, bảo lãnh phát hành, cho vay đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT phê duyệt các nguyên tắc phân bổ vốn, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT thẩm định, phê duyệt việc góp vốn hoặc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp của niêm yết/đăng ký giao dịch hoặc chứng khoán đã niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng không phải là hoạt động kinh doanh/tự doanh ngắn hạn thông thường. Quyết định, phê duyệt các giao dịch, hoạt động đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT mà chưa được phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc Ban Tổng giám đốc thấy cần thiết có ý kiến của các thành viên HĐĐT; Thực hiện các các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

6.1.3. Hoạt động của HĐQT

Năm 2025, nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục chịu tác động từ các yếu tố bất định của môi trường vĩ mô, diễn biến chính sách tiền tệ, tài chính toàn cầu và những biến động của thị trường vốn. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã chủ động, linh hoạt trong công tác quản trị, kiên định với định hướng phát triển dài hạn và mục tiêu kiện toàn mô hình tổ chức kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm.

HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh chuẩn hóa và nâng cao chất lượng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt, tăng cường số hóa trong quản trị, điều hành và các nghiệp vụ cốt lõi; đồng thời củng cố nền tảng hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ đầu tư tài chính nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh của Công ty. Song song với đó, HĐQT chú trọng các yếu tố quản trị rủi ro, an toàn tài chính và phát triển bền vững, phù hợp với yêu cầu ngày

càng cao của thị trường và cơ quan quản lý.

Trong năm 2025, HĐQT Công ty duy trì cơ cấu gồm 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, tổ chức nhân sự, quản trị rủi ro và các nội dung quan trọng khác trong hoạt động của Công ty.

HĐQT đã họp theo quý và tổ chức các cuộc họp đột xuất dưới nhiều hình thức phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, ban hành các nghị quyết/quyết định nhằm định hướng hoạt động điều hành, giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức đúng trình tự, thủ tục theo quy định; các nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua với sự đồng thuận cao và được công bố đầy đủ, kịp thời theo quy định về công bố thông tin trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025.

Các cuộc họp của HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà: Phạm Minh Hương	20	100%	
2	Ông: Nguyễn Vũ Long	20	100%	
3	Ông: Vũ Hiền	20	100%	
4	Ông: Mai Hữu Đạt	20	100%	
5	Ông: Vũ Việt Anh	20	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, Chủ tịch HĐQT của Công ty đã thay mặt HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây trên cơ sở các cuộc họp được tổ chức dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và/hoặc các ủy quyền của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 236/2025/NQ-HĐQT	26/02/2025	Về việc thay đổi Giám đốc chi nhánh Thanh Xuân của Công ty	100%
2	Nghị quyết số 276/2025/NQ-HĐQT	17/03/2025	Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	Nghị quyết số 288-1/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Về việc thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và định hướng kế hoạch kinh doanh năm 2025	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	Nghị quyết số 288-2/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Thông qua chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty	100%
5	Nghị quyết số 288-3/2025/NQ-HĐQT	21/03/2025	Về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%
6	Nghị quyết số 399/2025/NQ-HĐQT	22/04/2025	Về việc thành lập chi nhánh Huế của Công ty	100%
7	Nghị quyết số 483/2025/NQ-HĐQT	22/05/2025	Về việc phát hành chứng quyền có bảo đảm đợt 01 năm 2025	100%
8	Nghị quyết số 581-2/2025/NQ-HĐQT	12/6/2025	Về việc trả cổ tức bằng tiền năm 2024 cho cổ đông hiện hữu	100%
9	Nghị quyết số 606/2025/NQ-HĐQT	24/06/2025	Về việc phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2025 của Công ty	100%
10	Quyết định số 618/2025/QĐ-HĐQT	28/06/2025	Về việc thông qua hồ sơ chào bán trái phiếu ra công chúng	100%
11	Nghị quyết số 676-1/2025/NQ-HĐQT	10/07/2025	Về việc thay đổi giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty	100%
12	Quyết định số 680-2/2025/QĐ-HĐQT	11/07/2025	Về việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty	100%
13	Nghị quyết số 709/2025/NQ-HĐQT	21/07/2025	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2025	100%
14	Nghị quyết số 712/2025/NQ-HĐQT	22/07/2025	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 và định hướng kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2025	100%
15	Nghị quyết số 756/2025/NQ-HĐQT	12/08/2025	Về việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025	100%
16	Quyết định số 800/2025/QĐ-HĐQT	21/08/2025	Về việc ban hành Quy chế và Quy trình quản trị rủi ro của Công ty	100%
17	Nghị quyết số 803/2025/NQ-HĐQT	22/08/2025	Phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2025	100%
18	Nghị quyết số	29/08/2025	Về việc dừng chào bán 08 mã chứng	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	852/2025/NQ-HĐQT		quyền có bảo đảm đợt 1 năm 2025	
19	Nghị quyết số 876-2/2025/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
20	Quyết định số 891/2025/QĐ-HĐQT	17/9/2025	Về việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty	100%
21	Nghị quyết số 1024/2025/NQ-HĐQT	13/10/2025	Về việc đóng cửa Phòng giao dịch Hai Bà Trưng của Công ty	100%
22	Nghị quyết số 1025/2025/NQ-HĐQT	13/10/2025	Về việc đóng cửa Phòng giao dịch Ngụy Như Kon Tum của Công ty	100%
23	Nghị quyết số 1240/2025/NQ-HĐQT	18/12/2025	Về việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	100%
24	Nghị quyết số 1246/2025/NQ-HĐQT	19/12/2025	Về việc thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025	100%
25	Nghị quyết số 1247/2025/NQ-HĐQT	19/12/2025	Thông qua việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2026	100%

6.1.4. Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập có năng lực chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động chính của VNDIRECT nên đã có những đóng góp quan trọng trong các quyết sách của HĐQT. Trong năm 2025, thành viên HĐQT độc lập đều có ý kiến tham gia đầy đủ vào các quyết định/vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và có đóng góp quan trọng trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quyết sách, quy định, chính sách của Công ty cũng như tham gia vào các Hội đồng/Ủy ban theo phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được lợi ích của VNDIRECT và của cổ đông.

Trong năm 2025, HĐQT đã hoàn thành tốt việc thiết lập cơ cấu tổ chức quản lý, đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời giúp giải quyết được những vấn đề phát sinh trước biến động của thị trường tài chính và đặc biệt là sự thay đổi của chính sách pháp luật. Những quyết sách, chỉ đạo kịp thời của HĐQT đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị hoạt động, kiểm soát rủi ro, hạn chế tổn thất trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và góp phần giữ vững năng lực cạnh tranh của VNDIRECT trên thị trường.

HĐQT đã phê duyệt, ban hành kịp thời các quyết định, phê duyệt theo đúng thẩm quyền để điều

chính các hoạt động quản trị cũng như kinh doanh của VNDIRECT. Các cuộc họp HĐQT được triệu tập và lấy ý kiến theo đúng quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành cũng được thực hiện thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo hoạt động của Công ty đi đúng định hướng, ổn định và phát triển bền vững.

6.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Với chính sách tập trung vào nâng cao hoạt động quản trị Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty ngày càng vững mạnh. Công ty đã khuyến khích các thành viên HĐQT, thành viên điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty. Một số thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã được cấp Chứng chỉ/Giấy chứng nhận đào tạo về quản trị công ty do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SRTC) tổ chức như:

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT

6.2. Ban Kiểm soát

6.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ nắm giữ (%)	
					Đại diện	Cá nhân
1	Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng BKS	Miễn nhiệm ngày 28/5/2025	Cử nhân ngành Tài chính Ngân hàng	0	0
2	Bà Lê Phương Hạnh	Trưởng BKS	Bầu cử ngày 28/05/2025	Cử nhân kinh tế ngành ngân hàng	0	0
3	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên BKS	25/4/2022	Cử nhân ngành Kế toán tổng hợp	0	0
4	Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên BKS	17/06/2023	Cử nhân kiểm toán	0	0

Các cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Hoàng Thúy Nga	1	25%	25%	Bà Hoàng Thúy Nga thôi làm Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/5/2025
2	Bà Lê Phương Hạnh	3	75%	75%	Bà Lê Phương Hạnh được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/5/2025
3	Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	4	100%	100%	
4	Bà Nguyễn Ngọc Mai	4	100%	100%	

Ngoài các cuộc họp chính thức, BKS Công ty cũng dành thời gian quan sát, đánh giá các hoạt động khác của Công ty trong năm 2025, đặc biệt là các chiến dịch kinh doanh, chương trình tìm kiếm giải pháp, dự án phát triển của Công ty.

6.2.2. Hoạt động của BKS

Ban kiểm soát ("BKS") trong năm 2025 đã tiến hành giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đồng thời đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Bên cạnh đó, BKS đã tổ chức cuộc họp nội bộ để kiện toàn cơ cấu tổ chức, thống nhất định hướng hoạt động trong nhiệm kỳ mới; đồng thời thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như: lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, đề xuất đơn vị kiểm toán và tiến hành bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới; thông qua sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, qua đó tăng cường vai trò giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định pháp luật.

Ban kiểm soát ghi nhận, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ nghiêm ngặt chức năng, nhiệm vụ và sự phân cấp từ Hội đồng quản trị, đã tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và

HĐQT một cách hiệu quả

Sự phối hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ và các bộ phận khác

Ban Kiểm soát (BKS) thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý trong quá trình kiểm tra và đánh giá tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty trong suốt năm 2025. Trong các đợt kiểm tra, BKS đã yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu, và tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc cũng như các cán bộ quản lý, đảm bảo tiếp cận đầy đủ thông tin và dữ liệu cần thiết.

Trong năm 2025, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã chủ động cung cấp đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định cho BKS. Ban Tổng Giám đốc đã hỗ trợ BKS trong việc thu thập thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh khi có yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kiểm tra. Đồng thời, BKS đã phản hồi và trao đổi ý kiến để đảm bảo rằng quá trình điều hành và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng theo định hướng và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Thông qua quá trình phối hợp và trao đổi thường xuyên, BKS đã kịp thời phản hồi, đưa ra ý kiến và kiến nghị nhằm đảm bảo hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tuân thủ đúng định hướng, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành

6.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

6.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2025 là 1,3 tỷ đồng, trong đó: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 16 triệu đồng/người/tháng; Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên BKS là 10 triệu đồng/người/tháng.

Tiền lương, thưởng của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty trong năm 2025 là 18,6 tỷ đồng. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành/người quản lý khác được Công ty chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên

Chi tiết tiền lương, thù lao/phụ cấp, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác được nêu tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 mục 32.1 (trang 63) và được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.vndirect.com.vn.

6.3.2. Các giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Vũ Việt Anh	Người nội bộ	1750	0,0001%	0	0%	Bán

6.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2025, các hợp đồng và giao dịch giữa VNDIRECT với người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục phê duyệt, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

Các giao dịch với các bên liên quan thuộc thẩm quyền đã được Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt theo đúng quy định và được công bố đầy đủ tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.

6.3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2025, VNDIRECT tiếp tục chú trọng công tác quản trị công ty nhằm đảm bảo hoạt động quản trị được thực hiện minh bạch, công khai và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành đối với công ty đại chúng. Công ty đã chủ động rà soát, ban hành và triển khai các quy chế, chính sách quản trị nội bộ, đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận và cá nhân liên quan nhằm đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành và giám sát hoạt động.

Hội đồng quản trị đánh giá rằng các quy định về quản trị công ty đã được Công ty thực hiện đầy đủ và nhất quán, phù hợp với yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước và định hướng phát triển của Công ty. Công tác công bố thông tin, báo cáo, giám sát tuân thủ tiếp tục được thực hiện đúng thời hạn, chính xác và đầy đủ; vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, các tiểu ban trực thuộc và Ban điều hành được thực hiện rõ ràng theo đúng thẩm quyền và chức năng được quy định.

Thông qua việc duy trì kỷ luật quản trị, tăng cường phối hợp giữa các cấp quản trị và ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, VNDIRECT không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn và phát triển bền vững trong dài hạn.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

7.1. Ý kiến kiểm toán

Trích báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

7.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của VNDIRECT được đính kèm theo bản Báo cáo thường niên này.

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT./.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu Công ty.*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Vũ Long

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 71

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 08 năm 2025, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 70/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 08 năm 2025).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 15.222.999.080.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Huế và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022
	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 10 năm 2024
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2022
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2023, Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Lê Phương Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 06 năm 2025, Bổ nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2025
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022, Miễn nhiệm ngày 28 tháng 05 năm 2025
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2023
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012, Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 04 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 09 năm 2023
Ông Điêu Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Ông Nguyễn Vũ Long, chức danh Tổng Giám đốc; và Ông Điêu Ngọc Tuấn, chức danh Giám đốc Quản trị .

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Ông Nguyễn Vũ Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12320878/E-68742434

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 06 đến trang 71, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**		**50.579.456.377.684**	**43.105.620.017.289**
110	***I. Tài sản tài chính***		***50.480.883.104.971***	***42.935.352.780.537***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.622.127.447.102	881.175.660.472
111.1	*1.1 Tiền*		*1.622.127.447.102*	*734.466.660.472*
111.2	*1.2 Các khoản tương đương tiền*		-	*146.709.000.000*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1 & 7.4	22.537.478.294.142	24.519.200.006.786
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	8.558.266.000.000	5.560.973.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	14.319.104.587.203	10.343.627.985.292
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(79.139.135.744)	(122.288.257.021)
117	6. Các khoản phải thu	9	3.586.038.260.870	1.728.245.383.775
117.1	*6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính*		*2.312.195.483.495*	*555.540.757.453*
117.2	*6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*		*1.273.842.777.375*	*1.172.704.626.322*
117.3	*6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận*		*186.417.958.887*	*95.427.412.362*
117.4	*6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*1.087.424.818.488*	*1.077.277.213.960*
118	7. Trả trước cho người bán	9	23.694.230.426	31.617.305.015
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	342.256.696.741	178.047.781.530
122	9. Các khoản phải thu khác	9	7.021.421.251	7.902.515.693
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(435.964.697.020)	(193.148.601.005)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***		***98.573.272.713***	***170.267.236.752***
131	1. Tạm ứng		32.858.607.725	10.532.344.261
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	18.660.507.988	32.570.592.866
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11	1.658.760.000	106.245.970.000
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		45.395.397.000	20.918.329.625
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)**		**1.049.446.759.548**	**1.189.156.655.182**
210	***I. Tài sản tài chính dài hạn***		***867.398.699.124***	***1.036.150.771.556***
211	1. Các khoản phải thu dài hạn		23.289.567.124	91.716.310.944
212	2. Các khoản đầu tư dài hạn		844.109.132.000	948.663.852.000
212.3	*2.1. Đầu tư vào công liên doanh, liên kết*	*12*	*836.115.332.000*	*914.505.332.000*
212.4	*2.2. Đầu tư dài hạn khác*	*12*	*7.993.800.000*	*34.158.520.000*
213	3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	12	-	(4.229.391.388)
220	***II. Tài sản cố định***		***85.806.275.236***	***84.089.253.850***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	22.089.552.492	40.960.432.082
222	*1.1 Nguyên giá*		*205.341.063.781*	*205.271.274.760*
223a	*1.2 Giá trị khấu hao lũy kế*		*(183.251.511.289)*	*(164.310.842.678)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	63.716.722.744	43.128.821.768
228	*2.1 Nguyên giá*		*234.000.959.210*	*182.797.824.279*
229a	*2.2 Giá trị hao mòn lũy kế*		*(170.284.236.466)*	*(139.669.002.511)*
240	***III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***		***1.238.832.000***	***3.180.792.000***
250	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***95.002.953.188***	***65.735.837.776***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	2.233.972.428	3.104.972.428
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	57.768.980.760	27.630.865.348
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	20.000.000.000	20.000.000.000
255	4. Tài sản dài hạn khác	16	15.000.000.000	15.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)**		**51.628.903.137.232**	**44.294.776.672.471**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**		**30.725.994.598.868**	**24.579.707.979.260**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***28.656.048.679.759***	***24.502.482.888.459***
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	18	26.462.875.618.896	22.436.244.635.316
312	*1.1 Vay ngắn hạn*		*26.462.875.618.896*	*22.436.244.635.316*
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	19	249.868.284.931	400.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	1.091.550.489.671	1.113.475.966.297
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		48.465.117.002	28.958.603.137
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		176.818.182	23.324.256.848
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	434.556.157.973	236.583.401.372
323	7. Phải trả người lao động		17.379.174.226	11.308.502.822
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		5.304.914.673	3.952.994.203
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	70.948.757.923	58.395.523.084
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		385.467.165	1.254.974.200
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		60.000.000.000	-
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		214.537.879.117	188.984.031.180
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***2.069.945.919.109***	***77.225.090.801***
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	19	1.997.859.401.960	-
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23	72.086.517.149	77.225.090.801
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**		**20.902.908.538.364**	**19.715.068.693.211**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***24.2***	***20.902.908.538.364***	***19.715.068.693.211***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.222.828.001.540	15.222.828.001.540
411.1	*1.1 Vốn góp của chủ sở hữu*		*15.222.999.080.000*	*15.222.999.080.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*15.222.999.080.000*	*15.222.999.080.000*
411.2	*1.2 Thặng dư vốn cổ phần*		*(171.078.460)*	*(171.078.460)*
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	5.680.080.536.824	4.492.240.691.671
417.1	*2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện*		*5.391.734.468.222*	*4.183.340.328.462*
417.2	*2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*288.346.068.602*	*308.900.363.209*
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)**		**51.628.903.137.232**	**44.294.776.672.471**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	24.4	1.522.299.908	1.522.299.908
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	25.1	19.039.583.980.000	10.981.481.720.000
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	25.2	540.000.000	325.032.290.000
010	5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	25.3	1.029.157.600.000	1.056.813.400.000
012	6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	25.4	7.105.001.270.000	5.393.272.890.000
013	7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	25.5	288.560.000	707.970.000
014	8. Chứng quyền (số lượng)		286.935.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư		92.663.165.016.400	87.664.897.954.800
021.1	*1.1 Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*79.936.041.852.400*	*72.283.889.714.800*
021.2	*1.2 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*2.492.949.030.000*	*4.154.055.170.000*
021.3	*1.3 Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*9.860.935.660.000*	*10.643.324.820.000*
021.4	*1.4 Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*3.262.670.000*	*3.148.330.000*
021.5	*1.5 Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*369.975.804.000*	*580.479.920.000*
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		174.939.990.000	1.011.294.690.000
022.1	*2.1 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*120.702.710.000*	*650.420.310.000*
022.2	*2.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*54.237.280.000*	*360.874.380.000*
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.6	775.077.266.500	560.198.130.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	25.7	49.311.291.904.000	36.553.388.231.000
025	5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	25.8	62.942.590.000	195.075.580.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	6. Tiền gửi của khách hàng		7.446.273.159.169	5.412.854.193.669
027	*6.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*25.9*	*5.250.065.410.524*	*4.163.893.199.315*
027.1	*6.2 Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC*	*25.9*	*231.568.563.165*	*151.281.513.760*
028	*6.3 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng*	*25.9*	*1.964.322.159.675*	*1.094.688.500.833*
029	*6.4 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán*		*125.155.822*	*2.799.101.528*
029.1	*- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước*		*43.589.753*	*63.001.151*
029.2	*- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài*		*81.566.069*	*2.736.100.377*
030	*6.5 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán*	*25.10*	*191.869.983*	*191.878.233*
031	7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.11	7.446.081.289.186	5.412.662.315.436
031.1	*7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*6.752.836.262.448*	*4.897.820.970.825*
031.2	*7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*461.676.463.573*	*363.559.830.851*
031.3	*7.3 Phải trả tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC*		*231.568.563.165*	*151.281.513.760*
035	*8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu*	25.12	191.869.983	191.878.233

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoài	Bà Nguyễn Thị Hương	Ông Nguyễn Vũ Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		3.453.312.160.930	2.758.053.155.000
01.1	*1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*26.1*	*2.013.647.304.742*	*1.640.445.035.364*
01.2	*1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*26.2*	*1.048.917.795.753*	*653.743.694.020*
01.3	*1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*26.4*	*388.307.528.735*	*414.018.946.216*
01.4	*1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*26.3*	*2.439.531.700*	*49.845.479.400*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	26.4	551.950.701.761	421.441.706.902
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.4	1.393.607.927.218	1.254.855.005.185
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		971.903.928.893	719.863.796.160
07	5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		43.857.402.972	53.974.806.167
09	6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		78.022.546.926	88.975.473.588
10	7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		141.825.314.077	11.949.090.909
11	8. Thu nhập hoạt động khác		5.740.918.652	15.831.430.975
20	**Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)**		**6.640.220.901.429**	**5.324.944.464.886**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		1.566.999.684.128	1.261.254.474.488
21.1	*1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*26.1*	*489.544.208.416*	*453.950.446.204*
21.2	*1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*26.2*	*1.071.994.902.912*	*752.023.183.659*
21.3	*1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*405.280.000*	*609.670.425*
21.4	*1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*26.3*	*5.055.292.800*	*54.671.174.200*
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	27	161.579.785.785	130.321.116.264
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28	40.607.397.984	51.389.156.101
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	627.895.910.619	468.171.485.937
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	13.403.350.019	9.043.509.778
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	6.108.308.006	480.280.308
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	28.271.381.959	30.514.060.783
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	20.124.045.145	31.537.599.000
32	9. Chi phí dịch vụ khác	28	86.744.072.757	139.401.770.807
40	**Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)**		**2.551.733.936.402**	**2.122.113.453.466**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		14.728.550.163	23.968.433.872
43	2. Lãi bán, thanh lý khoản đầu tư vào công ty con		4.066.250.000	-
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)**		**18.794.800.163**	**23.968.433.872**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		14.410.639	-
52	2. Chi phí lãi vay		1.115.158.945.028	667.433.396.169
54	3. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(4.229.391.388)	518.594.415
55	4. Chi phí tài chính khác		13.889.170.528	13.750.163.058
60	**Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)**		**1.124.833.134.807**	**681.702.153.642**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**29**	**473.249.901.976**	**453.311.535.893**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)**		**2.509.198.728.407**	**2.091.785.755.757**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		268.121.423	172.577.075
72	2. Chi phí khác		1.337.902.724	3.634.200.535
80	**Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)**		**(1.069.781.301)**	**(3.461.623.460)**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)**		**2.508.128.947.106**	**2.088.324.132.297**
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.533.821.815.365	2.191.429.316.736
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(25.692.868.259)	(103.105.184.439)
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**30**	**486.043.919.822**	**369.899.102.085**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	491.182.493.474	390.520.138.973
100.2	2. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.2	(5.138.573.652)	(20.621.036.888)
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)**		**2.022.085.027.284**	**1.718.425.030.212**
500	**XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**2.022.085.027.284**	**1.718.425.030.212**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) *(Trình bày lại)*	31	1.328	1.195

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoài	Bà Nguyễn Thị Hương	Ông Nguyễn Vũ Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**2.508.128.947.106**	**2.088.324.132.297**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(346.494.002.077)**	**(345.140.500.901)**
03	Khấu hao TSCĐ		64.730.749.726	59.830.029.068
04	Các khoản dự phòng		259.666.974.738	100.442.278.973
06	Chi phí lãi vay		1.115.158.945.028	667.433.396.169
07	Lãi hoạt động đầu tư		(4.135.215.616)	(141.578.789)
08	Dự thu tiền lãi		(1.781.915.455.953)	(1.172.704.626.322)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**1.072.820.804.324**	**807.212.952.274**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		1.077.050.195.712	806.694.357.859
16	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(4.229.391.388)	518.594.415
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(1.051.357.327.453)**	**(703.589.173.420)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(1.051.357.327.453)	(703.589.173.420)
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.183.098.421.900**	**1.846.807.410.250**
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		1.958.644.605.485	(7.887.490.758.835)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(2.997.293.000.000)	2.073.122.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(3.975.476.601.911)	(57.836.148.972)
35	Tăng phải thu bán các tài sản tài chính		(1.756.654.726.042)	(533.444.491.711)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.680.777.304.900	916.578.322.490
37	Tăng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(164.208.915.211)	(43.389.097.604)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		81.269.666.771	(20.699.955.472)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(22.326.263.464)	2.807.382.470
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.258.051.489	(1.589.377.928)
42	Giảm chi phí trả trước		(12.514.957.534)	(30.046.144.901)
43	Thuế TNDN đã nộp	21	(304.961.865.891)	(385.940.177.985)
44	Lãi vay đã trả		(1.105.863.761.678)	(758.024.093.447)
45	Giảm phải trả cho người bán		(30.172.484.801)	(33.949.827.161)
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.351.920.470	(76.031.178)
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		11.752.129.018	(11.384.126.338)
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		6.070.671.404	(16.735.059.278)
50	Giảm phải trả, phải nộp khác và phải trả chứng quyền		(25.319.057.870)	(2.083.125.663.490)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		785.560.400.000	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(752.183.597.569)	(84.293.247.770)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(4.435.192.060.534)**	**(7.108.709.086.860)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(45.669.222.931)	(38.526.073.487)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		75.070.515	148.445.455
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(11.904.800.000)	(79.380.000.000)
64	4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		120.525.770.000	3.506.760.000
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**63.026.817.584**	**(114.250.868.032)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.435.536.820.000
73	2. Tiền vay gốc		93.177.500.149.799	98.919.193.496.792
73.2	*- Tiền vay khác*		*93.177.500.149.799*	*98.919.193.496.792*
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(87.303.233.166.219)	(97.351.433.026.465)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(87.303.233.166.219)*	*(97.351.433.026.465)*
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**5.113.117.029.580**	**3.242.147.336.327**
90	**IV. TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**740.951.786.630**	**(3.980.812.618.565)**
101	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**881.175.660.472**	**4.861.988.279.037**
101.1	Tiền		734.466.660.472	2.667.988.279.037
101.2	Các khoản tương đương tiền		146.709.000.000	2.194.000.000.000
103	**VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**1.622.127.447.102**	**881.175.660.472**
103.1	Tiền		1.622.127.447.102	734.466.660.472
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	146.709.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		369.902.746.664.095	299.586.874.746.888
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(369.149.219.400.368)	(295.335.786.066.970)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		428.051.754.076.882	801.109.265.214.783
07.1	4. Tăng/(giảm) tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		80.287.049.405	(87.290.482.217)
08	5. Tiền chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(426.829.819.130.514)	(806.204.315.459.249)
11	6. Tiền chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(22.330.285.750)	(22.499.840.585)
14	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		3.209.616.607.314	4.446.013.857.590
15	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(3.209.616.615.564)	(4.446.294.291.207)
20	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**2.033.418.965.500**	**(954.032.320.967)**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**5.412.854.193.669**	**6.366.886.514.636**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		5.412.854.193.669	6.366.886.514.636
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.163.893.199.315	4.335.470.285.643
32.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		151.281.513.760	238.571.995.977
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.094.688.500.833	1.792.222.791.362
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		2.799.101.528	149.129.804
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		191.878.233	472.311.850
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**		**7.446.273.159.169**	**5.412.854.193.669**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		7.446.273.159.169	5.412.854.193.669
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	5.250.065.410.524	4.163.893.199.315
42.1	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	25.9	231.568.563.165	151.281.513.760
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.9	1.964.322.159.675	1.094.688.500.833
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		125.155.822	2.799.101.528
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	25.10	191.869.983	191.878.233

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoài	Bà Nguyễn Thị Hương	Ông Nguyễn Vũ Long

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**16.507.819.526.994**	**19.715.068.693.211**	**4.845.468.167.763**	**(1.638.219.001.546)**	**2.042.639.321.891**	**(854.799.476.738)**	**19.715.068.693.211**	**20.902.908.538.364**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.2	12.178.398.511.540	15.222.828.001.540	3.044.558.990.000	(129.500.000)	-	-	15.222.828.001.540	15.222.828.001.540
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		*12.178.440.090.000*	*15.222.999.080.000*	*3.044.558.990.000*	-	-	-	*15.222.999.080.000*	*15.222.999.080.000*
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		*(41.578.460)*	*(171.078.460)*	-	*(129.500.000)*	-	-	*(171.078.460)*	*(171.078.460)*
2. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	4.329.421.015.454	4.492.240.691.671	1.800.909.177.763	(1.638.089.501.546)	2.042.639.321.891	(854.799.476.738)	4.492.240.691.671	5.680.080.538.824
2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		*3.938.036.504.694*	*4.183.340.328.462*	*1.800.909.177.763*	*(1.555.605.353.995)*	*2.042.639.321.891*	*(834.245.182.131)*	*4.183.340.328.462*	*5.391.734.468.222*
2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		*391.384.510.760*	*308.900.363.209*	-	*(82.484.147.551)*	-	*(20.554.294.607)*	*308.900.363.209*	*288.346.088.602*
TỔNG CỘNG	**24.2**	**16.507.819.526.994**	**19.715.068.693.211**	**4.845.468.167.763**	**(1.638.219.001.546)**	**2.042.639.321.891**	**(854.799.476.738)**	**19.715.068.693.211**	**20.902.908.538.364**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoài	Bà Nguyễn Thị Hương	Ông Nguyễn Vũ Long

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 08 năm 2025, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 70/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 08 năm 2025).

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh, ứng trước tiền bán chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của công ty là 15.222.999.080.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.222.999.080.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các chi nhánh tại Thanh Xuân – Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An, Cần Thơ, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Huế và các phòng giao dịch tại Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 967 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.077 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 15.222.999.080.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 20.902.908.538.364 đồng và tổng tài sản là 51.628.903.137.232 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ("Thông tư 121") ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán, được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 và bởi Điều 14, Thông tư 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 121 và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

Tên công ty	*Được thành lập theo*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Vốn điều lệ*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 3833/GP-UB ngày 01 tháng 08 năm 1996 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 41A/GPĐC33/KDBH ngày 13 tháng 03 năm 2025	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật	1.205.921.290.000 VND	20%	20%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính*

Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)*

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
   - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
   - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
   - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
   - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
   - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL"*.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính"*.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính"*.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,00%/tổng dư nợ cho vay trong năm 2025 (0,75%/tổng dư nợ cho vay trong năm 2024), không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết (ngoại trừ trái phiếu) trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC"), căn cứ vào báo cáo tài chính của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Đối với trái phiếu Chính phủ, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Đối với trái phiếu chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

4.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

4.9.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư công ty liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Phương pháp giá gốc

Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Theo phương pháp giá gốc, nhà đầu tư ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Nhà đầu tư chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động khoản được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 *Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn* (tiếp theo)

4.9.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do đơn vị đầu tư bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.10 *Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dịch vụ khác"*.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.12 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Phần mềm	03 - 10 năm

4.14 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao hoặc hao mòn của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.16 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 *Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi*

Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay ngắn hạn và dài hạn. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu và trừ (-) Chi phí phát hành trái phiếu. Số dư trái phiếu phát hành được Công ty phân loại ngắn hạn và dài hạn dựa theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu tại ngày cuối năm và đầu năm.

Công ty sử dụng phương pháp đường thẳng để phân bổ chi phí phát hành trái phiếu và chiết khấu hoặc phụ trội, cụ thể: chi phí phát hành trái phiếu và các khoản chiết khấu hoặc phụ trội được phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu

4.18 *Chứng quyền mua có bảo đảm*

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là một chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó tại mức giá đã xác định trước (giá thực hiện) và tại thời điểm đã được xác định trước (ngày đáo hạn), hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị thị trường. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào *"Lãi từ các các tài sản tài chính FVTPL"* (chi tiết *"Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"*). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào *"Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL"* (chi tiết *"Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành"*).

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào *"Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL"* của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục *"Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL"* hoặc *"Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL"* tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền mua có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ FVTPL.

4.19 *Chi phí phải trả*

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội (từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 là Bộ Nội vụ). Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên theo các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.20.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.20.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Nghị định số 28/2015/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp và Điều 57, Luật việc làm số 38/2013/QH13, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.22 Hợp đồng phái sinh tiền tệ

Công ty tham gia vào các giao dịch tiền tệ với các ngân hàng cung cấp dịch vụ (giao dịch mua bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ, v.v.) cho mục đích phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro về tỷ giá, lãi suất và dòng tiền trong tương lai. Lãi/lỗ phát sinh từ giao dịch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.24 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 *Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.26 *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 *Thuế thu nhập doanh nghiệp* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.27 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.28 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.29 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho các đối tác, nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.30 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.31 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền	1.622.127.447.102	734.466.660.472
- *Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK*	*1.622.095.718.313*	*733.705.141.683*
- *Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán*	*31.728.789*	*761.518.789*
Các khoản tương đương tiền	-	146.709.000.000
- *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng*	-	*146.709.000.000*
Tổng cộng	**1.622.127.447.102**	**881.175.660.472**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	*Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)*
a. Của Công ty	**3.245.512.986**	**443.691.475**
- Cổ phiếu	418.091.492	13.625.080
- Trái phiếu	2.509.602.024	419.854.577
- Chứng khoán khác	317.819.470	10.211.818
b. Của Nhà đầu tư	**37.092.937.766**	**1.564.948.556**
- Cổ phiếu	35.024.856.554	783.798.306
- Trái phiếu	236.643.662	63.159.383
- Chứng khoán khác	1.831.437.550	717.990.867
Tổng cộng	**40.338.450.752**	**2.008.640.031**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.6.*

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục *"Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp"* trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ("CCQ") niêm yết	**964.009.710.191**	**926.680.824.283**	**1.442.424.222.565**	**1.438.820.196.532**
HSG	553.871.356.530	477.280.377.000	379.132.047.230	379.168.090.200
MWG	119.970.470.802	136.056.116.014	1.596.974.524	1.675.182.000
REE	127.093.200.013	117.494.845.000	6.859.761.913	6.949.225.500
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	163.074.682.846	195.849.486.269	1.054.835.438.898	1.051.027.698.832
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	**194.167.754.346**	**202.028.909.938**	-	-
MWG	60.158.086.322	68.224.084.786	-	-
FPT	30.071.623.681	30.138.680.000	-	-
MSN	30.473.430.052	30.035.133.333	-	-
Cổ phiếu khác	73.464.614.291	73.631.011.819	-	-
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	**1.020.097.693.778**	**1.062.818.366.594**	**1.905.644.964.885**	**1.900.049.784.551**
TNRE	507.240.000.000	507.240.000.000	1.349.490.000.000	1.349.490.000.000
VNDBF	105.200.000.000	149.146.368.970	105.200.000.000	139.756.022.602
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ khác	407.657.693.778	406.431.997.624	450.954.964.885	410.803.761.949
Trái phiếu niêm yết	**5.280.764.039.009**	**5.237.411.820.332**	**3.985.606.183.773**	**3.987.783.221.122**
Trái phiếu chưa niêm yết	**9.277.278.073.565**	**9.277.278.073.565**	**10.630.536.085.581**	**10.630.536.085.581**
Chứng chỉ tiền gửi	**5.831.260.299.430**	**5.831.260.299.430**	**6.562.010.719.000**	**6.562.010.719.000**
Tổng cộng	**22.567.577.570.319**	**22.537.478.294.142**	**24.526.222.175.804**	**24.519.200.006.786**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.2 *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (*)	8.558.266.000.000	5.560.973.000.000
Tổng cộng	**8.558.266.000.000**	**5.560.973.000.000**

(*) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,50%/năm đến 7,25%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,60%/năm đến 8,00%/năm).

7.3 *Các khoản cho vay*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị hợp lý (*)*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị hợp lý (*)*
Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	13.647.051.723.599	13.616.129.001.775	10.148.543.290.594	10.106.403.813.017
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	672.052.863.604	672.052.863.604	195.084.694.698	195.084.694.698
Tổng cộng	**14.319.104.587.203**	**14.288.181.865.379**	**10.343.627.985.292**	**10.301.488.507.715**

(*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 *Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (FVTPL)*

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	*Giá mua/Giá gốc*	*Chênh lệch đánh giá*		*Giá trị đánh giá lại*
		Chênh lệch tăng	*Chênh lệch giảm*	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**22.567.577.570.319**	**159.007.119.594**	**(189.106.395.771)**	**22.537.478.294.142**
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	964.009.710.191	54.166.023.145	(91.494.909.053)	926.680.824.283
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	194.167.754.346	9.314.308.652	(1.453.153.060)	202.028.909.938
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.020.097.693.778	93.191.300.470	(50.470.627.654)	1.062.818.366.594
Trái phiếu niêm yết	5.280.764.039.009	2.335.487.327	(45.687.706.004)	5.237.411.820.332
Trái phiếu chưa niêm yết	9.277.278.073.565	-	-	9.277.278.073.565
Chứng chỉ tiền gửi	5.831.260.299.430	-	-	5.831.260.299.430
Tổng cộng	**22.567.577.570.319**	**159.007.119.594**	**(189.106.395.771)**	**22.537.478.294.142**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**24.526.222.175.804**	**114.532.902.584**	**(121.555.071.602)**	**24.519.200.006.786**
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.442.424.222.565	43.596.392.383	(47.200.418.416)	1.438.820.196.532
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.905.644.964.885	68.276.753.849	(73.871.934.183)	1.900.049.784.551
Trái phiếu niêm yết	3.985.606.183.773	2.659.756.352	(482.719.003)	3.987.783.221.122
Trái phiếu chưa niêm yết	10.630.536.085.581	-	-	10.630.536.085.581
Chứng chỉ tiền gửi	6.562.010.719.000	-	-	6.562.010.719.000
Tổng cộng	**24.526.222.175.804**	**114.532.902.584**	**(121.555.071.602)**	**24.519.200.006.786**

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	30.922.721.824	122.288.257.021
- *Dự phòng cụ thể*	*30.922.721.824*	*42.139.477.577*
- *Dự phòng chung*	-	*80.148.779.444*
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính FVTPL	48.216.413.920	-
Tổng cộng	**79.139.135.744**	**122.288.257.021**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**3.523.045.912.268**	**1.752.664.385.008**
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	2.312.195.483.495	555.540.757.453
Trong đó:		
- Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	*707.191.439.725*	*555.540.757.453*
- Các khoản phải thu tài sản tài chính đáo hạn nhưng chưa thu được	*1.605.004.043.770*	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.273.842.777.375	1.172.704.626.322
Trong đó:		
- Các khoản phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	*186.417.958.887*	*95.427.412.362*
- Các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	*1.087.424.818.488*	*1.077.277.213.960*
3. Trả trước cho người bán	23.694.230.426	31.617.305.015
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	342.256.696.741	178.047.781.530
5. Các khoản phải thu khác	7.021.421.251	7.902.515.693
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(435.964.697.020)	(193.148.601.005)
Dài hạn	**23.289.567.124**	**91.716.310.944**
1. Các khoản phải thu dài hạn	23.289.567.124	91.716.310.944
Tổng cộng	**3.546.335.479.392**	**1.844.380.695.952**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Phát sinh trong năm*		*Số cuối năm*	
	Giá trị phải thu khó đòi	*Số dự phòng*	*Số trích lập*	*Số hoàn nhập*	*Giá trị phải thu khó đòi*	*Số dự phòng*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	229.575.723.006	96.602.831.426	265.793.054.683	-	1.834.645.162.916	362.395.886.109
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam	86.013.698.630	43.006.849.315	-	(43.006.849.315)	-	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1	58.800.000.000	29.400.000.000	11.760.000.000	-	58.800.000.000	41.160.000.000
Các đối tượng khác	67.340.000.875	24.138.920.264	25.597.980.370	(17.328.089.723)	68.217.525.392	32.408.810.911
Tổng cộng	**441.729.422.511**	**193.148.601.005**	**303.151.035.053**	**(60.334.939.038)**	**1.961.662.688.308**	**435.964.697.020**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	2.544.420.000	3.531.018.600
Chi phí phần mềm	7.599.396.071	15.229.106.403
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	29.036.830	32.317.811
Chi phí khác	8.487.655.087	13.778.150.052
Trong đó:		
- Dịch vụ, bảo hiểm rủi ro an ninh mạng	*3.514.140.868*	*4.601.828.000*
- Các dịch vụ khác	*4.973.514.219*	*9.176.322.052*
Tổng cộng	**18.660.507.988**	**32.570.592.866**
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.948.644.232	6.598.352.614
Chi phí phần mềm	16.305.099.281	18.575.399.448
Công cụ dụng cụ	948.326.520	1.557.628.255
Chi phí khác	38.566.910.727	899.485.031
Trong đó:		
- Dịch vụ công nghệ thông tin	*35.219.906.653*	-
- Các dịch vụ khác	*3.347.004.074*	*899.485.031*
Tổng cộng	**57.768.980.760**	**27.630.865.348**

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	-	80.000.000.000
Các đối tượng khác	1.658.760.000	26.245.970.000
Tổng cộng	**1.658.760.000**	**106.245.970.000**
b. Dài hạn		
Các đối tượng khác	2.233.972.428	3.104.972.428
Tổng cộng	**2.233.972.428**	**3.104.972.428**

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT, ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	836.115.332.000	-	836.115.332.000	914.505.332.000	-	914.505.332.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	*836.115.332.000*	-	*836.115.332.000*	*836.115.332.000*	-	*836.115.332.000*
- Công ty Cổ phần Ẩm Thực Mặt Trời Vàng	-	-	-	*78.390.000.000*	-	*78.390.000.000*
Đầu tư dài hạn khác	7.993.800.000	-	7.993.800.000	34.158.520.000	(4.229.391.388)	29.929.128.612
Tổng cộng	**844.109.132.000**	**-**	**844.109.132.000**	**948.663.852.000**	**(4.229.391.388)**	**944.434.460.612**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ") HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Dụng cụ quản lý*	*Phương tiện vận tải, truyền dẫn*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	22.312.126.483	176.498.967.337	6.460.180.940	205.271.274.760
Tăng trong năm	-	10.140.695.000	5.110.046.080	15.250.741.080
Thanh lý trong năm	-	(15.180.952.059)	-	(15.180.952.059)
Số dư cuối năm	**22.312.126.483**	**171.458.710.278**	**11.570.227.020**	**205.341.063.781**
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	22.112.573.384	140.533.527.968	1.664.741.326	164.310.842.678
Khấu hao trong năm	199.553.099	32.844.107.404	1.071.855.268	34.115.515.771
Thanh lý trong năm	-	(15.174.847.160)	-	(15.174.847.160)
Số dư cuối năm	**22.312.126.483**	**158.202.788.212**	**2.736.596.594**	**183.251.511.289**
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	**199.553.099**	**35.965.439.369**	**4.795.439.614**	**40.960.432.082**
Số dư cuối năm	**-**	**13.255.922.066**	**8.833.630.426**	**22.089.552.492**

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	140.938.832.728	110.670.016.610

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	182.797.824.279
Tăng trong năm	51.203.134.931
Số dư cuối năm	**234.000.959.210**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	139.669.002.511
Hao mòn trong năm	30.615.233.955
Số dư cuối năm	**170.284.236.466**
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	**43.128.821.768**
Số dư cuối năm	**63.716.722.744**

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	125.499.097.517	98.171.659.614

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh		
- *Tiền nộp ban đầu*	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*

17. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đang cầm cố các tài sản sau cho các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

Tài sản	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*	*Mục đích đảm bảo*
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	17.485.000.000.000	15.049.000.000.000	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	**17.485.000.000.000**	**15.049.000.000.000**	

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất %/năm	*Số đầu năm*	*Số vay trong năm*	*Số đã trả trong năm*	*Số cuối năm*
Các khoản vay ngắn hạn bằng VND	**2,25% - 8,0%**	**22.436.244.635.316**	**148.173.922.411.345**	**(144.147.291.427.765)**	**26.462.875.618.896**
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		*4.876.000.000.000*	*13.754.500.000.000*	*(13.330.000.000.000)*	*5.300.500.000.000*
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		*4.582.199.999.945*	*48.631.054.434.175*	*(48.266.254.434.120)*	*4.947.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		*4.050.000.000.000*	*30.266.000.000.000*	*(31.316.000.000.000)*	*3.000.000.000.000*
- Các tổ chức tín dụng khác		*8.307.274.436.862*	*52.716.896.300.886*	*(48.452.329.241.411)*	*12.571.841.496.337*
- Vay khác		*620.770.198.509*	*2.805.471.676.284*	*(2.782.707.752.234)*	*643.534.122.559*
Tổng cộng (*)		**22.436.244.635.316**	**148.173.922.411.345**	**(144.147.291.427.765)**	**26.462.875.618.896**

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	249.868.284.931	400.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.997.859.401.960	-
Tổng cộng (*)	**2.247.727.686.891**	**400.000.000.000**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc từ 12 đến 36 tháng với lãi suất 7,50%/năm đến 8,30%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn gốc là 36 tháng với lãi suất 7,58%/năm).

Chi tiết các mã trái phiếu ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã trái phiếu	*Ngày phát hành*	*Ngày đáo hạn*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn			
VND32501	27/08/2025	27/08/2026	250.000.000.000
Giá trị theo mệnh giá			**250.000.000.000**
Chi phí Phát hành			(131.715.069)
Giá trị ghi sổ			**249.868.284.931**
Dài hạn			
VND125032	12/12/2025	12/12/2027	999.390.000.000
VND125033	12/12/2025	12/12/2028	999.015.000.000
Giá trị theo mệnh giá			**1.998.405.000.000**
Chi phí Phát hành			(545.598.040)
Giá trị ghi sổ			**1.997.859.401.960**

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSDC	21.648.147.999	14.441.398.117
Phải trả mua các tài sản tài chính (*)	1.025.638.143.672	1.099.034.568.180
Phải trả chứng quyền đang lưu hành (**)	44.264.198.000	-
Tổng cộng	**1.091.550.489.671**	**1.113.475.966.297**

(*) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

(**) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
Mã chứng quyền	*Số lượng được phép phát hành*	*Số lượng đang lưu hành*	*Số lượng được phép phát hành*	*Số lượng đang lưu hành*
CACB2513	10.000.000	1.956.400	-	-
CACB2514	10.000.000	61.100	-	-
CACB2515	10.000.000	35.000	-	-
CFPT2527	10.000.000	2.212.200	-	-
CFPT2528	10.000.000	572.000	-	-
CFPT2529	10.000.000	57.000	-	-
CHDB2507	10.000.000	700.900	-	-
CHDB2508	10.000.000	195.400	-	-
CHDB2509	10.000.000	20.300	-	-
CHPG2537	10.000.000	1.191.800	-	-
CHPG2538	10.000.000	842.700	-	-
CHPG2539	10.000.000	387.300	-	-
CMBB2519	10.000.000	2.422.200	-	-
CMBB2520	10.000.000	141.500	-	-
CMBB2521	10.000.000	2.100	-	-
CMSN2521	10.000.000	10.000.000	-	-
CMSN2522	10.000.000	1.645.500	-	-
CMWG2523	10.000.000	3.489.400	-	-
CMWG2524	10.000.000	1.200	-	-
CMWG2525	10.000.000	18.200	-	-
CSTB2531	10.000.000	472.400	-	-
CSTB2532	10.000.000	17.200	-	-
CSTB2533	10.000.000	3.800	-	-
CTCB2519	10.000.000	3.543.100	-	-
CTCB2520	10.000.000	64.900	-	-
CTCB2521	10.000.000	12.000	-	-
CVIB2512	10.000.000	628.700	-	-
CVIB2513	10.000.000	130.600	-	-
CVNM2522	10.000.000	721.200	-	-
CVNM2523	10.000.000	95.200	-	-
CVPB2527	10.000.000	1.381.200	-	-
CVPB2528	10.000.000	42.500	-	-
Tổng cộng	**320.000.000**	**33.065.000**	**-**	**-**

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	*Số đầu năm*	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	136.242.736	4.885.121.893	(2.678.836.163)	2.342.528.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 30.1)*	199.821.282.832	491.182.493.474	(304.961.865.891)	386.041.910.415
Thuế thu nhập cá nhân	32.170.955.347	610.778.785.487	(598.740.797.934)	44.208.942.900
Các loại thuế khác	4.454.920.457	57.329.507.371	(59.821.651.636)	1.962.776.192
Tổng cộng	**236.583.401.372**	**1.164.175.908.225**	**(966.203.151.624)**	**434.556.157.973**

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng và các đối tượng khác	50.225.790.661	31.474.821.610
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	15.448.325.752	24.904.111.453
Chi phí phải trả khác	5.274.641.510	2.016.590.021
Tổng cộng	**70.948.757.923**	**58.395.523.084**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	(6.019.855.255)	(1.404.433.823)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	(523.152.220)	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước khi phân loại từ tài sản tài chính FVTPL sang đầu tư công ty liên kết	78.629.524.624	78.629.524.624
Tổng cộng	**72.086.517.149**	**77.225.090.801**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	5.391.734.468.222	4.183.340.328.462
Lợi nhuận chưa thực hiện	288.346.068.602	308.900.363.209
Tổng cộng	**5.680.080.536.824**	**4.492.240.691.671**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Ngày 01 tháng 01 năm 2025	**15.222.999.080.000**	**(171.078.460)**	**4.492.240.691.671**	**19.715.068.693.211**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	2.022.085.027.284	2.022.085.027.284
Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(73.095.228.131)	(73.095.228.131)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	**15.222.999.080.000**	**(171.078.460)**	**5.680.080.536.824**	**20.902.908.538.364**
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	**12.178.440.090.000**	**(41.578.460)**	**4.329.421.015.454**	**16.507.819.526.994**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	1.718.425.030.212	1.718.425.030.212
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	608.892.670.000	-	(608.892.670.000)	-
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm	2.435.666.320.000	-	-	2.435.666.320.000
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(129.500.000)	-	(129.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(185.562.729.995)	(185.562.729.995)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**15.222.999.080.000**	**(171.078.460)**	**4.492.240.691.671**	**19.715.068.693.211**

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị năm 2025 số 581-2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2025 về việc trả cổ tức bằng tiền năm 2024.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 500/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2025 về việc trích lập quỹ khen thưởng năm 2024.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.3 *Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 01/01/2025 và 01/01/2024)	4.183.340.328.462	3.938.036.504.694
2. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	2.042.639.321.891	1.800.909.177.763
3. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((3)=(1)+(2))	6.225.979.650.353	5.738.945.682.457
4. Số trích từ lợi nhuận	(73.095.228.131)	(185.562.729.995)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(73.095.228.131)	*(185.562.729.995)*
5. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(761.149.954.000)	(761.149.954.000)
6. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	(22.623.035.675)	(23.265.959.875)
7. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn ((7)=(5)-(6))	(738.526.918.325)	(737.883.994.125)

24.4 *Cổ phiếu*

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**1.522.299.908**	**1.522.299.908**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.522.299.908	1.522.299.908
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.522.299.908*	*1.522.299.908*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.522.299.908**	**1.522.299.908**
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1.522.299.908*	*1.522.299.908*

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

25.1 *Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	16.422.611.930.000	8.204.492.170.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.817.160.550.000	2.241.160.550.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	745.000.000.000	70.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	54.811.500.000	465.829.000.000
Tổng cộng	**19.039.583.980.000**	**10.981.481.720.000**

25.2 *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	540.000.000	325.032.290.000
Tổng cộng	**540.000.000**	**325.032.290.000**

25.3 *Tài sản tài chính chờ về của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu và chứng quyền	22.983.300.000	960.000.000
Trái phiếu	1.006.174.300.000	1.055.853.400.000
Tổng cộng	**1.029.157.600.000**	**1.056.813.400.000**

25.4 *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chứng chỉ quỹ	216.098.350.000	236.098.350.000
Cổ phiếu	480.702.920.000	1.366.773.540.000
Trái phiếu	6.408.200.000.000	3.790.401.000.000
Tổng cộng	**7.105.001.270.000**	**5.393.272.890.000**

25.5 *Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	288.560.000	707.970.000

25.6 *Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền và chứng chỉ quỹ	775.077.266.500	560.198.130.000

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.7 *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chứng chỉ quỹ	384.330.214.000	378.888.461.000
Cổ phiếu	48.925.961.690.000	35.974.604.770.000
Trái phiếu	1.000.000.000	199.895.000.000
Tổng cộng	**49.311.291.904.000**	**36.553.388.231.000**

25.8 *Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	62.942.590.000	195.075.580.000

25.9 *Tiền gửi của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.250.065.410.524	4.163.893.199.315
- *Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*4.788.388.946.951*	*3.800.333.368.464*
- *Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*461.676.463.573*	*363.559.830.851*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	231.568.563.165	151.281.513.760
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.964.322.159.675	1.094.688.500.833
Tổng cộng	**7.445.956.133.364**	**5.409.863.213.908**

25.10 *Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu của Tổ chức phát hành	191.869.983	191.878.233

25.11 *Phải trả Nhà đầu tư của CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	7.446.081.289.186	5.412.662.315.436
- *Nhà đầu tư trong nước*	6.752.836.262.448	*4.897.820.970.825*
- *Nhà đầu tư nước ngoài*	461.676.463.573	*363.559.830.851*
- *Phải trả tiền ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC*	231.568.563.165	*151.281.513.760*
Tổng cộng	**7.446.081.289.186**	**5.412.662.315.436**

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.12 *Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	191.869.983	191.878.233

25.13 *Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả phí lưu ký, môi giới chứng khoán	13.249.134.345	1.171.173.917

25.14 *Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả nghiệp vụ margin	**14.025.562.882.741**	**10.533.558.578.399**
Phải trả gốc margin *(Thuyết minh số 7.3)*	13.647.051.723.599	10.148.543.290.594
- *Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước*	*13.647.051.723.599*	*10.148.543.290.594*
Phải trả lãi margin	378.511.159.142	385.015.287.805
- *Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước*	*378.511.159.142*	*385.015.287.805*
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán *(Thuyết minh 7.3)*	**672.052.863.604**	**195.084.694.698**
- *Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước*	*671.482.905.802*	*195.081.465.423*
- *Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài*	*569.957.802*	*3.229.275*
Tổng cộng	**14.697.615.746.345**	**10.728.643.273.097**

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1 *Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL*

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	**LÃI BÁN**						
1	Cổ phiếu niêm yết	122.786.398	33.114	4.065.974.465.250	3.677.322.987.810	388.651.477.440	197.163.586.801
2	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	480.615.507	10.436	5.015.642.477.200	5.002.426.701.001	13.215.776.199	27.873.536
3	Trái phiếu niêm yết	413.159.611	106.147	43.855.812.054.405	43.679.909.637.753	175.902.416.652	95.571.193.438
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	131.783.891	983.732	129.640.046.347.418	128.289.796.856.967	1.350.249.490.451	1.229.251.916.435
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	80.678.350.000	64.500.740.000
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	84.799.700	1.589	134.720.558.000	139.670.352.000	4.949.794.000	53.929.725.154
	Tổng lãi bán	**1.233.145.107**		**182.712.195.902.273**	**180.789.126.535.531**	**2.013.647.304.742**	**1.640.445.035.364**
II	**LỖ BÁN**						
1	Cổ phiếu niêm yết	95.043.324	31.628	3.006.006.717.230	3.160.778.826.390	(154.772.109.160)	(86.462.993.256)
2	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.002.326	10.565	528.258.508.700	528.734.093.129	(475.584.429)	(86.725.665.800)
3	Trái phiếu niêm yết	746.689.262	119.934	89.553.533.804.077	89.696.879.283.868	(143.345.479.791)	(78.286.664.272)
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ tiền gửi	9.495.867	1.287.406	12.225.039.191.276	12.352.829.512.412	(127.790.321.136)	(103.937.373.476)
5	Hợp đồng tương lai chỉ số	-	-	-	-	(56.565.480.000)	(54.587.650.000)
6	Chứng quyền phát hành niêm yết	55.513.300	1.870	103.824.425.000	98.022.791.100	(6.595.233.900)	(43.950.099.400)
	Tổng lỗ bán	**956.744.079**		**105.416.662.646.283**	**105.837.244.506.899**	**(489.544.208.416)**	**(453.950.446.204)**
	Tổng cộng	**2.189.889.186**		**288.128.858.548.556**	**286.626.371.042.430**	**1.524.103.096.326**	**1.186.494.589.160**

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 *Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính*

Đơn vị tính: VND

STT	*Danh mục các loại tài sản tài chính*	*Giá trị mua theo sổ kế toán*	*Giá trị thị trường*	*Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm*	*Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm*	*Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm*
I	**FVTPL**					
1	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	964.009.710.191	926.680.824.283	(37.328.885.908)	(3.604.026.033)	(33.724.859.875)
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	194.167.754.346	202.028.909.938	7.861.155.592	-	7.861.155.592
3	Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.020.097.693.778	1.062.818.366.594	42.720.672.816	(5.595.180.334)	48.315.853.150
4	Trái phiếu niêm yết	5.280.764.039.009	5.237.411.820.332	(43.352.218.677)	2.177.037.349	(45.529.256.026)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	9.277.278.073.565	9.277.278.073.565	-	-	-
6	Chứng chỉ tiền gửi	5.831.260.299.430	5.831.260.299.430	-	-	-
	Tổng cộng	**22.567.577.570.319**	**22.537.478.294.142**	**(30.099.276.177)**	**(7.022.169.018)**	**(23.077.107.159)**

Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chênh lệch tăng về đánh giá lại	1.048.917.795.753
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại	1.071.994.902.912
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	**(23.077.107.159)**

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 *Chênh lệch về đánh giá chênh lệch phải trả chứng quyền*

Đơn vị tính: VND

STT	*Danh mục các loại chứng quyền công ty phát hành*	*Giá trị phát hành theo sổ kế toán*	*Giá trị thị trường*	*Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm*	*Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm*	*Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm*
I	**Loại Chứng quyền**					
1	CACB2513	1.662.630.500	1.545.556.000	117.074.500	-	117.074.500
2	CACB2514	99.560.100	98.982.000	578.100	-	578.100
3	CACB2515	104.959.200	104.300.000	659.200	-	659.200
4	CFPT2527	3.356.988.900	3.451.032.000	(94.043.100)	-	(94.043.100)
5	CFPT2528	1.476.515.200	1.515.800.000	(39.284.800)	-	(39.284.800)
6	CFPT2529	220.562.300	219.450.000	1.112.300	-	1.112.300
7	CHDB2507	974.572.100	1.815.331.000	(840.758.900)	-	(840.758.900)
8	CHDB2508	570.117.300	654.590.000	(84.472.700)	-	(84.472.700)
9	CHDB2509	70.413.700	83.839.000	(13.425.300)	-	(13.425.300)
10	CHPG2537	1.269.504.700	1.156.046.000	113.458.700	-	113.458.700
11	CHPG2538	1.915.295.800	1.702.254.000	213.041.800	-	213.041.800
12	CHPG2539	1.146.557.200	1.037.964.000	108.593.200	-	108.593.200
13	CMBB2519	2.040.013.400	2.107.314.000	(67.300.600)	-	(67.300.600)
14	CMBB2520	274.371.400	278.755.000	(4.383.600)	-	(4.383.600)
15	CMBB2521	5.441.500	5.355.000	86.500	-	86.500
16	CMSN2521	8.555.473.300	7.500.000.000	1.055.473.300	-	1.055.473.300
17	CMSN2522	1.644.094.200	1.694.865.000	(50.770.800)	-	(50.770.800)
18	CMWG2523	10.620.972.300	13.608.660.000	(2.987.687.700)	-	(2.987.687.700)
19	CMWG2524	4.889.400	5.124.000	(234.600)	-	(234.600)
20	CMWG2525	121.937.500	126.672.000	(4.734.500)	-	(4.734.500)
21	CSTB2531	512.127.600	670.808.000	(158.680.400)	-	(158.680.400)
22	CSTB2532	44.671.700	41.624.000	3.047.700	-	3.047.700
23	CSTB2533	15.499.100	15.010.000	489.100	-	489.100
24	CTCB2519	1.682.842.000	1.629.826.000	53.016.000	-	53.016.000
25	CTCB2520	174.150.600	175.879.000	(1.728.400)	-	(1.728.400)
26	CTCB2521	56.540.700	58.320.000	(1.779.300)	-	(1.779.300)
27	CVIB2512	712.168.600	723.005.000	(10.836.400)	-	(10.836.400)
28	CVIB2513	243.552.300	233.774.000	9.778.300	-	9.778.300
29	CVNM2522	805.271.600	771.684.000	33.587.600	-	33.587.600
30	CVNM2523	177.716.900	161.840.000	15.876.900	-	15.876.900
31	CVPB2527	1.010.449.400	994.464.000	15.985.400	-	15.985.400
32	CVPB2528	78.576.400	76.075.000	2.501.400	-	2.501.400
	Tổng cộng	**41.648.436.900**	**44.264.198.000**	**(2.615.761.100)**	**-**	**(2.615.761.100)**

26. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.4 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Từ tài sản tài chính FVTPL	388.307.528.735	414.018.946.216
Từ tài sản tài chính HTM	551.950.701.761	421.441.706.902
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.393.607.927.218	1.254.855.005.185
Tổng cộng	**2.333.866.157.714**	**2.090.315.658.303**

27. CHI PHÍ/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(91.365.535.197)	2.910.349.397
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về tiền lãi từ các tài sản tài chính và phải thu	204.728.907.062	127.410.766.867
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	48.216.413.920	-
Tổng cộng	**161.579.785.785**	**130.321.116.264**

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí hoạt động tự doanh	40.607.397.984	51.389.156.101
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	627.895.910.619	468.171.485.937
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	13.403.350.019	9.043.509.778
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.108.308.006	480.280.308
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28.271.381.959	30.514.060.783
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20.124.045.145	31.537.599.000
Chi phí dịch vụ khác	86.744.072.757	139.401.770.807
Tổng cộng	**823.154.466.489**	**730.537.862.714**

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí môi giới chứng khoán	492.235.784.629	316.264.120.175
Chi phí hoạt động lưu ký	28.271.381.959	30.006.499.131
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	197.324.438.146	240.947.633.622
Chi phí văn phòng phẩm	191.279.288	165.227.824
Chi phí công cụ, dụng cụ	393.604.656	1.411.889.890
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	67.605.466	339.660.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.203.092.223	5.280.787.810
Chi phí khác	46.360.016.169	76.000.881.352
Chi phí dự phòng và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán	38.107.263.953	60.121.162.709
Tổng cộng	**823.154.466.489**	**730.537.862.714**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương và các khoản phúc lợi	164.333.033.198	78.010.921.214
Chi phí thuê văn phòng	60.106.838.212	50.849.875.914
Chi phí văn phòng phẩm	518.912.455	489.785.450
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.141.152.473	2.475.393.572
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	64.663.144.260	59.490.368.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.392.892.278	261.950.840.876
Chi phí khác	93.929.100	44.350.000
Tổng cộng	**473.249.901.976**	**453.311.535.893**

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần trước thuế	**2.508.128.947.106**	**2.088.324.132.297**
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	***(52.919.395.199)***	***15.165.553.942***
Các khoản điều chỉnh tăng	1.127.284.002.442	814.037.317.987
- *Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*5.055.292.800*	*54.671.174.200*
- *Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL*	*1.071.994.902.912*	*752.023.183.659*
- *Chi phí dự phòng các khoản cho vay*	-	*2.910.349.397*
- *Chi phí không được trừ khi tính thuế*	*50.233.806.730*	*4.432.610.731*
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.180.203.397.641)	(798.871.764.045)
- *Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức*	*(37.480.534.991)*	*(95.282.590.625)*
- *Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL*	*(1.048.917.795.753)*	*(653.743.694.020)*
- *Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay*	*(91.365.535.197)*	-
- *Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*	*(2.439.531.700)*	*(49.845.479.400)*
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**2.455.209.551.907**	**2.103.489.686.239**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**491.041.910.381**	**420.697.937.248**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	199.821.282.832	195.241.321.844
Điều chỉnh thuế các năm trước	140.583.093	(30.177.796.275)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(304.961.865.891)	(385.940.177.985)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**386.041.910.415**	**199.821.282.832**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

30.2 *Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại*

Biến động của thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	77.225.090.801	97.846.127.689
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(4.615.421.432)	(19.655.897.928)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(523.152.220)	(965.138.960)
Số dư cuối năm	**72.086.517.149**	**77.225.090.801**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(4.615.421.432)	(19.655.897.928)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	(523.152.220)	(965.138.960)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	**(5.138.573.652)**	**(20.621.036.888)**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2025. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	2.022.085.027.284	1.718.425.030.212
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	-	(73.095.228.131)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	2.022.085.027.284	1.645.329.802.081
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – Cổ phiếu (*)	1.522.299.908	1.376.559.218
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – VND/Cổ phiếu (*)	1.328	1.195

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2024 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2025.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	*Mối quan hệ*
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Công ty liên kết
	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc thường trực, Giám đốc Quản trị hoạt động Công ty, người phụ trách Quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của bên liên quan
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan
	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
	Cổ đông sở hữu trên 10% số phiếu có quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư IPA	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT, người đại diện pháp luật bên liên quan
	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị IPA	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐTV, người đại diện pháp luật bên liên quan
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF)	Giám đốc Quản trị Công ty đồng thời là thành viên Ban đại diện quỹ
Công ty TNHH Quản lý đầu tư H&H	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐTV, người đại diện pháp luật bên liên quan
	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty đồng thời là Thành viên HĐTV bên liên quan

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**6.399.151.910**	**2.890.783.043**
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	3.921.491.798	130.468.720
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	1.136.902.962	1.126.665.887
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	958.421.741	1.392.380.516
Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF)	326.524.625	172.866.377
Công ty TNHH Quản lý đầu tư H&H	47.174.389	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	8.366.760	66.096.291
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	269.635	850.602
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	-	1.454.650
Mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**72.634.661.447**	**52.939.874.097**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	29.946.954.037	28.674.892.017
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị IPA	12.970.773.560	9.138.236.160
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	9.911.910.081	5.780.480.448
Công ty Cổ phần đầu tư IPA	8.160.490.825	3.050.396.366
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	6.034.562.260	536.703.474
Công ty Cổ phần giải pháp Phần mềm Tài chính	5.343.304.018	5.475.832.299
Ông Vũ Hiền	266.666.666	133.333.333
Công ty Cổ phần Ong Trung ương	-	150.000.000
Lãi tiền gửi giao dịch chứng khoán và vay khác	**7.029.986.322**	**4.986.889.868**
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	4.360.008.483	2.148.658.743
Công ty Cổ phần giải pháp Phần mềm Tài chính	2.635.998.530	2.712.078.003
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	18.547.595	12.074.053
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	13.500.309	56.723.456
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	1.099.809	34.305.425
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	722.063	22.957.700
Công ty Cổ phần đầu tư IPA	90.179	90.830
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	19.354	1.658
Lãi trái phiếu đã nhận trong năm	**119.160.588.064**	**305.341.944.096**
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	69.438.361.737	227.298.681.094
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	35.442.806.750	61.000.026.817
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	14.279.419.577	17.043.236.185

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nhận hoàn tiền ký quỹ, ký cược	**280.000.000.000**	-
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	280.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	**200.000.000.000**	-
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	200.000.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho cổ đông	**217.987.314.200**	**217.987.314.200**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	196.659.238.500	196.659.238.500
Bà Phạm Minh Hương	21.328.075.700	21.328.075.700
Nhận cổ tức đầu tư dài hạn	**990.000.000**	-
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị IPA	990.000.000	-
Giao dịch mua chứng khoán	**2.779.897.041.513**	**9.268.777.712.520**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	2.450.042.128.253	6.677.043.230.110
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	325.000.000.000	940.387.154.160
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	4.854.913.260	4.682.328.250
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	1.646.665.000.000
Giao dịch chuyển nhượng chứng khoán, cổ phần, chứng chỉ tiền gửi	**1.561.362.566.715**	**7.987.410.791.519**
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	966.463.616.400	5.347.181.802.509
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	484.507.806.750	865.788.591.520
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	109.764.893.565	-
Công ty Cổ phần đầu tư IPA	626.250.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	1.765.258.661.000
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	-	9.181.736.490
Giao dịch gốc vay trong năm	**185.921.862.738**	**126.977.798.939**
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	142.421.862.738	126.977.798.939
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	43.500.000.000	-
Giao dịch trả gốc vay trong năm	**148.726.638.688**	**73.757.600.430**
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	148.726.638.688	73.757.600.430

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu khách hàng ngắn hạn	**110.542.569**	**72.725.783**
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	62.728.055	69.042.308
Công ty TNHH quản lý đầu tư H&H	47.174.389	-
Quỹ đầu tư chủ động VND (VNDAF)	640.125	3.683.475
Phải trả người bán ngắn hạn	**4.410.653.120**	**1.825.631.940**
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị IPA	3.683.553.120	1.139.284.440
Công ty Cổ phần đầu tư IPA	727.100.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	-	386.347.500
Chi phí phải trả ngắn hạn	**795.402.650**	**165.782.993**
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA Partner	682.794.483	48.233.404
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	106.457.728	111.369.632
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	5.088.791	5.078.165
Công ty Cổ phần đầu tư IPA	1.061.648	1.101.792
Vay	**90.415.422.559**	**53.220.198.509**
Công ty Cổ phần giải pháp Phần mềm Tài chính	46.915.422.559	53.220.198.509
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	43.500.000.000	-
Mệnh giá trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	**2.070.986.000.000**	**1.530.531.500.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	2.059.486.000.000	1.050.878.200.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	11.500.000.000	325.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	-	154.653.300.000
Mệnh giá cổ phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh	**636.560.000**	**636.560.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	486.000.000	486.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	150.560.000	150.560.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	**1.300.000.000**	**81.300.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị IPA	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	-	80.000.000.000

	Số cuối năm			*Số đầu năm*
Chứng chỉ quỹ	*Số chứng chỉ quỹ nắm giữ*	*Số chứng chỉ quỹ đang lưu hành*	*Tỷ lệ nắm giữ (%)*	*Số chứng chỉ quỹ nắm giữ*
VNDAF	5.000.000	14.239.646	35,11%	5.000.000

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng, thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

		Năm nay		*Năm trước*	
Họ và tên	*Chức danh*	*Tiền lương, thưởng*	*Thù lao*	*Tiền lương, thưởng*	*Thù lao*
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT	4.157.000.000	192.000.000	4.782.499.996	192.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	6.587.300.000	192.000.000	10.846.423.073	192.000.000
Ông Mai Hữu Đạt	Phó Chủ tịch HĐQT	980.000.000	192.000.000	919.500.000	192.000.000
Ông Vũ Hiền	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Thành viên	3.756.521.739	192.000.000	-	192.000.000
Ông Vũ Việt Anh	Thành viên độc lập HĐQT	-	192.000.000	-	192.000.000
Ông Điêu Ngọc Tuấn	Giám đốc Quản trị	3.084.666.668	-	7.840.987.182	-
Ban Kiểm soát	Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát	-	360.000.000	-	360.000.000
Tổng cộng		**18.565.488.407**	**1.320.000.000**	**24.389.410.251**	**1.320.000.000**

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 *Thông tin báo cáo bộ phận*

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	*Tự doanh*	*Kinh doanh nguồn vốn*	*Các bộ phận khác*	*Tổng cộng*
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.448.954.361.133	3.460.971.888.241	553.174.973.320	195.914.478.898	6.659.015.701.592
2. Các chi phí trực tiếp	980.280.090.707	2.465.885.964.492	93.849.121.732	136.551.894.278	3.676.567.071.209
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	**1.468.674.270.426**	**995.085.923.749**	**459.325.851.588**	**59.362.584.620**	**2.982.448.630.383**
3. Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	174.044.853.367	245.967.974.886	39.313.618.353	13.923.455.370	473.249.901.976
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	1.069.781.301	1.069.781.301
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**1.294.629.417.059**	**749.117.948.863**	**420.012.233.235**	**44.369.347.949**	**2.508.128.947.106**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
1. Tài sản phân bổ	14.701.693.024.521	25.129.191.609.133	10.461.246.542.992	1.105.830.372.772	51.397.961.549.418
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	230.941.587.814	230.941.587.814
Tổng tài sản	**14.701.693.024.521**	**25.129.191.609.133**	**10.461.246.542.992**	**1.336.771.960.586**	**51.628.903.137.232**
1. Nợ phải trả bộ phận	21.648.147.999	1.063.359.334.197	28.776.277.422.200	78.806.342.806	29.940.091.247.202
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	785.903.351.666	785.903.351.666
Tổng nợ phải trả	**21.648.147.999**	**1.063.359.334.197**	**28.776.277.422.200**	**864.709.694.472**	**30.725.994.598.868**

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.2 *Thông tin báo cáo bộ phận* (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	*Tự doanh*	*Kinh doanh nguồn vốn*	*Các bộ phận khác*	*Tổng cộng*
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.072.983.295.708	2.770.467.597.084	423.338.683.997	82.123.321.969	5.348.912.898.758
2. Các chi phí trực tiếp	765.590.125.658	1.792.873.187.782	53.912.141.958	191.440.151.710	2.803.815.607.108
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	**1.307.393.170.050**	**977.594.409.302**	**369.426.542.039**	**(109.316.829.741)**	**2.545.097.291.650**
3. Khấu hao, hao mòn và các chi phí không phân bổ	175.681.911.342	234.792.554.178	35.877.254.440	6.959.815.933	453.311.535.893
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	3.461.623.460	3.461.623.460
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**1.131.711.258.708**	**742.801.855.124**	**333.549.287.599**	**(119.738.269.134)**	**2.088.324.132.297**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
1. Tài sản phân bổ	10.641.562.169.525	25.730.172.758.642	6.553.720.112.527	1.062.447.020.316	43.987.902.061.010
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	306.874.611.461	306.874.611.461
Tổng tài sản	**10.641.562.169.525**	**25.730.172.758.642**	**6.553.720.112.527**	**1.369.321.631.777**	**44.294.776.672.471**
1. Nợ phải trả bộ phận	14.441.398.117	1.120.954.391.205	22.892.623.568.379	78.629.524.624	24.106.648.882.325
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	473.059.096.935	473.059.096.935
Tổng nợ phải trả	**14.441.398.117**	**1.120.954.391.205**	**22.892.623.568.379**	**551.688.621.559**	**24.579.707.979.260**

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.3 *Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 01 năm	4.180.000.000	222.056.800
Từ 01 – dưới 05 năm	32.119.383.800	59.608.796.800
Từ 05 năm	97.737.168.958	112.343.734.123
Tổng cộng	**134.036.552.758**	**172.174.587.723**

32.4 *Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ*

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

32.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh tại cuối năm.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, và chứng quyền có bảo đảm.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, do đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị. Nợ phải trả tài chính phần lớn có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa, dịch vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Cho mục đích giảm thiểu rủi ro ngoại tệ, Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ, hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ,... với các ngân hàng thương mại.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Các cổ phiếu, trái phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, trái phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thường xuyên thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5* và *Thuyết minh số 7.2*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có tính thanh khoản tốt.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Tổng cộng	*Số dư đã dự phòng*	*Không quá hạn và không bị suy giảm*	*Quá hạn nhưng không bị suy giảm*			
				<= 90 ngày	*91 - 180 ngày*	*> 180 ngày*	*> 210 ngày*
Số đầu năm	10.343.627.985.292	60.987.712.164	10.067.215.053.502	132.760.736.461	47.818.990.404	8.661.158.397	26.184.334.364
Số cuối năm	14.319.104.587.203	8.952.591.459	14.205.711.393.706	48.208.289.044	30.792.926.744	7.242.947.913	18.196.438.337

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính* (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Quá hạn*	*Không kỳ hạn*	*Đến 01 năm*	*Từ trên 01 - 05 năm*	*Trên 05 năm*	*Tổng cộng*
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	***1.622.127.447.102***	-	-	-	***1.622.127.447.102***
Tài sản tài chính	***113.378.613.833***	***22.537.478.294.142***	***22.763.991.973.370***	-	***844.109.132.000***	***46.258.958.013.345***
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	22.537.478.294.142	-	-	-	22.537.478.294.142
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	8.558.266.000.000	-	-	8.558.266.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	113.378.613.833	-	14.205.725.973.370	-	-	14.319.104.587.203
Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	836.115.332.000	836.115.332.000
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	7.993.800.000	7.993.800.000
Tài sản khác	***2.041.594.490.237***	***114.174.346.649***	***1.806.725.813.282***	***213.381.752.145***	***87.045.107.236***	***4.262.921.509.549***
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	1.658.760.000	2.233.972.428	-	3.892.732.428
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	2.041.594.490.237	920.341.924	1.786.406.545.294	153.378.798.957	-	3.962.300.176.412
Tài sản khác	-	113.254.004.725	-	-	-	113.254.004.725
Chi phí trả trước	-	-	18.660.507.988	57.768.980.760	-	76.429.488.748
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	87.045.107.236	87.045.107.236
Tổng cộng	**2.154.973.104.070**	**24.273.780.087.893**	**24.570.717.786.652**	**213.381.752.145**	**931.154.239.236**	**52.144.006.969.996**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	26.462.875.618.896	-	-	26.462.875.618.896
Trái phiếu phát hành	-	-	249.888.284.931	1.997.859.401.960	-	2.247.727.686.891
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	1.091.550.489.671	-	-	1.091.550.489.671
Chi phí phải trả	-	-	70.948.757.923	-	-	70.948.757.923
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	434.556.157.973	-	-	434.556.157.973
Phải trả, phải nộp khác	-	292.314.778.104	126.021.109.410	-	-	418.335.887.514
Tổng cộng	**-**	**292.314.778.104**	**28.435.820.418.804**	**1.997.859.401.960**	**-**	**30.725.994.598.868**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**2.154.973.104.070**	**23.981.465.309.789**	**(3.865.102.632.152)**	**(1.784.477.649.815)**	**931.154.239.236**	**21.418.012.371.128**

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

32.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản bảo đảm

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư các tài sản tài chính được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty là 17.485 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 15.049 tỷ đồng).

Công ty có giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoài	Bà Nguyễn Thị Hương	Ông Nguyễn Vũ Long

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn